TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI
PGS.TS. NGUYỄN VĂN CẦN

ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI
PGS.TS. NGUYỄN VĂN CẦN

ĐỊA CHÍ VĂN HÓA VIỆT NAM

Giáo trình dùng cho sinh viên đại học và cao đẳng các ngành văn hóa

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
Hà Nội - 2011

LỜI MỞ ĐẦU

Trước xu thế toàn cầu hóa về văn minh kỹ thuật đang diễn ra như một tất yếu khách quan với quy mô rộng lớn và gia tốc mạnh mẽ, văn hóa dân tộc cần chứng tỏ bản lĩnh vững vàng trong vai trò giữ gìn sự ổn định và điều tiết xã hội. Vì vậy, ngày nay khai thác văn hóa dân tộc chính là để phát huy nguồn lực tinh thần của dân tộc, đóng góp vào sự hội nhập và phát triển. Địa chí văn hóa là bộ phận nằm trong vốn di sản văn hóa dân tộc, văn bản hóa các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể. Giảng dạy kiến thức về địa chí văn hóa Việt Nam cho sinh viên khối khoa học xã hội và nhân văn, trước hết là ngành văn hóa nghệ thuật là góp phần bồi dưỡng hành trang văn hóa dân tộc, nâng cao sự hiểu biết về vốn di sản văn hóa trong từng vùng, từng địa phương cho họ. Đó là điều kiện cần thiết giúp sinh viên hình thành nhân cách công dân Việt Nam trong xu thế hội nhập với thế giới.

Giáo trình Địa chí văn hóa Việt Nam cung cấp kiến thức cơ bản cho sinh viên về lý luận địa chí văn hóa, các khái niệm, đặc trưng, phân loại, giá trị của địa chí văn hóa, lịch sử hình thành và phát triển địa chí văn hóa ở Việt

Nam cũng như phương pháp bổ sung, bảo quản, khai thác, biên soạn địa chí văn hóa để phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa hiện nay.

Giáo trình gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát về địa chí văn hóa

Chương 2: Lịch sử địa chí văn hóa ở Việt Nam

Chương 3: Bổ sung, bảo quản, khai thác, biên soạn địa chí văn hóa

Tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới các giáo sư, các nhà khoa học và đồng nghiệp về những ý kiến đóng góp vào nội dung của giáo trình và mong muốn tiếp tục nhận được nhiều ý kiến của bạn đọc để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn. Thư từ góp ý xin gửi về Trường đại học Văn hóa Hà Nội - 418 đường La Thành - Phường Ô Chợ Dừa - Quận Đống Đa - Hà Nội. Điện thoại: 04.8511971 - 103. Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội ngày 04 tháng 3 năm 2006.

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA CHÍ VĂN HÓA

1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1.1. Địa chí

Nghiên cứu vùng là một trong những hướng nghiên cứu vừa truyền thống, vừa hiện đại. Truyền thống vì ở Đông Á, Trung Hoa và các vùng ảnh hưởng của nó, hàng ngàn năm nay, từ khoảng thời nhà Chu đã có một thể loại văn chương gọi là phương chí hay địa chí. Hiện đại, vì nghiên cứu vùng (Erea studies) bắt đầu từ giới học giả Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản, rồi Đông Nam Á và đã có bài bản được truyền dạy ở đại học, từ cấp vi mô (làng-buôn, huyện, tỉnh-thành...) đến cấp vĩ mô (vùng, miền như miệt vườn Nam Bộ, châu thổ sông Hồng...) với hệ thống lý thuyết, phương pháp và ứng dụng vào thực tế mà cốt lõi là cách tiếp cận liên ngành và cách làm kết hợp liên cơ quan, liên tổ chức, liên làng, liên huyện, liên tỉnh.

Theo nghĩa của từ thì địa là đất, vùng đất, địa phương; chí là ghi chép, khảo tả về vùng đất. Địa chí là

công trình khoa học ghi chép, khảo tả, điều tra cơ bản theo một bút pháp riêng, cô đọng, khách quan, đúng sự thật về một vùng đất ở những nét tổng thể nhất, trong thời gian lịch sử nhất định, bằng bất cứ ngôn ngữ nào. Trong lịch sử thư tịch nhân loại, địa chí là thể loại tồn tại lâu đời. Theo thời gian, hạt nhân của thể loại không thay đổi. Nội dung ghi chép của địa chí khá toàn diện, phản ánh đầy đủ các yếu tố Thiên - Địa - Nhân, trong đó địa là yếu tố cơ bản nhất và yếu tố nhân cũng rất quan trọng. Ba yếu tố này dựa trên cơ sở tư tưởng triết học, văn hóa phương Đông và Trung Quốc. Người ta thường nói Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa, đất địa linh, sinh nhân kiệt. Đây là luật phong thuỷ, thể hiện sự phù hợp giữa con người với môi trường. Con người được hiểu là một tiểu vũ trụ, nằm trong vũ trụ bao la giữa trời và đất. Theo cổ nhân, người hiểu biết là người trên thông thiên văn, dưới tường địa lý và giữa là hiểu con người. Con người muốn sáng tạo và dự báo cho hôm nay và ngày mai phải có tri thức. Qua đó ta lại càng hiểu sâu thêm ý nghĩa triết học và sự ảnh hưởng lẫn nhau của các yếu tố trên. Địa chí đã khắc họa diện mạo chung của từng vùng đất. Với những đặc điểm riêng về nội dung và thể loại, sách địa chí có giá trị thực tiễn và tính khách quan, khoa học. Loại sách này trong lịch sử đã mang nhiều tên gọi khác nhau như "địa ký, ký, đồ chí, lục, chí". Khảo

sát các sách địa chí Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, có các thể như: chí, ký, lục được dùng phổ biến. *Ví dụ: Hoàng Việt địa dư chí, Hi Ta Chi Phu đô ký, Hoan Châu phong thổ ký, Cao Bằng lục*. Trong ba thể chí, ký, lục thì chí là thể chủ đạo. Đứng về mặt thể tài, chí là một thể của sử do Ban Cố sáng tạo ra (năm 32-92 SCN) trong sách *Hán thư* của Trung Quốc, một bộ sử lớn được viết theo thể ký truyện của Sử ký Tư Mã Thiên. Phan Huy Chú viết Lịch triều hiến chương loại chí đã mô phỏng lối viết theo các chí ở *Hán thư*. Ký có nghĩa là ghi chép (ký lục). Sách địa chí ở Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản được gọi là ký như: *Hoan Châu phong thổ ký, Hi ta chi Phu đô ký*, thì được hiểu là ghi chép về đất đai, phong tục ở Hoan Châu và ở Hi ta chi. Lục cũng có nghĩa là ghi chép. Theo sự phân loại trong *Tứ khố tàn thư tổng mục* của Trung Quốc, địa chí được xếp vào loại địa lý thuộc sử bộ với các sách viết về đô hội, quận huyện, sông kè, biên phòng, núi sông, cổ tích (24). Theo quan niệm phổ biến ở Trung Quốc và Việt Nam xưa kia, *Vũ cống* được xem là khởi thủy của sách địa chí. Vũ cống là tên một thiên trong sách Kinh thư. *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi là cuốn địa chí cổ hiện còn giữ được ở nước ta, có thể thức như lối viết *Vũ cống* và cũng có tên gọi là *An Nam Vũ cống*.

Khái niệm "địa chí" đã được các nhà nghiên cứu

trong và ngoài nước giải thích, cũng như chú giải trong từ điển như sau:

Theo *Từ điển Từ nguyên* do nhà xuất bản Thượng Hải (Trung Quốc) xuất bản năm 1914 thì địa chí là sách chép về địa dư (= ghi chép về một vùng đất) bao gồm hình thể, núi sông, phong tục, sản vật của vùng đất (24).

Trong *Giản yếu Hán Việt từ điển* , GS. Đào Duy Anh quan niệm: địa là đất, một khu vực trên mặt đất, miền, nơi chốn, địa phương. Chí là ghi lấy, bài văn chép, sách biên chép của sự vật, ghi chép. Địa chí là sách biên chép dân phong, sản vật, địa thế các địa phương (monographie)(6).

Theo GS. Đinh Gia Khánh, thuật ngữ địa chí của ta tương ứng với thuật ngữ quốc tế Chorography. Thuật ngữ này do hai từ căn Hy Lạp tạo nên: Khoră nghĩa là xứ sở, graphe nghĩa là ghi chép (16).

Theo GS. Trần Quốc Vượng, địa chí là một loại chuyên khảo (Monographie) về một vùng có lãnh thổ và bản sắc văn hóa xác định (24).

Các nhà khoa học Nga trong *Từ điển bách khoa Xô viết* thì cho rằng địa chí học là nghiên cứu một bộ phận nhất định của đất nước, một thành phố, làng bản, hoặc điểm dân cư chủ yếu do người dân địa phương cùng với các nhà

nghiên cứu, các tổ chức khoa học tiến hành, mà phần lãnh thổ được nghiên cứu này là quê hương của họ (2).

Từ ý kiến trong các cuốn từ điển và của các nhà nghiên cứu bàn về nội hàm thuật ngữ này, có thể nhận thấy hạt nhân hợp lý và giá trị khoa học mang tính thực tiễn về khái niệm địa chí. Trên cơ sở đó có thể rút ra một số kết luận sau:

- Địa chí là loại sách khoa học, ghi chép, phản ánh về địa phương, có thể là một làng xã, một huyện, một tỉnh, thành phố hoặc rộng hơn, một vùng, miền gồm nhiều tỉnh.

- Nội dung của sách địa chí chứa đựng vốn hiểu biết toàn diện, có hệ thống và tối thiểu về một vùng đất.

- Sách địa chí thực hiện các chức năng như tri thức - nhận thức, tra cứu - công vụ phục vụ thực tiễn và công cụ giáo dục.

- Sách địa chí ghi chép các hiện tượng ở địa phương, trong đó có văn hóa mang tính khách quan, chính xác, cụ thể, khoa học và phong phú trong một thời điểm lịch sử nhất định với bất cứ ngôn ngữ nào, dưới hình thức nào.

1.1.2. Địa chí học (Địa phương học)

Một bộ môn khoa học được xác định khi có đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và hệ thống

thuật ngữ riêng. Địa chí học là môn khoa học mà đối tượng nghiên cứu của nó là vùng, địa phương nhất định trong một quốc gia. Trong hoạt động nghiên cứu địa chí địa phương là một phần của đất nước, được phân chia theo nhiều dấu hiệu khác nhau như vật lý địa chất, kinh tế, lịch sử, văn hóa, song trước hết trên cơ sở hành chính - lãnh thổ hiện tại (tỉnh, thành phố, huyện, xã...). Mục đích nghiên cứu để hiểu biết và khai thác các tiềm năng ở địa phương, phát triển kinh tế văn hóa - xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Môn khoa học này có phương pháp nghiên cứu nhất định, bao gồm phương pháp nghiên cứu chung cùng với các ngành khoa học khác như liên ngành, lịch sử, so sánh, đồng thời có phương pháp nghiên cứu riêng trong lĩnh vực của mình như thu thập tư liệu, điều tra điền dã, thống kê, phân loại v.v... Địa chí học có quá trình lịch sử phát triển lâu dài. Đầu tiên là phần địa lý lịch sử nằm trong lịch sử, một trong những bộ môn bổ trợ cho khoa học lịch sử. Nhiệm vụ của nó là xác định các địa danh trong các thời kỳ lịch sử. Từ thế kỷ thứ XV ở Tây Âu, chế độ phong kiến tan rã, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đòi hỏi xâm chiếm thuộc địa, vơ vét tài nguyên thiên nhiên của các nước kém phát triển, tìm kiếm và mở rộng thị trường mới, những vùng đất mới để tiêu thụ hàng hóa, khai thác lực lượng lao động. Do nảy sinh nhu cầu nghiên cứu, ghi chép

về những vùng đất, nên khoa học địa chí ra đời. Lúc đầu từ phần đại lý lịch sử của bộ môn lịch sử tách dần ra thành địa chí học, càng phát triển nó càng chuyên sâu hơn và càng liên ngành hóa.

Trước hết nó liên hệ với những ngành khoa học cũng tham gia nghiên cứu địa phương như lịch sử, văn học, địa lý, xã hội học, văn hoá học, sau đó tới các bộ môn khoa học về môi trường và trái đất, khoa học kỹ thuật nông nghiệp. Địa chí học là bộ môn thuộc khoa học xã hội và nhân văn. Ở nước ta hiện nay, hoạt động nghiên cứu tìm hiểu các địa phương ngày càng được các cấp lãnh đạo, quản lý quan tâm. Trong Báo cáo chính trị Đại hội lần thứ XIV (2005) của Đảng bộ thành phố Hà Nội về phát triển giáo dục - đào tạo nhấn mạnh cần phải đưa môn Hà Nội học vào giảng dạy ở các trường của thành phố. Xuất hiện các nhà nghiên cứu về các địa phương như về Thăng Long - Hà Nội (Trần Quốc Vượng, Nguyễn Vinh Phúc, Hoàng Đạo Thuý), về Nam Bộ và Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh (Trần Văn Giầu, Sơn Nam, Trần Bạch Đằng), về Huế (Phan Thuận An, Nguyễn Xuân Hoa), về Nghệ Tĩnh (Nguyễn Đổng Chi, Ninh Viết Giao) v.v...

1.1.3. Địa chí văn hoá là loại địa chí chuyên ngành, là một bộ phận của địa chí tổng hợp, trong đó ghi chép, điều tra về văn hoá của một địa phương nhất định. Địa chí

văn hoá đã văn bản hoá các giá trị văn hoá, khắc hoạ nên diện mạo, đặc trưng, sắc thái độc đáo, sự phong phú trong văn hoá của từng vùng đất. Địa chí văn hoá phản ánh các di sản văn hoá vật thể, văn hoá phi vật thể, danh nhân văn hoá từng địa phương. Di sản văn hoá là những sản phẩm vật chất và tinh thần do con người hoặc thiên nhiên sáng tạo và được con người sử dụng, từ đó hình thành các giá trị về lịch sử, văn hoá, khoa học và thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc.

Di sản văn hoá vật thể ở địa phương là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học do con người nhận thức và sáng tạo ra nhằm đáp ứng mọi nhu cầu vật chất như ăn, mặc, ở, đi lại v.v... Những vật thể như đình, đền, chùa, miếu, tháp, lăng mộ, phố cổ, cung điện, các loại công trình kiến trúc, nhà ở, cầu quán, danh thắng do con người phát hiện và tôn tạo thể hiện mức độ và trình độ phát triển của địa phương. Đó còn là những cổ vật còn giấu mình trong lòng đất hay đang được lưu trữ trong các viện bảo tàng, là những bản thông điệp không lời lưu giữ giá trị văn hoá cho các thế hệ người Việt Nam. Di sản văn hoá vật thể ở các địa phương nước ta rất phong phú. Tại vùng châu thổ Bắc Bộ, di sản văn hoá vật thể được khái quát thành câu thành ngữ dân gian: Cầu Nam, chùa Bắc, đình Đoài. Trải qua các biến động của lịch sử do chiến tranh và

thời tiết khắc nghiệt tàn phá đã bị mất mát khá nhiều, nên cần được tôn tạo và bảo tồn.

Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu giữ, lưu truyền bằng nhiều hình thức bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và tri thức dân gian khác. Theo công ước tại hội nghị quốc tế về di sản văn hoá phi vật thể do UNESCO tổ chức từ ngày 10 đến ngày 12 tháng 6 năm 2002 thì di sản văn hoá phi vật thể được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hoá có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm và trong trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hoá của họ. Khi chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hoá phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hoá và tính sáng tạo của con

người. Di sản văn hoá phi vật thể thể hiện ở những hình thức sau:

- Các truyền thống và biểu đạt truyền khẩu, trong đó ngôn ngữ là biểu đạt của di sản văn hoá phi vật thể.

- Nghệ thuật trình diễn.

- Tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội.

- Tri thức và tập quán liên quan đến tự nhiên và vũ trụ.

- Nghề thủ công truyền thống.

Văn hoá phi vật thể tồn tại trong trí nhớ, tập tính của con người, thông qua hoạt động của con người mới thể hiện ra.

Sự phân chia giữa văn hoá vật thể và phi vật thể chỉ mang tính tương đối, vì nhiều khi chúng lồng vào nhau, cái nọ có trong cái kia, cùng nhau phát huy giá trị của nó. Văn hoá phi vật thể là linh hồn của văn hoá vật thể. Di tích đền Hùng càng được nhiều người biết đến và phát huy giá trị khi chúng ta tổ chức lễ hội đền Hùng. Cũng vậy, âm nhạc là văn hoá phi vật thể, nhưng thể hiện nó thông qua các loại nhạc cụ. Sự phân định giữa hai khái niệm di sản văn hoá vật thể và phi vật thể không chỉ dựa vào những luận điểm khoa học du nhập từ bên ngoài, mà còn chú ý tới sắc thái bản địa và đặc thù của từng địa phương. Chẳng hạn,

khi khách nước ngoài muốn biết về văn hoá Đông Sơn, họ đến Việt Nam để chiêm ngưỡng chiếc trống đồng và hiểu rằng nó chỉ là một chiếc trống để đánh, thì họ sẽ mất hứng thú. Nếu là trống thì đánh như thế nào, mô phỏng ra làm sao? Cần dựa trên những căn cứ khoa học lịch sử để quay băng phục dựng lại cảnh đánh trống. Và nếu trống đồng là một biểu tượng của quyền uy thì quyền uy ấy được diễn tả như thế nào. Tại sao chúng ta không dám mạnh dạn nói đó là một công cụ lịch pháp, dù chỉ là giả thiết khoa học. Tất cả những cái đó chính là những giá trị văn hoá phi vật thể của hiện vật. Đấy mới là điều thu hút khách thăm quan chứ không phải chỉ là việc nhìn thấy cái trống và rồi trở về nước khoe với mọi người. Sự diễn tả và trình bày các giá trị văn hoá phi vật thể ở các bảo tàng của chúng ta nhìn chung còn yếu. Văn hoá phi vật thể thường được vật chất hoá và ẩn chứa trong các hiện vật cụ thể.

Việc bảo tồn văn hoá vật thể đã hết sức khó khăn thì đối với văn hoá phi vật thể còn khó khăn và phức tạp hơn. Vì vậy nhiệm vụ của bảo tàng không phải là trưng bày hiện vật. Khách du lịch phần lớn là những người am hiểu văn hoá và có vốn kiến thức nhất định. Thị hiếu của họ không chỉ đơn thuần là quan sát, mà ẩn chứa sau đó là sự hiểu biết thêm điều gì về văn hoá và con người Việt Nam. Đấy mới là cái đích khi họ đến các bảo tàng. Bởi vậy các

hiện vật cụ thể phải mang những giá trị truyền thống nhất định. Các bảo tàng hiện nay cần tiến hành tốt khâu truyền thông để khách thăm quan thấy được di sản văn hoá phi vật thể.

Một trong những nội dung quan trọng được ghi chép và phản ánh trong các công trình địa chí văn hoá là các danh nhân văn hoá. **Danh nhân văn hoá** là những người đã từng sống một thời gian hoặc cả đời với một địa phương, một vùng đất nhất định và có những quan hệ sáng tạo với vùng đất đó như đóng góp những công trình khoa học, văn hoá nghệ thuật. Họ là những tấm gương sáng, là chuẩn mực văn hoá cho từng vùng đất, để lại những di sản cho đời sau noi gương và học tập. Bất cứ sản phẩm văn hoá nào thoạt đầu cũng là do những nhân vật kiệt xuất - tức những anh hùng văn hoá sống trong một cộng đồng xã hội tại một địa vực nào đó sản sinh ra. Trên phương diện con người, những "sản phẩm" văn hoá tiêu biểu nhất là các danh nhân. Họ luôn luôn xuất hiện ở từng địa phương, từng dân tộc trong mọi thời đại. Các danh nhân văn hoá là những đại diện xuất sắc nhất cho nền văn hoá của dân tộc, của thời đại. Họ là những người góp phần quan trọng vào sự phát triển nền văn hoá của dân tộc. Trong lịch sử Việt Nam, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh ... là những con người như thế. Thông qua các danh nhân văn hoá, địa

chí văn hoá góp phần giáo dục niềm tự hào về truyền thống văn hoá không chỉ đối với nhân dân địa phương mà còn với cả nước, với nhiều thế hệ. Văn hoá truyền thống của một vùng, một địa phương được cấu thành bởi nhiều yếu tố mà trong đó con người là yếu tố sáng tạo, yếu tố quan trọng bậc nhất. Nhưng nếu con người là chủ thể sáng tạo ra văn hoá thì đến lượt mình, văn hoá lại sáng tạo ra con người. Vì vậy, con người không thể không mang những đặc điểm riêng của một vùng văn hoá. Về quan niệm danh nhân văn hoá và sưu tầm tư liệu về danh nhân cũng còn có nhiều ý kiến. Song có thể chia danh nhân thành ba loại: loại thứ nhất sinh và suốt đời đóng góp cho một địa phương. Loại thứ hai danh nhân sinh ra ở một nơi và cả cuộc đời lại cống hiến ở địa phương khác. Loại thứ ba sinh ra ở một nơi và hoạt động của họ vượt ra khỏi địa phương, để trở thành danh nhân quốc gia và quốc tế. Vùng Thăng Long - Hà Nội chính là nơi tạo ra những mẫu người kết tinh những giá trị văn hoá Việt Nam như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Cao Bá Quát... Họ là những ngôi sao "khuê" toả sáng mãi trên bầu trời nước Việt.

Địa chí văn hoá ghi chép và phản ánh rõ nét các vùng và tiểu vùng văn hoá. Cơ sở phân vùng văn hoá để chúng ta chia ra các tiểu vùng. Sự phân vùng văn hoá khác

với các khu vực hành chính đó là những vùng có đặc trưng giống nhau về mặt lãnh thổ, điều kiện sống tộc người. Đất nước ta rộng lớn có các vùng và tiểu vùng văn hoá. Mỗi không gian văn hoá như vậy tương đương với các xứ như xứ Nghệ, xứ Huế, xứ Quảng. Mỗi xứ có diện mạo văn hoá riêng, đặc thù riêng. Đặc thù này do điều kiện tự nhiên, địa hình và tộc người quy định. Chẳng hạn tiểu vùng văn hoá Kinh Bắc nơi phát tích của văn hoá Việt vì ở đây có sự giao thoa với văn hoá Hán, văn hoá Phật giáo, còn chốn Sơn Nam là sự mở rộng của văn hoá Việt. Xứ Quảng là một tiểu vùng trong bối cảnh vùng văn hoá Nam Trung Bộ. Đến lượt nó, Quảng Nam - Xứ Quảng lại có thể được nhìn, dưới cái nhìn địa - văn hoá, thành các tiểu vùng (hay các hệ sinh thái nhân văn, văn hoá) thành Quảng Nam núi, Quảng Nam đồi, Quảng Nam châu thổ, Quảng Nam ven biển, Quảng Nam đảo và quần đảo (như Cù Lao Chàm (gần bờ) và xa bờ (Hoàng Sa). Vấn đề đặt ra là làm sao kết hợp cái nhất thể và đa thể của một Việt Nam, của một Quảng Nam. Tự nhiên, tự nó đã có yếu tố liên kết biến hoá: liên kết bằng biển. Biển khơi mênh mông từ Bắc chí Nam. Liên kết núi - trung du - biển bằng sông chảy theo hướng Tây - Đông. Và hơn hết là sự liên kết bởi con người: liên kết cộng đồng (bằng kinh tế, bằng cộng cảm, bằng sự cảm thông "lá lành đùm lá rách", "bầu ơi thương lấy bí

cùng". Sự cảm thông qua lễ hội văn hoá được tổ chức quanh đền tháp, chùa chiền, đình làng. Bằng những nối kết xã hội với ba nguyên lý: cùng dòng máu, thân tộc; cùng chỗ: hàng xóm láng giềng, đồng châu, đồng quận, đồng hương; cùng lợi ích: lợi ích chung về ruộng đất, thuỷ lợi, rừng núi, cá mú. Liên kết bằng hành chính - quản trị, chính trị: xưa là tiểu quốc Amaravati, là huyện Tượng Lâm, Lâm Ấp; nay là các đoàn thể, chính quyền thôn - xã, huyện, tỉnh. Mỗi vùng, địa phương, cũng như toàn Việt Nam là ngã tư đường của các tộc người và các nền văn hoá, văn minh. Giao lưu - giao tiếp - giao thoa - tiếp xúc và biến đổi văn hoá là một quy luật khách quan. Bất cứ một nền văn hoá (ví dụ văn hoá Việt Nam) hay một tiểu vùng văn hoá nào đều là kết quả của sự tác động qua lại giữa những nội lực tự sinh và những lực tác động từ bên ngoài. Điều đó có nghĩa là ở trong lòng văn hoá Quảng Nam - Việt Nam bao giờ cũng có thể bóc tách được các nhân tố nội sinh và ngoại sinh từ muôn phương tới. Nhân tố ngoại sinh từ (Trung Hoa, Nhật Bản, Đông Nam Á: Nam Dương, Indonesia, Xiêm - Thái, Căm pu chia, Lào...), phương Tây (Tây Âu, Mỹ, Úc, Phi, và trước đó Ba Tư, Ả Rập). Rồi xứ Quảng - Quảng Nam - Việt Nam lại có sự xếp tầng, xếp lớp văn hoá, quá trình lắng đọng - trầm tích văn hoá diễn ra trong diễn trình lịch sử kể từ dưới lên trên (văn hoá

Quảng Nam hiện đại, văn hoá Kinh - Việt, văn hoá Chăm - Hoa - Ấn, văn hoá Sa Huỳnh, các văn hoá tiền Sa Huỳnh, văn hoá Bãi Ông (Cù Lao Chàm), văn hoá Bầu Dũ hậu Hoà Bình. Có thể hiểu văn hoá với tất cả tính phức hợp của nó và vai trò của văn hoá trong xã hội hôm nay đang ở trong quá trình biến động, đô thị hoá, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, quá trình mở cửa hội nhập với khu vực ASEAN và quốc tế trong mối liên hệ với các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội, tôn giáo.

1.1.4. Địa chí văn hoá dân gian ghi chép và phản ánh về văn hoá, nhưng không phải văn hoá bác học, văn hoá chính thống, văn hoá cung đình mà về văn hoá dân gian (Folklore) địa phương. Văn hoá dân gian ở địa phương bao gồm các sáng tác, hoạt động văn hoá dân gian như ngôn ngữ, lễ hội dân gian, các trò chơi, thần thoại, lễ nghi, phong tục, loại hình văn học nghệ thuật dân gian, kinh nghiệm chữa bệnh cổ truyền, các nghề thủ công truyền thống. Đặc trưng của văn hoá dân gian là tính dị bản, tính truyền miệng, tính cộng đồng. Văn hoá dân gian do công chúng sáng tác chuyển tải, phổ biến và hưởng thụ. Văn hoá truyền thống thường bao giờ cũng gắn với văn hoá dân gian. Văn hoá dân gian thường mang tính địa phương và gắn với môi trường diễn xướng nhất định, là cơ sở để hình thành văn hoá dân tộc.

Từ những ghi chép về văn hoá của từng vùng đất tổng hợp lại thành bộ sưu tập về văn hoá của cả nước. Do vậy, địa chí văn hoá góp phần nhất định vào sự phát triển bền vững về văn hoá, phát triển văn hoá là để xây dựng và phát triển con người.

Các khái niệm trên có liên quan mật thiết với nhau, cùng bổ sung và hỗ trợ cho nhau. Địa chí học phát triển sẽ tạo điều kiện công bố nhiều công trình địa chí và địa chí văn hoá có giá trị. Giữa địa chí và địa chí văn hoá có quan hệ ràng buộc cũng như giữa tài liệu địa chí và ấn phẩm địa phương. Do vậy cần hiểu rõ nội dung các khái niệm và chú ý mối quan hệ giữa chúng.

1.2. ĐẶC TRƯNG CỦA ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ

Đặc trưng thể hiện những đặc điểm cơ bản, tinh hoa, phản ánh diện mạo của đối tượng nghiên cứu, là nét riêng biệt và tiêu biểu được xem là dấu hiệu để phân biệt với những sự vật khác. Đặc trưng bổ sung cho khái niệm. Chẳng hạn, đối với các loại hình văn hoá nghệ thuật như múa, đặc trưng của nó là động tác, tiết tấu, còn đối với âm nhạc là âm thanh, với nghệ thuật tạo hình là mầu sắc, đường nét, hình khối...

1.2.1. Tính địa vực

Tính địa vực là đặc trưng tiêu biểu nhất của địa chí văn hoá. Bất cứ công trình địa chí nào cũng gắn với một địa danh nhất định của không gian như làng, xã, huyện, tỉnh, vùng, miền. Trong không gian địa phương tỉnh, thành phố thể hiện được đầy đủ các đặc trưng của địa phương, vì trong phạm vi tỉnh, thành phố thì công việc xây dựng, quản lý địa phương mới tiến hành ở quy mô và mức độ cao được. Do vậy xuất hiện nhiều tài liệu địa chí ghi chép, đề cập đến các tỉnh, thành phố. Các công trình địa chí thường xuất hiện dưới dang: "địa chí tỉnh", "chuyên khảo về tỉnh", "xưa và nay", "...đất nước con người". Chẳng hạn, "*Địa chí tỉnh Vĩnh Phúc*", "*Chuyên khảo về tỉnh Thanh Hoá*", "*Vĩnh Long xưa và nay*, "*Thái Bình đất nước con người*".

1.2.1. Tính tổng hợp

Tính tổng hợp hay tính đa diện, toàn diện vốn là đặc trưng cơ bản và vốn có của địa chí và địa chí văn hóa. Đây là bộ sưu tập thông tin đầy đủ nhất về địa phương nói chung cũng như văn hóa của nó. Nội dung ghi chép bao gồm cả quá khứ, hiện tại về thiên nhiên, địa lý, kinh tế, văn hóa, đời sống vật chất và tinh thần của con người. Trong tính toàn diện, đa diện đó thì Thiên - Địa - Nhân là ba yếu tố cơ

bản mà địa chí và địa chí văn hóa mô tả. Nhờ tính tổng hợp trong sự phản ánh nên các sách địa chí thường có liên quan đến nhiều ngành khoa học khác như lịch sử, địa lý, kinh tế, xã hội học, dân tộc học, văn hóa học. Khi biên soạn địa chí và địa chí văn hóa, các tác giả thường thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau và thường sử dụng phương pháp khoa học liên ngành. Địa chí được gọi là "sách bác vật" hay loại "bách khoa toàn thư"của một vùng đất.

1.2.3. Tính cô đọng, cơ bản, khách quan

Địa chí là một thể loại đặc biệt, ghi chép bằng bút pháp đặc biệt. Các vấn đề về địa phương trong đó có văn hóa được trình bày ở những nét tổng thể, cô đọng mang tính khách quan, ít bình luận và theo chủ quan đánh giá của tác giả. Chức năng chủ yếu của địa chí là ghi chép, thông tin, phản ánh. Việc lý giải, bình luận chỉ là nhiệm vụ thứ yếu. Các sự kiện trong địa chí sàng lọc qua con mắt người viết địa chí, đôi chỗ bình luận nhưng không tràn lan. Ghi chép đúng như sự thật, thuật lại mà không sáng tác, không ngụ ý khen chê, có sự lựa chọn. Tri thức trình bày trong địa chí tuy không sâu nhưng cơ bản, chủ yếu là mô tả, ghi chép khoa học. Địa chí có nhiệm vụ tổng hợp tình hình nghiên cứu về các vấn đề của địa phương đến thời điểm hiện tại ở những nét tổng thể nhất. Bút pháp của địa

chí không phải là của lịch sử. Trong các công trình địa chí cũng có phần ghi chép về lịch sử, truyền thống của một vùng đất, một địa phương, nhưng đó là sự ghi chép lịch sử địa phương theo thể địa chí, không mang ý kiến chủ quan đánh giá của tác giả. Nó khác với sách lịch sử, vì đối tượng của lịch sử là các sự kiện và thời gian. Lịch sử có nhiệm vụ tìm ra nguyên nhân của các sự kiện, phát hiện quy luật và phương hướng phát triển sự kiện. Địa chí không phải là lịch sử địa phương mà cũng không hẳn là địa lý địa phương, tuy rằng nó bao hàm ít nhiều nhiệm vụ địa lý - lịch sử địa phương. Địa chí văn hóa mô tả các sự kiện văn hóa thời quá khứ nên quan tâm đến trật tự thời gian của những sự kiện lịch sử. Người biên soạn địa chí thường từ thời điểm hiện tại mà nhìn về quá khứ xa xưa, còn trong lịch sử địa phương thì các sự kiện được sắp xếp theo trình tự thời gian từ xưa đến nay (theo lịch đại) và người biên soạn lịch sử phải chịu áp lực của những quan điểm tư tưởng - chính trị. Sách địa chí văn hóa được biên soạn không nhằm mục đích trình bày lịch sử văn hóa. Tuy nhiên với ý thức trình bày các hiện tượng văn hóa trong sự vận động của chúng theo dòng thời gian, các tác giả mong muốn có thể góp phần xây dựng lịch sử văn hóa địa phương. Thông qua đó sẽ đóng góp tư liệu để biên soạn lịch sử văn hóa đất nước. Địa chí văn hóa ghi chép những nét đẹp của văn hóa truyền thống địa phương về phong tục

tập quán, danh nhân văn hóa, lễ hội cổ truyền hay các giá trị được coi là chân - thiện - mỹ để khai thác, kế thừa và phát huy trong xây dựng nền văn hóa mới hiện nay. Do vậy, người biên soạn chú ý đến sự phân bố địa lý của các sự kiện văn hóa. Các nhà khoa học địa chí tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) đã đưa ra các nguyên tắc biên soạn địa chí là viết theo ngôi thứ ba, không dùng chữ ta: vùng ta, tỉnh ta, huyện ta...; viết không có bình luận mà chỉ thể hiện sự thật lịch sử; nêu đặc điểm nổi bật của địa phương, của thời đại; văn phong gọn ghẽ, chữ giản thể; nghiêm cấm viết bừa; tư liệu chính xác.

1.2.4. Tính tư liệu

Địa chí là loại sách công cụ, được ghi chép một cách khách quan, do đó mang tính chất tư liệu, chứa đựng vốn hiểu biết toàn diện và tối thiểu về một nước hay một đơn vị hành chính lãnh thổ như làng, xã, huyện, tỉnh. Tài liệu địa chí chuyển tải vốn hiểu biết cơ bản trên cơ sở khoa học về địa phương, nó cần thiết cho mọi đối tượng người đọc. Địa chí giúp họ nhận biết tổng thể, khách quan về địa phương từ thiên nhiên - đất nước - con người. Nếu không có kiến thức địa chí thì người dân địa phương chỉ quan tâm và hiểu biết một lĩnh vực cụ thể nào đó, một môi trường cụ thể nơi mình sống và làm việc mà thôi. Địa chí thực hiện chức năng giáo dục với nội dung giáo dục ý thức sinh thái,

cung cấp sự hiểu biết về môi trường xung quanh, giáo dục lòng yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về cảnh đẹp thiên nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa cách mạng của địa phương. Trên cơ sở đó hình thành ý thức xã hội và công dân cho thế hệ trẻ để khi trưởng thành góp phần xây dựng và làm cho quê hương thêm giàu đẹp. Địa chí văn hóa là công cụ tra cứu đắc lực, thường xuyên của các nhà nghiên cứu, nhà quản lý để tìm các sự kiện văn hóa, phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và quản lý, điều hành các hoạt động văn hóa tại địa phương.

1.2.5. Tính liên tục

Các sự kiện của địa phương và văn hóa luôn luôn sống động và thay đổi. Trong những thời điểm lịch sử khác nhau của đất nước có thể xuất hiện nhiều công trình địa chí khác nhau ghi chép về một vùng đất, một địa phương, song mỗi công trình thường phản ánh hoàn cảnh lịch sử - xã hội cụ thể. Thông thường các công trình sau tiếp thu được giá trị nội dung, phương pháp biên soạn của công trình đi trước, tạo thành một dòng chảy liên tục mang tính kế thừa.

1.3. PHÂN LOẠI ĐỊA CHÍ VĂN HÓA

Phân loại sự vật hiện tượng là cách mà con người sử dụng để có thể thâu tóm và nhận thức bản chất của sự vật

và hiện tượng tự nhiên, xã hội vốn vô cùng đa dạng, phong phú. Trong nghiên cứu khoa học, phân loại có vai trò hết sức quan trọng, là công cụ hữu hiệu nhất giúp con người nhận thức bản chất của đối tượng nghiên cứu. Vì vậy, tùy theo đối tượng và mục đích nghiên cứu mà sử dụng những cách phân loại khác nhau, miễn sao cách phân loại ấy phù hợp với mục tiêu nghiên cứu của mình. Phân loại là tư duy chủ quan của con người áp đặt lên các sự vật, hiện tượng mà vốn giữa chúng không phải bao giờ cũng có ranh giới rõ rệt. Vì thế, bất cứ cách phân loại nào đều có độ chênh giữa tư duy chủ quan và thực tại khách quan, giữa tính hợp lý và không hợp lý của nó. Ở ngành khoa học nào cũng vậy, phân loại là cơ sở và tiền đề để nghiên cứu tài liệu. Song bản thân việc phân loại lại là kết quả của việc nghiên cứu bước đầu lâu dài và công phu. Xác định một đối tượng nghiên cứu thường là xếp nó vào một phạm trù phân loại nhất định. Trong hệ thống phân loại có thể chia nhỏ thành nhiều tầng bậc, lớp lang như loại ngành, thể loại, loại hình, kiểu, cốt truyện, mẫu đề (mô típ). Khoa học cần đến sự phân loại để hệ thống hóa và dễ bề nghiên cứu, so sánh. Mục đích của phân loại địa chí văn hóa là để nhận biết các dạng, các loại hình tồn tại của địa chí văn hóa trong thực tiễn. Sự phân loại này mang ý nghĩa tương đối, vì các dấu hiệu đan xen nhau, cho nên khi nghiên cứu một công trình địa chí cụ thể, cần xem xét nó dưới nhiều dấu

hiệu khác nhau. Có thể dựa vào căc tiêu chí khác nhau để phân loại địa chí và địa chí văn hóa như phân loại theo nội dung tài liệu, theo thời gian lịch sử biên soạn và xuất bản tài liệu, theo ngôn ngữ, hình thức xuất bản và lưu trữ thông tin, theo địa dư (phạm vi không gian mà tài liệu địa chí đề cập đến). Trong các tiêu chí phân loại trên thì phân loại theo địa dư là tiêu chí cơ bản và bao quát hơn cả vì đã thể hiện được bản chất của thể loại địa chí cần nghiên cứu. Bởi vì bất cứ loại tài liệu địa chí nào cũng liên quan đến một địa dư, khu vực nhất định. Trên cơ sở phân loại địa chí văn hóa, chúng ta sẽ tiến hành tốt công tác sưu tầm, bảo quản, khai thác giá trị của chúng.

1.3.1. Theo địa dư

Phân loại theo địa dư bao gồm địa chí mang tính quốc chí và địa phương chí. Quốc chí (địa chí quốc gia) là loại sách có nội dung ghi chép và phản ánh toàn diện về các vùng miền của một đất nước. Do vậy, việc tổ chức, chỉ đạo biên soạn thường được chuẩn bị chu đáo mang tầm cỡ quốc gia. Trước đây, trong các triều đại phong kiến thì nhà vua và bộ phận trực tiếp thực hiện là Quốc sử quán. Ở Trung Quốc, trong lịch sử đã xuất hiện những bộ quốc chí được biên soạn công phu như *Đại Minh nhất thống chí*, *Đại Thanh nhất thống chí*. Bộ thứ nhất do nhóm Lý Hoàn biên soạn từ năm 1458 và hoàn thành năm 1461, bao gồm các

mục: dựng đặt, diên cách, tên gọi, hình thể, phong tục, cổ tích, nhân vật và sau cùng là phần các nước ngoại di. *Đại Thanh nhất thống chí* là bộ địa chí có tính chất toàn quốc lớn nhất đời Thanh. Năm Khang Hy 25 (1686) thành lập "Nhất thống chí quán" tập trung biên soạn *Đại Thanh nhất thống chí* do nhóm Trần Đình Kính, Từ Càn Học chủ biên. Sau 75 năm biên soạn, đến năm Càn Long thứ 8 (1743) sách hoàn thành gồm 342 quyển. Thể chế biên soạn của nó phần nhiều phỏng theo *Đại Minh nhất thống chí,* nhưng so sánh nội dung của hai bộ sách này thì thấy rõ thống chí đời Thanh đầy đủ hơn, khảo tả kỹ càng hơn. Ở Việt Nam, trong các thời kỳ lịch sử, trên cơ sở tiếp thu những kinh nghiệm nghiên cứu và biên soạn địa chí Trung Quốc, các bậc tiền bối đã biên soạn các quốc chí có giá trị, mở đầu là *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (1435), *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Việt địa dư toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu và Bùi Quỹ, *Hoàng Việt dư địa chí* của Phan Huy Chú... Các bộ quốc chí nước ta nhìn chung có nội dung ghi chép khá phong phú, tỉ mỉ về địa phương. Đỉnh cao của loại địa chí quốc gia này là bộ *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc sử quán triều Tự Đức biên soạn. Đây là bộ sách có giá trị dưới thời phong kiến. Nó được nhà xuất bản Khoa học xã hội dịch và xuất bản năm 1969, trong đó ghi chép trình tự về từng địa phương, từ Kinh sư đến các tỉnh hữu trực từ Quảng Bình đến Thanh

Hóa, rồi đến các tỉnh tả trực từ Quảng Nam đến Bình Thuận, sau đó đến các tỉnh Bắc kỳ và Nam kỳ. Về từng tỉnh, sách đề cập theo các mục sau: Vị trí, phân dã, dựng đặt và diên cách, kể cả diên cách các phủ huyện, châu trong tỉnh. Hình thể, khí hậu, phong tục, thành trì, trường học. Hộ khẩu, ruộng đất và thuế ruộng. Núi sông, cổ tích, cảnh quan và tấn sở. Nhà trạm, chợ và quán, đò và cầu. Đàn miếu, chùa quán. Nhân vật (qua các đời, trong đó không chỉ nhân vật lịch sử, những người đỗ đạt cao, những danh nhân văn hóa mà cả hiếu từ, liệt nữ, tiên nữ...). Thổ sản địa phương. So với quốc chí thì địa phương chí có số lượng lớn hơn nhiều lại đa dạng, có điều kiện ghi chép tỉ mỉ, chuyên sâu về từng địa phương như tỉnh, huyện, làng, xã, còn quốc chí thì mang tính khái quát, tổng hợp hơn. Ở nước ta, cuốn địa phương chí được biên soạn đầu tiên là *Ô châu cận lục* của Dương Văn An (1553) vào thời nhà Mạc nói về vùng Thuận Hóa ngày nay. Thời nhà Nguyễn cùng với quốc chí, các địa phương chí được biên soạn nhiều. Khi xâm lược nước ta, người Pháp đã viết nhiều sách chuyên khảo (Monographie) về các tỉnh. Hiện nay địa chí tỉnh, thành phố được biên soạn có ba dạng:

- Dạng viết toàn diện như *Địa chí Hà Bắc* (1982), *Địa chí Bến Tre* (1991), *Địa chí Lạng Sơn* (1999).

- Dạng viết về một phần như *Địa chí Vĩnh Phú - văn*

hóa dân gian vùng đất Tổ (1986), *Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội* (1991), *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ Tĩnh* (1995).

- Nhiều tỉnh viết về đất nước và con người như *Quảng Ngãi đất nước và con người, Bình Định đất nước và con người, Huế và cố đô Huế.*

Địa chí huyện có dạng phản ánh và ghi chép tương đối toàn diện về huyện như *Địa chí huyện Hậu Lộc* (1990), *Địa chí văn hóa huyện Quỳnh Lưu* (1998)... hoặc dạng viết một phần chuyên về văn hóa như *Khảo sát văn hóa truyền thống huyện Đông Sơn Thanh Hóa,* hoặc dạng địa chí huyện kiêm làng, xã như *Tân Kỳ truyền thống và làng xã; Diễn Châu địa chí văn hóa và làng xã.* Đó là chưa kể đến nhiều huyện viết về lịch sử huyện mình, song có đôi nét địa chí như *Lịch sử Đảng bộ huyện Cát Hải, Lịch sử huyện Yên Thành, Quỳnh Lưu huyện đầu xứ Nghệ v.v...*

Tài liệu về làng xã Việt Nam rất phong phú, đa dạng, là cơ sở quan trọng để nghiên cứu lịch sử làng, xã Việt Nam. Địa chí làng, xã hiện nay có các dạng: đúng là địa chí như *Địa chí Bảo Ninh, Cảnh Dương chí lược* ở Quảng Bình, *Địa chí Minh Lộc, Địa chí Tân Định* ở Thanh Hóa, hoặc viết về lịch sử hay văn hóa xã mà có yếu tố địa chí như *Trác Bút xưa và nay, Quỳnh Xuân xưa và nay*...Chúng ta có thể khai thác các giá trị của địa chí làng xã phục vụ

cho công cuộc xây dựng nông thôn mới hiệm nay, bởi vì văn hóa Việt Nam truyền thống thực chất là văn hóa nông dân - nông thôn - nông nghiệp - xóm làng.

1.3.2. Theo thời kỳ lịch sử

Dựa vào mốc lịch sử trọng đại của dân tộc là cách mạng tháng Tám (1945) để phân chia tài liệu địa chí văn hóa nước ta thành hai thời kỳ cơ bản là địa chí văn hóa trước cách mạng tháng Tám và địa chí văn hóa từ sau cách mạng tháng Tám - nhất là khi đất nước được thống nhất (1975) đến nay. Trong mỗi thời kỳ lại phân ra các giai đoạn phù hợp với từng thời kỳ lịch sử của đất nước. Chẳng hạn thời kỳ trước cách mạng tháng Tám gồm các tiểu giai đoạn như: địa chí văn hóa thời Lê - Nguyễn, địa chí văn hóa thời thực dân Pháp xâm lược và chống Pháp xâm lược. Địa chí văn hóa được biên soạn thời Việt Nam dân chủ cộng hòa và xã hội chủ nghĩa có thể chia ra các tiểu giai đoạn như: địa chí từ 1945 - 1975, địa chí từ 1975 - 1986, địa chí trong thời kỳ đổi mới từ 1986 đến nay. So sánh các loại sách địa chí được biên soạn trong hai thời kỳ khác nhau của lịch sử đất nước, chúng ta thấy ngoài những đặc trưng chung của sách địa chí, giữa chúng cũng có sự khác nhau về các phương diện như quan điểm biên soạn (mục đích biên soạn), tính chất biên soạn, đối tượng độc giả địa chí. Ngoài những công trình địa chí có giá trị lịch sử, văn

hóa, khoa học mà tác giả là những danh nhân văn hóa của dân tộc như Nguyễn Trãi, Lê Qúy Đôn, Phan Huy Chú, sách địa chí xưa được biên soạn chủ yếu dựa trên quan điểm Nho giáo và chủ nghĩa thực dân sau đó. Do vậy, mục đích của chúng là phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm duy trì các chế độ quân chủ trước đây, cũng như thực dân nửa phong kiến sau này. Địa chí văn hóa Việt Nam ngày nay dựa trên quan điểm biên soạn mới, đó là chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và chính phủ về xây dựng phát triển kinh tế văn hóa của đất nước nói chung và từng vùng, từng địa phương, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh. Do trình độ hiểu biết về thiên nhiên, xã hội, con người có hạn, do khoa học địa chí chưa phát triển và những hạn chế về điều kiện lịch sử, nên trong khi ghi chép các sự kiện ở địa phương, sách địa chí xưa thường đề cập và phản ánh chưa đầy đủ, chưa cân đối, thiên về một số mặt của địa phương như của ngon vật lạ, các di tích, kỳ thắng, các chế độ thi cử, khoa trường, những người đỗ đạt và được bổ nhiệm làm quan to, chức trọng trong triều đình phong kiến, những đặc thù về tộc người, còn lao động sản xuất và sáng tạo của người dân địa phương thì chưa được phản ánh rõ nét. Hoạt động biên soạn địa chí ngày nay dựa trên cơ sở của các thành tựu khoa học, nhất là các khoa học xã hội và nhân văn mang tính chất liên ngành, lại có điều kiện đi

sâu khảo sát, điều tra điền dã, thu thập và xử lý thông tin địa chí. Do vậy nó mang tính khoa hoc, ghi chép và phản ánh tương đối toàn diện, cân đối các mặt của địa phương từ thiên nhiên - kinh tế - lịch sử - văn hóa con người. Địa chí ngày nay mang tính hiện đại vì nó đề cập đến những vấn đề bức xúc diễn ra hàng ngày trong đời sống xã hội của địa phương đang cần phải quan tâm giải quyết của các cấp có thẩm quyền cũng như toàn xã hội. Tham gia biên soạn các công trình địa chí bao gồm đội ngũ các nhà khoa học thuộc các lĩnh vực khác nhau. Do đó, tác giả của địa chí ngày nay thường là công trình của tập thể, có người chủ biên, mà điều này địa chí xưa khó có thể làm được. Đối tượng phục vụ của địa chí ngày nay so với trước kia cũng đa dạng hơn. Có loại địa chí dùng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý của địa phương, nhà khoa học, nhà nghiên cứu; có loại phục vụ cho giáo viên - học sinh các trường phổ thông; có loại đáp ứng nhu cầu nhận thức của người dân địa phương, học cần sự hiểu biết tối thiểu về quê hương mình, về môi trường đang sống và làm việc, cũng như những tri thức về đất, nước, cây trồng, vật nuôi và nhất là con người xung quanh. Tuy vậy, khi xem xét một tài liệu địa chí cụ thể, cần gắn nó với hoàn cảnh lịch sử của địa phương và đất nước trong thời gian biên soạn tài liệu đó. Có như vậy mới nhận thấy được giá trị cũng như hạn chế của tài liệu để khai thác và giới thiệu đầy đủ cho hoạt

động nghiên cứu khoa học, xây dựng và phát triển văn hóa của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

1.3.3. Theo nội dung phản ánh

Phân loại theo nội dung phản ánh bao gồm địa chí tổng hợp và địa chí chuyên ngành. Địa chí tổng hợp phản ánh đầy đủ các yếu tố như thiên nhiên đất nước con người và văn hóa của tỉnh, thành phố, huyện làng xã hay một vùng địa lý - văn hóa nào đó rộng hơn. Nội dung ghi chép của địa chí rất phong phú và đa dạng. Khi nghiên cứu sách địa chí Việt Nam xưa, cũng là những địa chí tổng hợp nhưng giữa các tác giả, tác phẩm có sự khác nhau khá rõ rệt. *Ức Trai dư địa chí* chú ý nhiều tới sản vật, tài nguyên các địa phương, tới việc thống kê số lộ, phủ, huyện, xã cùng một số nhân khẩu. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* của Lê Quang Định tập trung mô tả các tuyến đường xã, lộ trình trong nước, còn sản vật phong tục thì chỉ nói sơ lược. *Dư địa chí* trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú hướng trọng tâm vào sự khác nhau về bờ cõi, về phong thổ qua các đời. *Đại Việt địa dư toàn biên* của Nguyễn Văn Siêu (1795 - 1872) và Bùi Quỹ (1796 - 1861) ngoài phần địa chí trong nước, còn ghi chép một số nước láng giềng (Ngoại quốc truyện) như truyện nước Cao Miên, truyện nước Vạn Tượng, truyện nước Nam Chưởng và khảo cứu về ngọn nguồn các dòng sông ở nước ta. *Cao*

Bằng thực lục của Nguyễn Hựu Cung đầu thế kỷ XIX có nội dung thiên về khảo sát lịch sử và dân tộc học. Chẳng hạn, ở phần cương giới phong tục Cao Bằng, tác giả mô tả khá kỹ về sinh hoạt xã hội, về tục lệ cưới xin, ma chay. Cũng mang nội dung nặng tính dân tộc học, *Hưng Hóa ký lược* của Phạm Thận Duật (thời Tự Đức) ghi chép tuy sơ lược, song đã phản ánh được lịch sử của một số dân tộc ít người sinh sống ở miền Bắc nước ta, chủ yếu là các dân tộc thuộc nhóm Tày - Nùng với phong tục nhà cửa, tín ngưỡng, lối canh tác, săn bắn, cách mua bán, giao dịch, chữ viết. Qua so sánh một số sách địa chí tiêu biểu, có thể thấy giữa chúng có những khác nhau như vậy, nhưng nhìn chung cấu tạo nội dung của các sách địa chí đều được xây dựng trên cơ sở phản ánh ba yếu tố cơ bản: đất đai - khí hậu - con người. Ba yếu tố này được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau theo thuyết Tam Tài: Thiên - Địa - Nhân. Nói cách khác vũ trụ là một đại hòa điệu Thiên - Địa - Nhân, nếu mất một yếu tố thì sự hòa điệu không còn. Thuyết Tam Tài là cơ sở tư tưởng triết học phương Đông của các tác giả địa chí thời xưa. Ngày nay, có thể phê phán tính chất duy tâm, thần bí của thuyết Tam Tài, song không thể không thừa nhận trong thuyết này có những nhân tố hợp lý như quan niệm về vai trò và ảnh hưởng của nó đối với toàn bộ đời sống con người. Con người là một bộ phận tự nhiên, không đối lập tự nhiên mà

sống gắn bó hòa hợp với tự nhiên. Khi biên soạn địa chí phải phản ánh được đầy đủ các yếu tố Thiên - Địa - Nhân cùng mối quan hệ không chia tách giữa ba yếu tố đó. Tất nhiên địa là yếu tố chủ chốt nhất, đây là một nét đặc trưng khu biệt dễ nhận thấy ở thể loại địa chí. Các vùng đất "địa linh" thường sinh ra "nhân kiệt". Và thông qua cuộc đời, sự nghiệp của các danh nhân cũng phản ánh được đặc trưng của các vùng đất. Các địa chí tổng hợp được biên soạn trong những năm gần đây có điều kiện ghi chép và phản ánh tương đối toàn diện về diện mạo các địa phương, các vùng từ tự nhiên, kinh tế, lịch sử, xã hội tới văn hóa.

Địa chí chuyên ngành, chuyên đề ghi chép sâu về từng ngành, từng vấn đề của địa phương: Tự nhiên, kinh tế, lịch sử, địa lý, danh lam thắng cảnh, văn hóa xã hội hoặc vào những chuyên ngành hẹp hơn như văn hóa dân gian, hay từng loại hình của văn hóa dân gian như tục ngữ, ca dao, truyền thuyết.. hoặc văn hóa từng tộc người trong phạm vi một tỉnh, huyện hoặc ghi chép về danh nhân địa phương. Trong thời gian lịch sử trước đây, do khoa học địa chí chưa phát triển nên các tác giả không có điều kiện biên soạn loại sách địa chí chuyên ngành, chuyên đề, mà các vấn đề của văn hóa thường được phản ánh trong các địa chí tổng hợp. Ngày nay các địa chí chuyên ngành, chuyên đề xuất hiện nhiều. Cuốn *Góp phần tìm hiểu tỉnh Hòa Bình*

(Ty văn hóa thông tin Hòa Bình xuất bản năm 1972) nặng về phần lịch sử. Cuốn *Quảng Ninh* của Thi Sảnh (Nhà xuất bản Văn hóa 1982) là loại sách mang tính chất địa chí về danh lam thắng cảnh. Loại sách địa chí do Ban Văn hóa dân gian (nay là Viện Văn hóa) chủ trì lại chuyên về văn hóa dân gian. Cuốn *Địa chí Vĩnh Phú - Văn hóa dân gian vùng đất Tổ* (1986) chia thành các chương, trong đó phản ánh các thành tố của văn hóa dân gian: Tục ngữ và thơ ca dân gian, truyện kể dân gian, âm nhạc dân gian, mỹ thuật dân gian, trò diễn hội làng, lễ thức trong sinh hoạt xã hội và gia đình.

1.3.4. Theo mục đích sử dụng và đối tượng độc giả

Dựa vào tiêu chí này, có thể chia thành hai loại chủ yếu là sách địa chí phục vụ nghiên cứu và địa chí phổ thông. Cuốn *Địa chí Hà Bắc* (1982) thuộc loại sách nghiên cứu với dung lượng tương đối lớn (740tr). Nội dung bao gồm 4 phần: Tự nhiên và dân cư, kinh tế, lịch sử, văn hóa - xã hội với quy mô rộng và đầy đủ, không chỉ nhằm giới thiệu phổ cập mà còn có sự tìm tòi nghiên cứu quan trọng. Hầu như ở phần nào cũng có sự tập hợp cứ liệu đầy đủ, có sự phân tích tổng hợp đề ra những kết luận chung, các cứ liệu đều có số liệu được trình bày thành biểu đồ. Các tác giả đã cố gắng tìm hiểu lịch sử từ thời Hùng Vương đến nay như phần thủ công nghiệp, thương nghiệp... Riêng

phần văn hóa - xã hội cũng miêu tả khá kỹ về những hình thức sinh hoạt, văn hóa truyền thống của nhân dân Hà Bắc từ các tục lệ hôn thú, tang chế, khao, tế lễ đến các trò vui chơi. Trong cuốn *Địa chí tỉnh Vĩnh Phú* của Nguyễn Xuân Lân, do Ty Văn hóa Vĩnh Phú xuất bản năm 1974 (184tr) đã giới thiệu địa phương này ở những nét đặc thù nhất và khá hấp dẫn đối với độc giả phổ thông, bình thường (đọc để biết, không có nhu cầu nghiên cứu tìm tòi). Chẳng hạn, phần viết về tự nhiên, không dẫn cứ liệu về cấu tạo địa chất, thổ nhưỡng về khí hậu, thủy văn mà chỉ giới thiệu sông núi, di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh; phần viết về lịch sử chỉ giới thiệu những danh nhân lịch sử. Đây là cuốn sách cho độc giả phổ thông, nên công việc biên soạn không phức tạp, có thể giao cho một tác giả viết và hoàn thành trong thời gian ngắn. Trong lúc chưa có sách giáo trình địa phương học thì rất cần một cuốn như vậy lưu hành ở trường phổ thông cơ sở có thể giúp các em học sinh tìm hiểu những nét đặc trưng văn hóa của quê hương của mình.

1.3.5. Ngoài ra còn phân loại theo một số tiêu chí khác như tác giả, ngôn ngữ, hình thức xuất bản và lưu trữ thông tin

Có công trình địa chí là kết quả lao động của cá nhân tác giả. Dưới thời phong kiến, các nhà nho với lòng yêu

quê hương đất nước đã lạn lội đi sưu tầm tư liệu rồi tự biên soạn các tài liệu địa chí về làng xã của mình hoặc về khu vực hành chính mà bản thân có trách nhiệm tham gia quản lý. Địa chí học còn là môn khoa học mang tính liên ngành, nhiều công trình địa chí được biên soạn có tầm cỡ quốc gia như các quốc chí hay cấp tỉnh thành phố, đòi hỏi sự đóng góp trí tuệ của nhiều người, của tập thể tác giả. Các quốc chí dưới triều nhà Nguyễn chủ yếu đều do Quốc sử quán tiến hành biên soạn. Ngày nay tham gia biên soạn các công trình địa chí cấp tỉnh, thành phố gồm các nhà khoa học, nhà văn hóa thuộc các lĩnh vực khác nhau ở Trung ương, địa phương, trường đại học và viện nghiên cứu khoa học.

Do vị trí địa lý và lịch sử, Việt Nam có điều kiện giao lưu và tiếp xúc với nhiều nền văn hóa thế giới như văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ, châu Âu, châu Mỹ. Chính vì thế sách địa chí văn hóa Việt Nam được xuất bản bằng nhiều ngôn ngữ: tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Anh. Còn trong nước thì được in bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc (ở các địa phương có dân tộc thiểu số sinh sống). Nhiều sách địa chí mang tính chất quốc chí hoặc địa phương chí viết bằng chữ Hán thời Lê - Nguyễn, bằng tiếng Pháp thời thực dân Pháp xâm lược và chống Pháp như *Notice sur la province de Bac Ninh (Ghi chép về tỉnh Bắc Ninh), Monographie de la*

province de Bac Giang (Chuyên khảo về tỉnh Bắc Giang)v.v...

Theo hình thức xuất bản và lưu trữ thông tin, chúng ta có sách địa chí viết tay hoạc in ấn, các bản dập văn bia, các ghi chép địa chí trên ấn phẩm định kỳ như báo, tạp chí, các tài liệu đặc biệt như bản đồ, ảnh chụp, phim địa chí, hoặc tài liệu thu nhỏ dưới dạng băng từ, đĩa từ, CD-ROM. Đây chính là thành tựu của sự phát triển cách mạng khoa học và công nghệ. Do vậy, nội dung của tài liệu địa chí ngày càng phong phú hơn, hình thức xuất bản cũng đa dạng hơn. Các dấu hiệu, tiêu chí của tài liệu địa chí văn hóa thường đan xen nhau nên sự phân loại cũng chỉ có tính chất tương đối.

Phương pháp phân loại tài liệu địa chí tạo điều kiện để chúng ta tiếp cận toàn diện, trực tiếp đến tài liệu địa chí. Nó đặt cơ sở để khai thác loại tài liệu này chính xác, khoa học hơn và nâng cao hiệu quả phục vụ phù hợp với từng nhóm độc giả có nhu cầu nghiên cứu địa phương. Điều quan trọng hơn, dù có phân loại như thế nào cũng phải chú ý đến giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và tra cứu thông tin của địa chí văn hóa.

1.4. GIÁ TRỊ CỦA ĐỊA CHÍ VĂN HÓA

Giá trị là cái làm cho một vật có lợi ích, có ý nghĩa và

đáng quý về một mặt nào đó. Địa chí tích hợp và văn bản hóa các giá trị, đáp ứng các nhu cầu đa dạng khác nhau của nhiều độc giả ở mỗi thời kỳ khác nhau.

1.4.1. Giá trị nhận thức

Địa chí là loại bách khoa thư của từng vùng đất, ghi lại và phản ánh tri thức chung nhất về vùng đất, cung cấp cho mọi người thông tin tổng hợp về địa phương từ các mặt môi trường, kinh tế, văn hóa, tri thức dân gian, kinh nghiệm, lối ứng xử giữa con người với thiên nhiên và giữa con người với nhau. Điều kiện tự nhiên, sinh hoạt tộc người ở mỗi vùng khác nhau, nên sự ứng xử đó cũng khác nhau. Trong các công trình địa chí văn hóa ghi chép lại những sáng tác dân gian nói về thiên nhiên, sinh hoạt tộc người ở mỗi vùng khác nhau, nên sự ứng xử đó cũng khác nhau. Trong các công trình địa chí văn hóa ghi chép lại những sáng tác dân gian nói về thiên nhiên và địa lý địa phương (núi non, cồn đống, bãi bờ, ao đầm, sông ngòi, suối lạch, cây cỏ, rừng rú, chim muông, thú vật, trời đất, trăng sao, khí hậu, phong thổ, tình yêu cảnh vật của quê hương đất nước, ước mơ chinh phục thiên nhiên v.v... (4). Như câu ca dao sau: "Chín mươi chín con theo mẹ một lòng. Một con ăn ở ra tuồng riêng tây" trong *"Địa chí Vĩnh Phú - Văn hóa dân gian vùng đất Tổ"* (27) là nói về các ngọn đồi chi chít xung quanh đền Hùng ở núi Nghĩa Lĩnh,

huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Phần lớn các đồi ấy đều quay một hướng về đền Hùng. Chỉ riêng một ngọn đồi quay theo hướng khác. Qua câu ca dao trên, nhân dân ví những ngọn đồi ấy với 99 con voi quây quần quanh voi mẹ (là núi Nghĩa Lĩnh) và một con voi quay ngược. Theo truyền thuyết thì con voi này về sau bị yểm chết, nên hàng năm về mùa mưa, nước ở giữa đồi chảy ra vẫn đỏ như máu. Tuy là đề tài địa lý, nhưng tư tưởng câu ca ngụ ý giáo dục lòng yêu nước, tình đoàn kết dân tộc và phê phán bọn phản bội

Khúc sông Thương chảy qua làng Đa Mỗi, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang có đặc điểm là nước phân thành hai dòng bên đục bên trong, do nước đục từ ngòi Đa Mỗi chảy vào. Cho nên mới có câu hát trữ tình: "Sông Thương nước chảy đôi dòng. Bên trong, bên đục đau lòng biệt ly" (13). Hay câu: "Chóp Chài đội mũ, mây phủ Đá Bia, cóc nhái kêu lia, trời mưa như đổ" (Núi Chóp Chài và Đá Bia ở Phú Yên) là đúc kết kinh nghiệm dự đoán thời tiết của dân gian (4).

Trong các công trình địa chí còn phản ánh những sáng tác dân gian nói về đời sống văn hóa xã hội như tình yêu nam nữ, tình cảm gia đình, tình đồng hương, đồng bào và quan niệm về đạo đức, kinh nghiệm sống, tôn giáo, tinh thần đấu tranh chống áp bức, bóc lột dưới chế độ cũ v.v...

1.4.2. Giá trị văn hóa, giáo dục

Địa chí tích hợp các giá trị văn hóa, giá trị thẩm mỹ, ghi chép và phản ánh những nét riêng biệt, văn hóa độc đáo của con người ở từng vùng với thuần phong mỹ tục và sắc thái văn hóa riêng của từng địa phương. Thông qua các công trình địa chí thể hiện tính đa dạng văn hóa của từng vùng đất, cái nhất thể và cái đa thể của văn hóa Việt Nam và văn hóa các vùng, địa phương. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất và đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Sự thống nhất ấy được thể hiện tập trung ở thế giới quan, nhân sinh quan văn hóa, ở những phẩm cách đặc biệt của con người Việt Nam, ở những giá trị truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước. Sự đa dạng thể hiện ở những khía cạnh mang tính bản chất cũng như tính riêng biệt của mỗi dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Chúng ta quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một", song về chính sách phát triển văn hóa thì phải thừa nhận cái thực thể đa thể: đa thể về địa lý - địa chất (địa thế, địa hình,địa mạo, thổ nhưỡng...). Do vậy, giới nhân học văn hóa đã phân chia lãnh thổ Việt Nam làm nhiều vùng văn hóa (tuy chưa có sự thống nhất ý kiến của các nhà nghiên cứu như Cù Huy Cận, Đinh Gia Khánh, Ngô Đức Thịnh,

Tô Ngọc Thanh, Trần Quốc Vượng...). Mỗi vùng văn hóa lại có thể được chia thành nhiều tiểu vùng (Subregion) được ngăn cách (một cách ít nhiều mơ hồ).

Địa chí giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về quê hương, giáo dục truyền thống lịch sử văn hóa từng gia tộc, dòng họ, quê hương, làng bản cho mỗi người dân Việt Nam. Mỗi vùng đều có truyền thống lịch sử, cách mạng và văn hóa riêng như Việt Bắc là cái nôi của cách mạng Việt Nam hay các vùng Vĩnh Linh đất lửa anh hùng, Quảng Nam trung dũng kiên cường, Củ Chi đất thép, Nam Bộ thành đồng v.v... Đó đều là những địa danh nổi tiếng của đất nước Việt Nam.

1.4.3. Giá trị lịch sử

Địa chí là nguồn sử liệu quan trọng cung cấp thông tin về quá trình hình thành và phát triển của từng vùng đất từ thủa "khai thiên lập địa". Đó là lịch sử các làng nghề truyền thống, các dòng họ, các gia đình có công đầu tiên đến khai phá vùng đất và lập lên làng mới, lịch sử các hiện tượng văn hóa vật thể, phi vật thể từng địa phương. Trong địa chí đã ghi lại các truyền thuyết hay dã sử của địa phương, của dân tộc như truyền thuyết về bọc trăm trứng, giải thích cội nguồn của dân tộc đều là con Rồng cháu Tiên, vua và dân cùng sinh ra từ một bọc hay về Thánh Gióng, về Sơn Tinh, Thủy Tinh, về Chử Đồng Tử và công

chúa Tiên Dung v.v... đã làm chính xác hóa, hiện thực hóa, cũng như dựng lại diện mạo lịch sử từng vùng đất. Truyền thuyết đóng góp vào việc tuyên truyền, phổ biến lịch sử và ngược lại lịch sử cũng cung cấp tư liệu cho truyền thuyết. Địa chí văn hóa còn ghi lại những sáng tác dân gian phản ánh các sự kiện và những nhân vật anh hùng lịch sử có thật của địa phương, của dân tộc có liên quan hoặc được truyền tụng ở trong địa phương. Các công trình địa chí được biên soạn xuất phát từ đòi hỏikhách quan của đất nước và từng địa phương trong từng giai đoạn lịch sử. Nó phục vụ nghiên cứu lịch sử địa phương của người dân từng vùng, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo quản lý trẻ ở cơ sở.

1.4.4. Giá trị kinh tế

Mỗi vùng đất có vị thế nhất định để phát triển kinh tế. Vị thế đó phụ thuộc vào điều kiện địa lý, đất đai và tiềm lực con người ở chính địa phương. Địa chí ghi chép lại những sáng tác dân gian nói về đặc điểm kinh tế của từng địa phương như đồng ruộng, vườn nương, đường xá, cầu cống, chợ quán, nghề nghiệp, lao động, công cụ, sản phẩm, phường bạn, tổ nghề, lòng tự hào trong lao động, cảm tưởng về sự giàu có của địa phương, những đức tính của người lao động, về nỗi gian lao vất vả và niềm vui trong lao động v.v... Địa chí cung cấp thông tin về mọi mặt của địa phương từ điều kiện tự nhiên, khí hậu, môi trường,

con người nhằm giúp các nhà lãnh đạo quản lý hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, góp phần biến những tiềm năng của địa phương thành hiện thực. Hiện nay trong chiến lược phát triển Việt Nam đang xây dựng tam giác kinh tế ở phía Bắc lấy ba tỉnh,thành phố làm trọng tâm là Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh. Đồng thời phát triển dải kinh tế miền Trung gồm Huế, Đà Nẵng, Dung Quất và tứ giác kinh tế ở Nam Bộ gồm thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Biên Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu. Khi chọn các địa điểm này, các nhà hoạch định chính sách đều kết hợp nguyên tác phát triển theo ngành và vùng lãnh thổ.

1.4.5. Giá trị an ninh quốc phòng

Mỗi vùng đất, mỗi địa phương có vị trí chiến lược nhất định trong bảo vệ đất nước nhằm kết hợp giữa phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng. Tư liệu địa chí góp phần bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia, là văn bản để khẳng định toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Các cơ quan văn hóa giáo dục cần thường xuyên tiến hành thông tin, tuyên truyền giới thiệu tài liệu địa chí nói về lịch sử đấu tranh anh dũng của nhân dân địa phương trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, về các trận đánh, các tấm gương anh hùng nhằm động viên nhân dân phát huy truyền thống của địa phương mình để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Địa chí văn hóa là loại địa chíchuyên ngành, là bộ phận cấu thành của địa chí, dựa trênnền tảng của địa chí học và văn hóa học, ghi chép khách quan, cô đọng các sự kiện văn hóa - khoa học diễn ra troig lịch sử, nhằm khắc họa nên diện mạo văn hóa từng địa bàn nhất định. Địa chí văn hóa đã văn bản hóa, tích hợp các giá trị văn hóa của địa phương. Địa chí văn hóa là công trình lược đồ, thông tin về văn hóa của một vùng đất, là disản thành văn của di sản văn hóa dân tộc. Không có mối liên hệ giữa hai ngành khoa học đang phát triển là địa chí học và văn hóa học thì không thể xuất hiện địa chí văn hóa.

Khái niệm, đặc trưng, phân loại, giá trị địa chí văn hóa sẽ đặt cơ sở lý luận để nghiên cứu, đánh giá vai trò, tác dụng của địa chí văn hóa trong lịch sử phát triển văn hóa của dân tộc, đồng thời nêu ra các phương pháp bổ sung, bảo quản, khai thác, biên soạn địa chí văn hóa.

CHƯƠNG 2

LỊCH SỬĐỊA CHÍ VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

Trên cơ tầng củ văn hóa Đông Nam Á đã hình thành nền văn hóa Đông Sơn. Văn hóa Đông Sơn chính là văn hóa vật thể của văn ninh Lạc Việt, một nền văn hóa bản lề giữa tiền sử và lịch sử. Thông thường các nhà khoa học thế giới cho rằng ch khi nào xuất hiện chữ viết thì cộng đồng người đó mới bước vào xã hội văn minh hay nói một cách khác mới bước vào thời đại lịch sử. Còn trước khi có chữ viết, cộng đồng người đó tồn tại trong xã hội dã man. Thời đại kim khí bắt đầu từ văn hóa Phùng Nguyên cách ngày nay khoảng 4000 năm, khi kỹ thuật chế tác đồng - bước thứ ba trong sự phát triển kỹ thuật -bắt đầu xuất hiện. Thời kỳ phát triển rực rỡ của Văn hóa Đông Sơn đã đạt được một số thành tựu quan trọng về các mặt kinh tế sản xuất, tổ chức xã hội cũng như về văn hóa tinh thần. Người Việt cổ làm chủ một nền văn minh đồng thau phát triển thịnh đạt cùng một nền văn hóa lúa nước tuyệt diệu. Đây là điều kiện cho sự ra đời của nhà nước Văn Lang của các

Vua Hùng (Hùng có nghĩa là thủ lĩnh, gốc từ Khun có cội nguồn ngôn ngữ Thái tộc) với các lạc hầu, lạc tướng. Nước Văn Lang xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ 7 TCN. Dù sơ khai, các cư dân Việt cổ đã chịu sự quản lý của một bộ máy chung đứng đầu là vua, bên dưới là các lạc hầu (quan văn), lạc tướng (quan võ) thủ lĩnh của các địa phương. Con trai vua gọi là quan Lang, con gái vua gọi là Mỵ nương, quan coi việc gọi là Bồ Chính. Đó là thiết chế chính trị - nhà nước đầu tiên của Việt Nam. Sau đó vào thế kỷ 3 TCN nước Âu Lạc được thành lập, đóng đô ở Cổ Loa do vua An Dương Vương đứng đầu. Trong nhà nước thời Văn Lang - Âu Lạc, khái niệm quyền lực nhà nước chỉ có ý nghĩa tương đối, nhà nước của "phương thức sản xuất châu Á" (Các Mác) dựa trên một cơ sở phân hóa xã hội chưa sâu sắc. Quyền lực ở đây không hoàn toàn đồng nghĩa với thống trị giai cấp mà hướng vào cố kết duy trì nòi giống, đùm bọc nhau để phát triển là chính. **Thời kỳ này tồn tại văn hóa truyền miệng - văn hóa dân gian, người Văn Lang - Âu Lạc chưa có chữ viết, thư tịch, nên chưa xuất hiện công trình ghi chép về đất nước.** Khi lịch sử chưa thành văn, tình cảm, tư tưởng của con người thường được gửi gắm ở các truyền thuyết và các truyện kể mang tính thần thoại. Các tư liệu khảo cổ học khó nói về hoạt động tư tưởng, còn các sử gia phương Bắc thì cũng chưa ghi chép. Vì vậy khi tìm hiểu tư tưởng người Việt cổ, các nhà sử học

đành phải dựa vào huyền thoại. Thời kỳ này gọi là thời kỳ nửa huyền thoại, nửa lịch sử và cách xa ngày nay cả hai, ba, bốn thiên niên kỷ, tư liệu chứng cứ thiếu thốn. Do đó cần tổng hợp rất nhiều nguồn tư liệu khác nhau như cổ sử, dân tộc học, khảo cổ học, Hán - Nôm học, folklore học, thần thoại học, ngôn ngữ học, cổ địa lý học, địa danh học, tôn giáo học... và phải có khả năng suy đoán, tưởng tượng thì mới có thể đạt kết quả nghiên cứu.

2.1. TÀI LIỆU GHI CHÉP VỀ VIỆT NAM THỜI BẮC THUỘC

2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội

Chữ Hán vào nước ta cùng với sự xâm lược của Triệu Đà. Năm 179 TCN, Triệu Đà đóng đô ở Phiên Ngung (Trung Quốc) đem quân xâm lược Âu Lạc. An Dương Vương thất bại, bi kịch này đã đưa đến họa mất nước vào tay phong kiến phương Bắc một nghìn năm. Năm 111 TCN, nhà Hán thay nhà Triệu đô hộ nước ta, đổi tên nước Âu Lạc thành châu Giao Chỉ. Về mặt hành chính, Việt Nam bị sát nhập hoàn toàn vào Trung Quốc với tên gọi Giao Châu như một tỉnh của Trung Quốc. Sau cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 43 SCN) cho đến năm 938 sau chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền chống quân Nam Hán mới chấm dứt nghìn năm Bắc thuộc. Cũng có khi kẻ

xâm lược mạnh về quân sự, nhưng văn hóa lại thấp hơn văn hóa của người bị xâm lược, trong trường hợp ấy kẻ xâm lược có thể đặt nền thống trị đối với nước bị xâm lược, nhưng nó bị văn hóa của nước ấy chinh phục lại (18). Đó là trường hợp các đế quốc Nguyên Mông (thế kỷ XIII - XIV) và Mãn Thanh (giữa thế kỷ XVII đầu thế kỷ XX) đã từng thống trị người Hán, nhưng cả hai đế quốc này đều theo văn hóa Hán. Cuộc tiếp xúc văn hóa Việt - Hán diễn ra vào thiên niên kỷ thứ nhất sau công nguyên mang một số nét khác biệt. Các đế chế từ Hán đến Đường vừa ưu trội về quân sự, lại vừa mạnh về văn hóa. Người Việt và dân tộc Việt vẫn giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Người Việt khi tiếp xúc với phương Bắc đã có hành trang văn hóa, được biểu thị thành nền văn hóa Đông Sơn xán lạn ở thời đại các vua Hùng. "Cái căn cước" văn hóa ấy mãi mãi nhắc nhở ý thức chủ nhân của người Việt cổ, cư ngụ trên mảnh đất này. Có thể xem đây là ý thức tự giác dân tộc, nó là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của cộng đồng dân tộc sau này. Chính quyền đô hộ phương Bắc tuy tàn bạo, nhưng không đủ mạnh. Thời Bắc thuộc kéo dài hơn một thiên niên kỷ, nhưng bị gián cách bởi những cuộc khởi nghĩa của người Việt. Những năm đầu công nguyên (40 - 43), hai vị nữ anh hùng dân tộc là Hai Bà Trưng đã đánh đuổi quân Hán, giành được chủ quyền dân tộc. Hai Bà xưng vương, đóng đô ở Mê Linh. Thế kỷ II, phong trào

yêu nước càng sâu rộng, mạc dù đã thiết lập được chính quyền đô hộ, xóa bỏ chế độ lạc tướng ở nước ta, nhưng chúng phải thừa nhận rằng những thủ lĩnh người Việt vẫn hùng cứ ở nông thôn. Giữa thế kỷ thứ III, năm 248 có khởi nghĩa của Bà Triệu ở quận Cửu Chân (Thanh Hóa). Nửa cuối thế kỷ thứ VI, một cuộc khởi nghĩa lớn mở ra một thời điểm đột phá trong lịch sử ngàn năm chống Bắc thuộc của nhân dân ta. Đó là khởi nghĩa Lý Bí, đánh tan quân nhà Lương vào năm 544. Lý Bí xưng đế, lấy hiệu là Lý Nam Đế, đặt tên nước là Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên. Quốc hiệu Vạn Xuân được duy trì cho đến năm 602. Sang thế kỷ thứ VII, cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta và các thế lực phong kiến Trung Quốc độ hộ ngày càng quyết liệt hơn. Kẻ thù của Việt Nam lúc ấy là nhà Đường là một trong những thế lực hiếu chiến bậc nhất trong lịch sử Trung Quốc. Triều đại này đã thôn tính Triều Tiên, viễn chinh đánh Mông Cổ, Nêpan, Tây Tạng và Tuốckixtan. Đánh xuống phía Nam, chiếm nước ta, nhà Đường gọi nước ta là An Nam đô hộ phủ. An Nam có nghĩa là dẹp yên phương Nam. Tương tự như vậy có An Đông, An Tây, An Bắc đô hộ phủ mà nhà Đường đặt cho các vùng đất của các dân tộc láng giềng mà họ chiếm được. Trước một tập đoàn thống trị hiếu chiến như vậy, nhân dân ta vẫn luôn luôn nổi dậy chống lại như thế kỷ VII, có phong trào khởi nghĩa do Lý Tự Tiên, Đinh Kiến lãnh đạo, thế kỷ VIII do Mai

Thúc Loan lãnh đạo. Tiếp theo là cuộc khởi nghĩa của Phùng Hưng vào nửa cuối thế kỷ VIII. Sang thế kỷ IX có khởi nghĩa của Dương Thanh. Đầu thế kỷ X, triều đại Đường kết thúc, Trung Quốc rơi vào tình trạng hỗn loạn. Năm 905, Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ nổi lên khởi nghĩa chống quân Nam Hán. Sau cùng là cuộc khởi nghĩa của Ngô Quyền năm 938, đã giải phóng Việt Nam thoát khỏi ách thống trị của Trung Quốc.

Trong thời Bắc thuộc, nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta bị thất bại, thậm chí bị dìm trong bể máu, nhưng mỗi cuộc nổi dậy là dịp để người Việt nhìn lại mình, lấy thêm sức mạnh, dấn lên ở mức cao hơn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Ngoài ra, một số quan lại, Thái thú do triều đình Trung Quốc cử sang Việt Nam công cán mang tâm trạng bất mãn với Trung Nguyên, muốn tách khỏi triều đình Trung ương, xây dựng ý đồ cát cứ. Một số người khác sống quen với người Việt, muốn bản địa hóa để hòa nhập với địa phương như Sĩ Nhiếp, Sĩ Huy, Đỗ Viện, Lê Ngọc... Họ trở thành những người Nam gốc Bắc (người Việt gốc Hán) và lâu dần trở thành người địa phương. Chính quyền đô hộ tuy bạo liệt, nhưng phạm vi ảnh hưởng của nó chỉ bó hẹp ở một vài đô thị - nơi đóng trụ sở cai trị của nó, còn đại bộ phận dân chúng người Việt vẫn sống theo lệ cũ (theo văn hóa truyền thống nơi làng xã). Phạm

vi ảnh hưởng của chính sách đô hộ về chính trị và đặc biệt về văn hóa, mà tầng lớp thống trị ngoại bang mang đến trước hết ảnh hưởng tới giới quan lại cao cấp, làm việc ở Trung ương, còn người dân sống trong làng thì vẫn sinh hoạt theo văn hóa truyền thống.

Xuyên suốt thời Bắc thuộc diễn ra cuộc đụng độ giữa đồng hóa và chống đồng hóa khi bộc lộ, khi tiềm ẩn. Trong cuộc đụng độ đó, văn hóa cổ truyền của người Việt đứng trước một thử thách lớn lao: Một mặt nó phải bảo tồn được bản sắc văn hóa của dân tộc đã hình thành ngay từ thời vua Hùng dựng nước. Mặt khác nó phải nhanh chóng thâu hóa những tinh hoa văn hóa Hán, từng bước làm cho văn hóa Việt hội nhập ngang tầm thời đại. Chỉ có như thế văn hóa Việt mới vượt ra khỏi sự đồng hóa và trụ lại một cách vững vàng. Đứng trước văn hóa cao hơn của ngoại bang, văn hóa Việt Nam không hề co lại tự thủ, mà cố vươn ra để chiếm lĩnh các giá trị ngoại sinh, nhờ đó nó có thể tồn tại trước sức mạnh của đối phương.

2.1.2. Các tài liệu tiêu biểu và nội dung của chúng

Từ cuối thời Hậu Chu (841 - 256 TCN) và nhất là từ thế kỷ II TCN xuất hiện những công trình đầu tiên của người Trung Quốc ghi chép về đất nước ta như ***Hoài Nam Tử*** của Lưu An (nửa TK II TCN), ***Sử ký*** của Tư Mã Thiên (năm 91 TCN) đều có ghi chép chút ít về cuộc xâm lược

của nhà Tần và Triệu Đà đối với nước Âu Lạc. Theo các nhà nghiên cứu, thì cuốn sách viết tay đầu tiên bằng chữ Hán nói về Việt Nam, xuất hiện thời Đông Hán là ***Giao Châu dị vật chí*** (từ năm 25 - 220 SCN) của tác giả người Nam là Dương Phù. Ông làm chức nghị lang thời Hậu Hán. Đây là cuốn địa lý đầu tiên ở nước ta và có lẽ là tác phẩm đầu tiên trong lịch sử trước thuật Việt Nam. Trong hàng nghìn năm Bắc thuộc xuất hiện một số sách tiêu biểu của người Trung Quốc ghi chép về nước ta, có nội dung đề cập đến tự nhiên, sản vật, khoáng sản, đường lối đi lại, phong tục tập quán nhằm phục vụ cho mục đích đô hộ như: ***Hán thư*** của Ban Cố (năm 67 SCN), ***Địa lý chí*** (Đầu CN), ***Giao Châu ngoại vực ký*** (TK III SCN), ***Nam Phương thảo mộc trạng*** (TK III), ***Hậu Hán thư*** (TK V), ***Quảng Châu ký*** (TK V), ***Thủy kinh chú*** của Lịch Đạo Nguyên (TK VI), ***Giao Châu ký*** của Triệu Công và Tăng Cổn là hai viên quan nhà Đường Trung Quốc (TK IX).

Sách ***Nam Phương thảo mộc trạng*** của Kế Hàm thời Tấn(TK III SCN) chép rằng: người Nam có con gái khi sinh bắt đầu nấu, lọc rượu, đựng trong bình hũ kín, đem chôn ở bờ ao. Khi con gái sắp đi lấy chồng, người ta mới đào bờ ao lấy rượu lên đãi khách, gọi là "rượu con gái" (nữ tửu), vị rất đậm và ngon (41). Cũng theo sách này, người Nam khi cưới xin hoặc tiếp đãi khách khứa, trước

hết là dùng trầu cau, nếu khi gặp nhau mà không mời trầu, người ta sẽ oán giận nhau. Phong tục đặc sắc đó rõ ràng là một trong những phong tục cổ nhất và được duy trì thường xuyên suốt thời chống Bắc thuộc cho đến tận gần đây.

Theo ***Quảng Châu ký*** (TK V) và nhiều sách khác, một phong tục cổ truyền của người Việt là đúc và sử dụng trống đồng. Trống đúc xong, cả làng được mời đến dự lễ mừng. Người được vinh dự đánh trống đồng đầu tiên là một phụ nữ trong làng.

Thủy kinh chú của Lịch Đạo Nguyên (năm 534) là cuốn sách địa lý có ảnh hưởng và được sử dụng nhiều ở nước ta thời xưa. Toàn bộ sách lấy thủy đạo làm tuyến chủ yếu, theo nước để nhận biết đất, tìm ngọn nguồn sông nước, (thủy đạo ở Trung Quốc và một số nước lân cận) từ thời Bắc Ngụy trở về trước cũng như diên cách địa lý, núi gò, thành ấp của các địa vực, các sự kiện lịch sử có liên quan, các nhân vật thần thoại, truyền thuyết. Sách này còn ghi chép việc đào sông ngòi để thông đường và lấy nước tưới ruộng. Trong nền văn hóa Đông Sơn thời đại vua Hùng, chỉ mới có công cụ sản xuất bằng đồng thau. Với sự tiếp xúc với phương Bắc, kỹ thuật rèn đúc sắt, gang từ miền nội địa Trung Nguyên đã du nhập vào xứ ta.

Sách ***Hậu Hán thư*** có ghi chép chuyện thái thú quận Cửu Chân là Nhâm Diên dạy dân đúc đồ điền khí, dạy dân

cày bừa, hóa phong tục đất Giao Châu, ảnh hưởng đến tận Tượng Lâm (Quảng Nam) ngày nay.

Sách ***Giao Châu ký*** (TK IX) của hai viên quan nhà Đường Trung Quốc là Triệu Công và Tăng Cổn đáng gọi là sách về văn hóa dân gian địa phương, tuy rất sơ lược, trong đó ghi chép đường đi lối lại, sản vật, phong tục tập quán... của Giao Châu. Sách cho biết miền Phong Châu (Phú Thọ ngày nay) đã có đê phòng lụt. Cũng theo sách này, ở xóm làng, trẻ mục đồng vẫn ngồi trên lưng trâu thổi sáo và hát những bài đồng dao của người Việt. Cuộc sống của người nông dân chỉ bó hẹp trong khuôn khổ xóm láng, vùng, địa phương với những điều kiện hạn hẹp, nên sự sáng tạo về nghệ thuật còn mang tính chất giản dị.

Các sách cổ của Trung Quốc có nhiều đoạn chép về trình độ sản xuất cao của nhân dân Giao Chỉ thời Bắc thuộc như sách ***Dị vật chí***, sách ***Tề dân yếu thuật*** ghi chép về việc trồng lúa và các tác giả Trung Quốc đều ghi nhận rằng ở Giao Chỉ lúa chín hai mùa. Theo sách ***Nam Phương thảo mộc trạng*** chép, người nước ta nuôi một loại kiến vàng để trừ sâu bọ cho cam, điều làm cho người Trung Quốc ngạc nhiên. Ngoài ra xứ ta còn họcđược kỹ thuật dùng phân bón, mà ngày nay người dân ở đồng bằng Bắc Bộ còn gọi là "phân Bắc". Sách cổ của Trung Quốc còn chép rằng phụ nữ Giao Chỉ dệt một thứ vải hoa nổi tiếng có tên là vải "Bạch diệp".

Như vậy thời Bắc thuộc đã xuất hiện một số sách viết bằng chữ Hán của người Trung Quốc ghi chép về địa hình, về trồng trọt và các ngành nghề thủ công, về sinh hoạt tinh thần của người Việt. Mục đích biên soạn những tài liệu này phục vụ cho sự xâm lược của bọn phong kiến phương Bắc, giúp họ hiểu thêm đất nước, con người Việt để đề ra chế độ, chính sách cai trị cho phù hợp. Và khoa nghiên cứu văn hóa địa phương là bộ môn hết sức cổ đã bắt đầu được hình thành ở nước ta. Nó có từ thời Bắc thuộc do ảnh hưởng của khoa địa chí Trung Quốc.

2.2. TÀI LIỆU CÓ TÍNH CHẤT ĐỊA CHÍ THỜI LÝ - TRẦN

2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội

Trong lịch sử dân tộc Việt, triều đại Lý - Trần kéo dài trên dưới 400 năm. Triều Lý tồn tại 215 năm thì tan rã, trải 9 đời vua từ Lý Thái Tổ đến Lý Chiêu Hoàng (1010 - 1225). Thời kỳ độc lập, nhà Lý xây dựng chế độ nhà nước phong kiến theo mô hình của Trung Quốc, nhưng về tư tưởng thì Phật giáo được coi trọng. Năm 1010 Lý Công Uẩn lên làm vua, hiệu là Lý Thái Tổ. Quyết sách đầu tiên của vua Thái Tổ là ban chiếu dời đô từ Hoa Lư về Đại La và đổi tên là thành Thăng Long. Thời vua Lý Thánh Tông (1054 - 1072) đổi quốc hiệu là Đại Việt. Vị vua có đầu óc

tự cường tự lập, có hoài bão xây dựng một quốc gia hùng mạnh, có danh ngang với "nước thiên tử". Năm 1070 vua Lý Thánh Tông cho lập văn miếu, dựng tượng Chu Công, Khổng Tử và 72 vị tiên hiền để thờ. Đạo Nho ở nước ta khởi sắc từ đấy. Năm 1075 đời vua Lý Nhân Tông mở khoa thi tam trường, chọn người có văn học vào làm quan. Chế độ văn trị bắt đầu từ nhà Lý. Về võ công, đời Lý Nhân Tông đã tiến hành cuộc kháng chiến chống Tống thắng lợi, đồng thời mở mang đất nước về phía Nam đến tận Quảng Bình - Quảng Trị. Trong cuộc chiến tranh Bắc bình Nam đó, nổi bật lên là vị danh tướng Lý Thường Kiệt. Đến cuối đời nhà Lý, Lý Huệ Tông bệnh tật, lại nhu nhược, nhường ngôi cho con gái là Lý Chiêu Hoàng. Đây là cơ hội để Trần Thủ Độ - vị điện tiền chỉ huy sứ dùng thủ đoạn để đoạt ngôi nhà Lý, lập ra vương triều nhà Trần. Đến đời nhà Trần, Trần Cảnh (tức Trần Thái Tông) lên ngôi lúc 8 tuổi, việc triều chính do thái sư Trần Thủ Độ điều hành. Khi ấy ở phía bắc nước Trung Hoa, Thành Cát Tư Hãn lập ra nước Mông Cổ. Nhờ có quân đội kỵ binh thiện chiến, Thành Cát Tư Hãn mở rộng đế quốc về phía Tây, chiếm cả vùng Trung Á, Ba Tư, Nga, đến tận miền trung Châu Âu. Về phía Đông quân Mông Cổ chiếm Tây Hạ, diệt được nước Kim, Trà sang đến Cao Ly. Đến đời Hốt Tất Liệt thì chiếm nước Tống và tiến hành xâm lược

Đông Nam Á. Nước Đại Việt đời Trần phải đối mặt với cuộc tiến công này. Nhờ sự đoàn kết quân dân một lòng, với tài dùng binh lỗi lạc của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, nhân dân Đại Việt đã ba lần đánh tan quân đội xâm lược đế quốc Nguyên Mông. Cuối thế kỷ 14, nhà Trần suy yếu, vua Trần Thiếu Đế 3 tuổi, phụ chính Hồ Quý Ly bèn đoạt lấy vương triều lập ra nhà Hồ. Về tư tưởng thời Lý - Trần, các vua Lý và vua đầu Trần đều hâm mộ đạo Phật. Từ đời nhà Lý cũng đã mở khoa thi tam giáo, nên đặc trưng nổi bật của thời kỳ này là sự dung hòa tam giáo "Tam giáo đồng nguyên" (Phật - Đạo - Nho). Trong đó thời Lý, Phật giáo được đề cao, các trí thức Phật giáo đóng vai trò quan trọng tham gia vào sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước. Thời kỳ đầu của giai đoạn tự chủ, Nho giáo chưa mạnh, nhưng nó đã cùng với chữ Hán tồn tại trong xã hội Việt Nam như một hiện tượng xã hội hiển nhiên. Chế độ giáo dục và thi cử theo tinh thần Nho giáo mới bắt đầu. Số nho sĩ được đào tạo hãy còn ít, cho nên ảnh hưởng của nó trong xã hội còn hạn chế. Để đào tạo nhân tài và tuyển lựa quan lại cho bộ máy hành chính, nhà Lý bắt đầu chăm lo việc học hành thi cử.

Đời Trần, vương triều đã chính hóa, tạo ra quy củ cho việc học hành, thi cử, lập Quốc học Viện để cho con em quý tộc, quan lại, nho sĩ vào học. Năm 1247, nhà Trần đặt

danh hiệu Tam khôi (ba học vị Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa) dành cho ba người thi đỗ xuất sắc trong các kỳ thi đình. Văn hóa Lý - Trần mang tinh thần khai phóng, tín ngưỡng đa nguyên. Đặc trưng lịch sử văn hóa dân tộc thời Lý - Trần với sự xuất hiện một nền văn học chữ viết gồm cả hai hình thức là chữ Hán và chữ Nôm đều là bước phát triển cả về lượng và chất của nền văn hóa Đại Việt. Thực tế lịch sử cho thấy, dù xuất thân từ giai cấp thống trị, làm quan to trong triều hoặc là người đứng đầu triều đại, nhưng trước hết các nhà tư tưởng, các nhà hoạt động chính trị phong kiến **là những trí thức lớn hội tụ được tinh hoa của dân tộc và nhân loại.** Họ đã vươn lên đáp ứng được những yêu cầu của dân tộc và thời đại đặt ra. Nhờ nêu cao tinh thần dân tộc, bị thôi thúc bởi ý chí vươn lên giành độc lập cho dân tộc mà các đại biểu xuất sắc của giai cấp phong kiến đồng thời là những nhà chính trị, nhà quân sự, đã huy động được tất cả mọi lực lượng của các tầng lớp nhân dân vào cuộc chiến tranh giữ nước, giải phóng dân tộc cũng như xây dựng đất nước trong thời bình. Phần lớn các nhà văn hóa thời kỳ Đại Việt đều được đào tạo và được tuyển lựa qua các tổ chức và các thể chế thi cử. Các nhà văn hóa ấy đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Thông qua sự nghiệp ấy họ đã tạo nên những công trình sử học, văn học, triết học, y học, nông học, binh học (khoa học quân sự) có giá trị.

Dưới hai triều Lý - Trần, sử sách thư tịch đã xuất hiện phong phú và nhiều loại. Đúng như lời Phan Huy Chú trong ***Lịch triều hiến chương loại chí*** nhận xét: thời Lý - Trần văn chương nảy nở như rừng, sách vở ngày càng nhiều, nếu không trải qua binh lửa mà thành tro bụi, thì hẳn phải là trâu kéo phải mệt, nhà chứa phải đầy (36).

2.2.2. Các tài liệu tiêu biểu và nội dung của chúng

Trước hết phải kể tới ***Chiếu dời đô*** (1010) của Lý Công Uẩn. Ông sinh năm 974 tại làng Cổ Pháp, Từ Sơn, Bắc Ninh, là con nuôi của thiền sư Lý Khánh Văn từ năm 3 tuổi và truyền thuyết vẫn cho rằng ông là con của Vạn Hạnh, anh ruột Khánh Văn ở chùa Tiên Sơn. Vốn thông minh bẩm sinh, được nhập thân văn hóa ở một vùng đất văn minh, văn hiến, lại được sự nuôi dạy của những vị cao tăng xuất chúng, Lý Công Uẩn thực sự là người con ưu tú của dân tộc. Ông đã cùng triều Lý làm rạng danh nước Đại Việt, viết nên những trang sử oanh liệt dựng nước và giữ nước. Vua Lý Thái Tổ lên ngôi khi đã 35 tuổi, trị vì được 19 năm thì mất. Năm 1010 Lý Công Uẩn đã quyết định dời kinh đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Trước đó thành Đại La đã là trung tâm của Giao Châu. Gắn liền với sự kiện chính trị trọng đại này là việc ra đời ***Chiếu dời đô*** (Thiên đô chiếu). Đây là văn kiện chính trị được công bố trong thời bình, khẳng định tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ

quyền quốc gia, định hướng cho công cuộc xây dựng đất nước, nhưng xét cho cùng là để giữ nước.

Chiếu dời đô của Lý Công Uẩn có ý nghĩa lớn về địa chính trị, địa văn hóa để nghiên cứu Thăng Long - Hà Nội. Thăng Long là nơi trung tâm cõi bờ đất nước, có cái thế rộng cuộn, hổ ngồi; vị trí giữa bốn phương Đông Tây Nam Bắc, tiện hình thể núi sông sau trước. Ở nơi đó địa thế rộng mà bằng phẳng, vùng đất cao mà sáng sủa, cư dân không khổ vì ngập lụt, muôn vật rất phong phú tươi tốt. Xem khắp nước Việt ta, chỗ ấy là nơi hơn cả, thực là chỗ bốn phương tụ hội, là nơi đô thành bậc nhất của vương đế muôn đời. Và nhà vua cho biết là dời đô đến nơi ấy vì muốn đóng nơi trung tâm, mưu toan nghiệp lớn, tính kế lâu dài cho con cháu muôn đời, vì trên theo mệnh trời, dưới chiều lòng dân, thấy thuận lợi mới thay đổi, thì vận nước vững bền, phong tục giàu thịnh. Chọn Thăng Long làm thủ đô của cả nước, Lý Công Uẩn đã từ toàn bộ lãnh thổ của Tổ quốc tìm ra một cõi đất có ưu thế nhất, thuận lợi nhất để xây dựng thành một trung tâm đầu não của cả dân tộc về mọi mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. *Chiếu dời đô* còn thể hiện sự suy nghĩ sâu sắc, mưu lược lâu dài của một ông vua anh hùng đã lo toan sự nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu. Nhận thức về kinh đô Thăng Long của Lý Công Uẩn sẽ trở thành nhận thức của các nhà cầm

quyền cũng như các nhà văn hóa nước Đại Việt trong hàng nghìn năm. ***Chiếu dời đô*** thể hiện bản sắc của văn hóa Việt Nam, nói lên tính dân chủ, thể hiện lối ứng xử văn hóa giữa nhà vua và quần thần, muôn dân trước một việc lớn hệ trọng của đất nước. Đây là cuộc bàn bạc về địa - chính trị của triều đình nhà Lý dựa trên "chiếu" của Lý Công Uẩn. Nhận thức chính trị sâu sắc đó của Lý Công Uẩn đã góp phần củng cố quốc gia thống nhất, làm cho chính quyền trung ương mạnh mẽ để quản lý đất nước có hiệu quả, góp phần quyết định xây dựng quốc gia thịnh vượng dài lâu. ***Chiếu dời đô*** là mốc quan trọng đánh dấu sự trưởng thành của tư duy chính trị Việt Nam, phản ánh ý chí vươn lên mạnh mẽ của dân tộc, quyết tâm giữ vững nền độc lập và tự chủ của nước nhà.

Nam Bắc phên giới địa đồ (1172) được biên soạn thời Vua Lý Anh Tông. Sau khi vua dày công đi qua những vùng núi non quan sát sinh hoạt của dân rồi sai quan làm tập bản đồ nước Đại Việt. Vua Anh Tông trị vì được 37 năm, thọ 40 tuổi.

Tiêu biểu nhất là bộ ***Đại Việt sử ký*** (1172) của Lê Văn Hưu thời Trần. Đối với lịch sử Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không khác gì *Sử ký* của Tư Mã Thiên đối với lịch sử Trung Quốc. Bộ sử này chép từ đời Triệu Vũ Đế (207 TCN) đến đời Lý Chiêu Hoàng (1225 SCN).

Nó đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử đất nước về lịch sử, địa lý, kinh tế, văn hóa Việt Nam từ khi dựng nước tới đương thời.

Việt điện u linh của Lý Tế Xuyên (1329) được biên soạn đời Trần Hiến Tông (25). Trong ***Việt điện u linh*** có chép chuyện Cao Lỗ liên quan đến An Dương Vương và chuyện thần núi Tản Viên. Chuyện Mục Thận cứu vua Lý Nhân Tông thoát nạn Lê Văn Thịnh định sát hại năm 1096. Trong chuyện có câu: Bấy giờ vua Nhân Tông ngự ra Tây Hồ xem đánh cá.

Lĩnh Nam chích quái (46) xuất hiện từ đời Lý - Trần do Trần Thế Pháp biên soạn, bản dịch ngày nay là do Vũ Quỳnh và Kiều Phú soạn lại vào năm Hồng Đức thứ 23 (1482). Sách này tập hợp 4 chuyện tiêu biểu liên quan đến thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc: chuyện họ Hồng Bàng nói về nguồn gốc dân tộc. Đó là ý tưởng về đoàn kết dân tộc xây dựng đất nước. Chuyện này cho hay: lâu lắm rồi, ở các vùng châu thổ sông Hồng, sông Mã có nước Văn Lang - mảnh đất của những người có tục xăm mình, nhuộm răng đen ở phương Nam, khác hẳn với những người phương Bắc để răng trắng và không xăm mình. Trong thâm thức người Việt cổ vẫn đinh ninh rằng có một nước Văn Lạng ra đời trên cơ sở đoàn kết hợp nhất của 15 bộ lạc, không phải trải qua những cuộc chiến giành giật giữa các bộ lạc mạnh

hiếp yếu, lớn nuốt nhỏ, mà thông qua cuộc hôn nhân kỳ diệu giữa Mẹ Chim (Âu Cơ), đại diện cho các bộ lạc miền rừng núi (GS. Trần Quốc Vượng xem đó là các vùng Sơn Tây, Phú Thọ ngày nay) với Bố Rồng (Lạc Long Quân), đại diện cho các bộ lạc miền biển (GS. Trần Quốc Vượng xem đất Long Biên thời Hán nay thuộc tỉnh Bắc Ninh là đất rồng, có lẽ thời ấy, Bắc Ninh còn gần biển). Kết quả của hôn nhân, Mẹ Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, nở ra trăm con. Đó là nguồn gốc các tộc người - chủ nhân của nước Văn Lang. Chuyện Lạc Long Quân đánh con Hồ Tinh để bình định vùng đồng bằng mà trung tâm là Thăng Long - Hà Nội. Long Quân ra lệnh cho lục bộ thủy phủ dâng nước lên công phá hang đá. Cáo chín đuôi bỏ chạy, quân thủy phủ đuổi theo, phá hang bắt cáo mà nuốt ăn. Nơi đây trở thành một cái vũng sâu nay gọi là "đầm xác cáo" tức Hồ Tây ngày nay. Chuyện Thánh Gióng đánh giặc Ân tượng trưng cho tinh thần vì nước quên thân. Chuyện thần núi Tản Viên nói về tinh thần chống thiên tai của nhân dân ta. Chuyện Rùa vàng giúp An Dương Vương xây thành Cổ Loa. Sách này còn ghi: Hồi quốc sơ, dân không đủ đồ dùng phải lấy vỏ cây làm áo, dệt cỏ gianh làm chiếu, lấy cốt gạo làm rượu, lấy cây quang lang, cây tung lư làm cơm, lấy cầm thú, cá, ba ba làm mắm, lấy rễ gừng làm muối, cày bằng dao, trồng bằng lửa. Đất sản xuất được nhiều gạo muối, lấy ống tre mà thổi cơm. Gạo

nếp, cơm lam là thức ăn chủ yếu thời vua Hùng đã được khảo cổ học chứng minh. Các hình thức lễ nghi, phong tục cưới hỏi trong gia đình cũng được ***Lĩnh nam chích quái*** đề cập đến. Khi đẻ con ra người Việt lấy lá chuối lót cho nằm, có người chết thì giã cối làm lệnh, người lân cận nghe tiếng thì đến giúp. Chưa có trầu cau, thì hôn thú lấy gói đất (hoặc gói muối) làm đầu (lễ ăn hỏi), rồi mới giết trâu, dê làm đồ lễ (rước dâu), lấy cơm nếp để nhập phòng cùng ăn, sau đó mới thành thân. Việc cưới xin lấy gói đất hoặc gói muối làm lễ dạm, đây là những vật tượng trưng rất có ý nghĩa. Đất tượng tưng cho cội nguồn, nơi nẩy sinh ra sự sống. Còn muối thế hiện sự mặn mà đằm thắm trong tình nghĩa vợ chồng sau này.

Thời nhà Trần còn nhắc tới ***An Nam chí lược*** (1333) của Lê Trắc. Lê Trắc là một thuộc hạ của Trần Kiện theo chủ chạy sang nhà Nguyên, sống lưu vong ở Trung Quốc. Sách này cũng là một quyển mang tính chất địa chí, song không chỉ chú trọng về địa lý, mà còn đề cập đến cả lịch sử, văn chương. Có trong sách những thông tin về tình hình ngoại giao, chinh chiến, thế phả các triều vua và ghi chép (sưu tầm và chọn lọc) cả những tác phẩm của danh nhân nước nhà, những thơ văn xướng họa của các xứ thần nước ngoài đến Việt Nam. Sách này còn ghi: Trước, thái tử (chỉ Thoát Hoan) lấy người con gái nhà Trần sinh được hai con. Công chúa An Tư là con út vua Trần Thái Tông.

Ngày nay không ai biết nàng sinh và mất năm nào. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng ghi: Sai người đưa công chúa An Tư đến cho Thoát Hoan là có ý làm giảm bớt tai họa cho nước vậy.

2.3. ĐỊA CHÍ VĂN HÓA THỜI LÊ - NGUYỄN

2.3.1. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội

Trong lịch sử văn hóa dân tộc Việt Nam, đặc biệt từ thế kỷ XV trở đi, công việc biên soạn địa chí và địa chí văn hóa chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện lịch sử và văn hóa đất nước. Đồng thời, các tài liệu địa chí sau khi biên soạn xong đã đóng vai trò nhất định vào sự phát triển văn hóa dân tộc. Địa chí ra đời từ rất xa xưa, do nhu cầu bức thiết của con người, trước hết là người cai quản đất nước. Họ muốn hiểu biết nắm vững về các mặt từ thiên nhiên, xã hội đến sản vật, phong tục tập quán, truyền thống văn hóa các địa phương để từ đó vạch ra chính sách, chế độ cai trị. Cha ông ta trước đây tiến hành biên soạn địa chí không phải là công việc tình cờ, ngẫu nhiên mà có mục đích rõ ràng: nhằm khẳng định và giáo dục niềm tự hào về truyền thống văn hóa dân tộc, củng cố độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quản lý điều hành đất nước.

Sau hai mươi năm xâm lược Việt Nam (1407 - 1427), giặc Minh đã tàn phá các giá trị văn hóa nước này vốn

được tạo nên từ thời Lý - Trần, hòng xóa khỏi ký ức người Việt Nam mọi dấu vết của một nền văn minh rực rỡ. Chỉ dụ vua Minh Thành Tổ gửi các tướng Chu Năng và Trương Phụ tháng 9 năm 1406 nhắc nhở: Nhiều lần đã bảo các ngươi rằng phàm An Nam có tất thảy sách vở văn tự gì, kể cả các câu ca lý dân gian, các sách dạy trẻ và tất cả các bia mà xứ ấy dựng lên, thì dù một mảnh, một chữ, hễ trông thấy là phải phá hủy ngay lập tức, chớ để sót lại.

Năm 1427 cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, trang sử mới của đất nước được mở ra, văn hóa dân tộc bước vào thời kỳ phục hưng lần thứ hai. Sau khi đánh thắng giặc Minh, nhà Lê chú trọng xây dựng nhà nước phong kiến tập quyền, củng cố bộ máy chính quyền ở địa phương, phát triển kinh tế, văn hóa, coi nông nghiệp là bản nghiệp, chú trọng đến giáo dục học đường. Lê Lợi (1385 - 1433) lên ngôi vua năm 1428 tại điện Kính Thiên, đổi tên Thăng Long thành Đông Đô. Ông chia lại các đơn vị hành chính thành 5 đạo. Một đất nước chủ yếu sống bằng nông nghiệp, nên việc phục hồi phát triển nông nghiệp được Lê Thái Tổ đặc biệt quan tâm. Nhà vua chú trọng xây dựng hệ thống đê điều và các công trình thủy lợi, khai khẩn đất hoang, mở mang phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp. Ngay từ năm đầu lên ngôi, ông đã cho kiểm kê hộ khẩu, làm sổ điền đặt cơ sở để tiến hành chế độ quân điền.

Thời kỳ này chế độ đào tạo nho sỹ được tổ chức rất chính quy. Chình vì thế, Nho giáo nhanh chóng chiếm được những địa vị, ưu thế trong đời sống tư tưởng so với các tôn giáo khác. Để tuyển chọn nhân tài, nhà Lê không chỉ quan tâm đến việc cầu hiền bằng cách tiến cử mà còn đặt ra các khoa thi.

Lê Thái Tông con Lê Thái Tổ, sinh năm 1423, lên ngôi từ 1434 - 1442. Khi lên ngôi ông mới 11 tuổi, nhưng không cần mẫu hậu che rèm nghe việc mà tự mình điều hành tất cả các công việc của triều đình. Dưới triều vua Thái Tông, nhà nước tổ chức thi hương ở các đạo và năm sau tổ chức thi hội tại kinh đô. Từ đó cứ theo lệ cứ ba năm 1 lần thi làm lệ thường.

Một trong những sự kiện bi thảm nhất dưới triều Lê là cái chết đột ngột của vua Thái Tông và kéo theo nó là vụ án oan nghiệt giáng xuống Nguyễn Trãi và gia đình ông mà người đời vẫn gọi là vụ án Lệ Chi Viên (vụ án vườn vải). Vào tháng 7 (1442) vua đi tuần ở Miền Đông, duyệt quan ở thành Chí Linh, Nguyễn Trãi đón vua ngự ở chùa Côn Sơn. Sau đó ngày 4/8 vua về đến Lệ Chi Viên (nay thuộc huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh). Cùng đi với vua có Nguyễn Thị Lộ, một người thiếp của Nguyễn Trãi khi ấy đã vào tuổi 40 được vua Thái Tông yêu quý vì sắc đẹp, văn chương hay, luôn được vào hầu bên cạnh vua.

Khi về đến Lệ Chi Viên, vua thức suốt đêm cùng với Nguyễn Thị Lộ rồi băng hà, lúc này ông mới 20 tuổi. Các quan bí mật đưa thi hài vua về kinh sư. Triều đình đã quy cho Thị Lộ tội giết vua. Nguyễn Trãi và gia đình bị án chu di tam tộc. Vua Lê Thái Tông mặc dù mới có 20 tuổi, nhưng khi mất đã kịp để lại 4 người con trai do 4 bà vợ sinh ra. Trong đó bà thần phi họ Nguyễn sinh ra hoàng tử Bang Cơ (sau là vua Nhân Tông). Bà Ngô Thị Ngọc Giao sinh ra Tư Thành sau là vua Lê Thánh Tông. Vua Lê Nhân Tông sinh năm 1441, năm 1442 lên ngôi sau khi Thái Tông qua đời khi chưa đầy 2 tuổi. Thái hậu phải buông rèm nhiếp chính, tạm quyết đoán việc nước. Đến đời vua Lê Thánh Tông sau cuộc bình Chiêm đại thắng, vua thấy cần phải giải quyết nạn giặc ngoại xâm thường hay quấy phá ở biên cảnh phía Nam, để dân được yên ổn làm ăn, triều đình rảnh tay dồn mọi nỗ lực xây dựng đất nước, nên tháng 6/1471 vua xuống chiếu lấy dải đất từ Nam Hải Vân đến núi Thạch Bi (hay núi Đá Bia - giữa Phú Yên và Khánh Hòa để làm mốc giới giữa hai nước Chiêm - Việt, chọn tảng đá cao lớn như một tấm bia khổng lồ, vua cho khắc công trạng của quân lính vào đá và cũng khắc rõ đây là mốc giới của nước Việt Nam. Dải đất trên sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt, thành lập "Thừa tuyên Quảng Nam". Địa danh Quảng Nam ra đời từ đây và trở thành đạo thứ 13 của nước ta. Sau này vào thế kỷ thứ XIX sách địa chí thời

vua Gia Long của Lê Quang Định năm 1806 cũng chép về sự kiện này: Vua Thánh Tông nam chinh mở đất đến đây, nên trên đỉnh núi chỗ vách đa, ngài cho khắc chữ để phân giới với Chiêm Thành, nay còn những chỗ sứt mẻ mờ lợt không nhận rõ được.

Triều Nguyễn thời kỳ độc lập kéo dài từ 1802 đến 1883. Năm 1802 sau khi lấy được toàn bộ đất đai cũ của các chúa Nguyễn, Nguyễn Ánh lên ngôi, đặt niên hiệu Gia Long. Là vua sáng nghiệp triều đình Nguyễn của một quốc gia thống nhất, Gia Long phải quyết định rất nhiều việc đặt nền móng cho vương triều có một địa bàn thống trị rộng lớn từ Bắc chí Nam. Gia Long và hàng loạt các vua tiếp theo ra sức củng cố chính quyền nhà nước quân chủ chuyên chế, chọn Phú Xuân làm kinh đô. Các vua Nguyễn trực tiếp nắm lấy mọi công việc hệ trọng trong nước, từ trung ương đến địa phương. Để tránh lộng quyền, ngay từ đầu nhà vua bác bỏ chức vụ tể tướng. Triều đình chỉ đặt ra 6 bộ: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công do các thượng thư đứng đầu và tả hữu tham tri, tả hữu thị lang giúp việc. Quản lý đất nước thống nhất kéo dài từ Lạng Sơn đến Hà Tiên đối với Gia Long lúc đó là hoàn toàn mới mẻ, vua cho tổ chức lại các đơn vị hành chính. Cả nước được chia thành 23 trấn, 4 doanh. Từ Ninh Bình trở ra gọi là Bắc thành gồm 11 trấn. Từ Bình Thuận trở vào gọi là Gia Định thành gồm 5 trấn. Quãng giữa là các trấn độc lập: Thanh

Hóa, Nghệ An, Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên, Bình Hòa, Bình Thuận. Đất kinh kỳ đạt thành 4 doanh: Quảng Đức doanh (tức Thừa Thiên), Quảng Trị doanh, Quảng Bình doanh và Quảng Nam doanh. Cai quản Bắc Thành và Gia Định thành có tổng trấn và phó tổng trấn. Mỗi trấn có lưu trấn hay trấn thủ. Trấn chia ra phủ, huyện, châu có tri phủ, tri huyện. Đây là lần đầu tiên trên một lãnh thổ thống nhất, các tổ chức hành chính được sắp đặt chính quy như vậy. Quản lý hộ khẩu, ruộng đất và thuế khóa áp dụng theo hình mẫu thời Lê sơ nhưng được thực hiện trên quy mô lớn hơn, quy củ hơn. Đáng chú ý là việc làm sổ địa bạ dưới thời Gia Long được tiến hành nhất loạt trong toàn quốc. Các làng xã phải lập sổ địa bạ ghi rõ từng loại ruộng đất, diện tích, vị trí, công, tư.

Để tăng cường quyền lực, nhà Nguyễn ban hành luật Gia Long trên cơ sở tham khảo bộ luật nhà Thanh (Trung Quốc), có tính đến điều kiện cụ thể của Việt Nam. Mọi cải cách tiến bộ thời Tây Sơn đều bị xóa bỏ, nhà Nguyễn trả thù man rợ các lãnh tụ và con cháu Tây Sơn. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân đều bị chìm trong bể máu. Về đối ngoại, nhà Nguyễn thực hiện chính sách bế quan tỏa cảng. Khi lên ngôi hoàng đế (1820 - 1840), Minh Mệnh đặt quốc hiệu là Đại Nam. Minh Mệnh có tư chất thông minh, hiếu học, năng động và quyết đoán, ham hiểu biết. Là người tinh thâm nho học, sùng đạo Khổng Mạnh, Minh Mệnh rất

quan tâm đến học hành khoa cử, tuyển chọn nhân tài, dựng Quốc Tử Giám, mở lại thi hội, thi đình năm 1822, đạt đốc học ở Gia Định thành. Thời đó Gia Định chỉ có Trịnh Hoài Đức là người có học, được vua rất tin dùng, cho làm hiệp biện đại học sỹ, làm thượng thư bộ lại kiêm thượng thư bộ binh. Minh Mệnh lập quốc sử quán để biên soạn lịch sử dân tộc và các triều đại. Đồng thời đã cho hoàn chỉnh hệ thống đê điều ở Bắc Bộ, đặt quan khuyến nông, khai hoang ven biển Bắc Bộ, lập hai huyện mới là Kim Sơn và Tiền Hải. Công cuộc khai hoang và thủy lợi ở Nam Bộ cũng được đẩy mạnh. Năm 1831 Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính trên quy mô lớn. chia cả nước ra làm 31 tỉnh. Từ đây, tỉnh là đơn vị hành chính thống nhất trong cả nước có cương vực và địa hình khá hợp lý. Mỗi tỉnh có tổng đốc, tuần phủ, bố chính, án sát để trông coi công việc. Các châu miền núi dựa theo đơn vị hành chính thống nhất với miền xuôi.

2.3.2. Các tài liệu tiêu biểu và nội dung của chúng

Trong thời kỳ này trước hết phải đề cập tới ***Dư địa chí*** (1435) của Nguyễn Trãi. Sự phát triển của đất nước thời nhà Lê gắn chặt với tên tuổi của Nguyễn Trãi (1380 - 1442), một trong những người tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Minh thắng lợi, nhà văn hóa kiệt xuất, đồng thời là nhà địa chí đầu tiên đã đặt nền móng

cho địa chí học Việt Nam. ***Dư địa chí*** của Nguyễn Trãi là một loại quốc chí mẫu mực. Sách này có giá trị lớn về nội dung tư tưởng và phương pháp biên soạn. Từ đó trở đi, không ai viết địa chí mà lại không quan tâm đên hai chủ đề lớn là lãnh thổ và giống nòi được nêu bật trong ***Dư địa chí***. Sử chép rằng: Sau khi Lê Thái Tổ mất (1433), Nguyễn Trãi bị bọn gian thần trong triều dèm pha, nên xin về ở ẩn tại Côn Sơn. Một năm sau (1434) ông lại được triệu ra làm quan. Trong thời gian này, ông được giao viết một bộ sách gọi là *Quốc thư bảo huấn* (1435) trong đó có phần dư địa chí (dư là đất và địa cũng là đất) để giúp nhà vua hiểu thêm về đất nước, con người và các đặc sản của từng địa phương. Nguyễn Trãi dâng sách, nhà vua rất tâm đắc, sai thợ khắc ván in để phổ biến. Khi vua Thái Tông tuần hành tỉnh Đông bị chết, triều đình bàn tán cho là bà vợ Nguyễn Trãi giết vua, kết tội cả ba họ nhà Nguyễn Trãi. Quan đại tư đồ Lê Liệt sai thợ hủy bản sách ấy. Sau khi Lê Nhân Tông trưởng thành, đủ sức nắm chính quyền, thấy Lê Liệt có tội, bắt giam ở ngục. Vua Nhân Tông vào bí thư các xem sách vở, thấy bản sách của Ức Trai còn sót lại bèn đem để trong phòng ngủ làm sách giúp cho việc hành chính (42).

Sau phần giới thiệu qua vị trí chung của nước Đại Việt, đơn vị hành chính, nhân khẩu, quốc hiệu, quốc đô

qua các thời đại, Nguyễn Trãi chép riêng về các đạo thời Lê sơ. Thường thường, về mỗi đạo có hai phần, phần trước chép các sông núi đạc biệt của các đạo ấy và phần sau nói về chất đất, thổ sản của các đạo cùng các đồ cống tiến cho vua. ***Dư địa chí*** không phải chỉ do một mình Nguyễn Trãi viết, mà đó là một công trình tập thể. Những câu chép đơn giản của Nguyễn Trãi lại được làm sáng tỏ hơn, đầy đủ hơn nhờ các tập chú của Nguyễn Thiên Túng và cẩn án của Nguyễn Thiên Tích, lời thông luận của Lý Tử Tấn - là những người đương thời với Nguyễn Trãi. Nhờ có ***Dư địa chí*** chúng ta biết rằng từ thời Lê Thái Tông cũng đã chia nước ta ra 15 đạo. Đọc ***Dư địa chí*** có thể thấy được những sản phẩm phong phú của Tổ quốc. Đất nước ta từ xa xưa đã có những khoáng sản dồi dào như đồng, thiếc ở Hưng Hóa, chì, đồng, bạc, vàng, sắt, đan sa ở Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn. Chúng ta có tùng bách, hòe, liễu của Hải Dương, sa nhân ở Hưng Hóa, mây ở Tuyên Quang, hồ tiêu ở Thuận Hóa, ấy là chưa kể các thổ sản khác từ cá anh vũ ở sông Hát đến cá rô làng Thịnh Liệt. Đó là những sản phẩm của tự nhiên mà con người đã nhận thức được. Đặc biệt các ngành nghề thủ công, các làng nghề truyền thống từ đầu thế kỷ XV được phản ánh, ghi chép tỷ mỷ trong ***Dư địa chí***. Chẳng hạn, khi viết về Thượng Kinh (kinh đô Thăng Long) ông đã kể ra 36 phường, trong đó có phường Tàng Kiếm (nay là đoạn phố Lê Duẩn từ Cửa Nam đến

ngã tư Khâm Thiên) làm kiệu, áo giáp, đài, mâm võng, gấm trừu, dù lọng, phường Yên Thái (vùng chợ Bưởi ngày nay) làm giấy, phường Thụy Chương (vùng Thụy Khuê ngày nay) và phường Nghi Tàm dệt vải nhỏ và lụa, phường Hà Tân (ở khu phố Hàng Cá ngày nay) nung vôi, phường Hàng Đào nhuộm điều, phường Tả Nhất (có lẽ là phố Hàng Quạt ngày nay) làm quạt, phường Đường Nhân (có lẽ là phố Hàng Ngang ngày nay) bán áo diệp y.

Trên thực tế ở Thăng Long chắc chắn những phường nghề này xuất hiện trước khi được ghi chép và phản ánh trong tài liệu này. Các nghề thủ công nổi tiếng ở trấn khác như the Kim Bảng, lụa Thanh Oai, rượu sen, rượu cúc Hoàng Mai ở Sơn Nam cũng được ***Dư địa chí*** ghi chép. Những tên làng quen thuộc đã đi vào ca dao như Huê Cầu nổi tiếng nghề nhuộm, Bát Tràng nổi tiếng với nghề gốm được phản ánh vào tác phẩm địa chí đầu thế kỷ XV này. Những tấm vải thâm, những bộ bát đĩa của hai làng là những đồ cống tiến cho vua quan phong kiến Trung Quốc. Thông qua ***Dư địa chí*** chúng ta có thể khai thác được nhiều tư liệu quý giá phục vụ cho hoạt động giáo dục truyền thống văn hoá, lịch sử các ngành nghề thủ công, làng nghề cổ truyền ở địa phương, phục hồi và phát triển các làng nghề truyền thống trong giai đoạn hiện nay. ***Dư địa chí*** chứa đựng ước mơ, niềm tâm đắc, sự trăn trở của dân tộc. Tất cả những ý tưởng đó được toát lên từ ngòi bút

có tâm lòng của một con người thời đại là Nguyễn Trãi. ***Dư địa chí*** vừa là lời chỉ dẫn cho thế hệ mai sau, vừa là sự tổng kết kinh nghiệm viết sách địa chí của hàng ngàn năm, vừa xác định phương pháp biên soạn loại hình địa chí có văn phong độc đáo, ngắn gọn.

Vào đời Lê Thánh Tông, ***Bản đồ Hồng Đức*** được xây dựng, tập hợp tình hình từ cuộc điều tra lớn về địa giới và sản phẩm của các địa phương, đã xác định chặt chẽ các vùng lãnh thổ và cương giới thuộc chủ quyền của một quốc gia thống nhất.

Đến đời Mạc, xuất hiện cuốn địa phương chí đầu tiên là ***Ô châu cận lục*** (1553) của Dương Văn An (1527 - 1595). Ông đậu tiến sỹ năm 1547, làm quan triều Mạc đến chức Thượng thư. Trong lịch sử, địa danh Ô châu gắn với chuyện công chúa Huyền Trân thời nhà Trần. Huyền Trân công chúa là con vua Trần Nhân Tông, em gái Trần Anh Tông, lấy vua Chăm pa là Chế Mân và được tướng Trần Khắc Chung cứu về Đại Việt sau khi vua Chăm qua đời. Châu Ô sau chuyển thành châu Thuận, châu Lý chuyển thành châu Hoá, gọi là đất Thuận Hoá. Tác giả soạn sách này vào năm 1553, trong đó có khá nhiều mục. Chẳng hạn, mục sơn xuyên nói đến các núi, hang, sông ngòi, cửa biển và cả ao hồ. Mục phú thuế, sản vật nói đến các loại nguyên liệu, hàng hải sản, hoa quả, chim muông và các

thứ côn trùng. Mục phong tục ghi chép về tập tục chung và riêng các vùng ở địa phương. Mục thành thị nói đến thành quách, thị trấn, chợ búa, cầu cống, cửa ải, quân dịch. Mục quan chức và nhân vật đề cập đến các công thần, nho sĩ, người đỗ đạt, người học giỏi, người làm quan võ, quan văn, rồi đến các phi tần, thân vương, người trung nghĩa, người tiết phụ (5).

Thông qua bài tựa của cuốn sách, chúng ta hiểu rõ thêm về tác giả, nội dung và mục đích biên soạn của ***Ô châu cận lục***: Có trời đất ấy thì có núi sông ấy, có núi sông ấy thì có nhân vật ấy. Nhưng vì, trời có nóng, rét khác nhau, nên núi sông của đất có hạn; đất thì thủy tổ mỗi nơi một khác, nên tập tục của người ta cũng khó đổi thay. Nước Việt ta dựng nước, về phần đất đai, sách trời đã vạch rõ. Xưa nay vẫn thường nói: ở ngoài bốn thừa tuyên (tức là bốn trấn ở giáp liên bốn phía thủ đô: Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, Sơn Nam) thì người châu Ái (Thanh Hoá) phóng khoáng, ưa chuộng điều nghĩa; người châu Hoan (Nghệ An) thuần tuý, ham thích việc học. Còn Hoá châu ta, tiếp liền xứ Quảng, đất đai hẻo lánh, phong tục chất phác, dân cư thưa thớt rất là quạnh hiu, không ví với Hoan châu, Ái châu được. Tôi không tự nghĩ đến mình học vấn kém, khảo thêm các sách sử thông tục, đặt tên là ***Ô châu cận lục***, cốt để giúp cho mình xem riêng được tiện mà thôi. Tập này ghi chép cả núi

sông khúc chiết, hình thế hiểm trở, một vật, một sản có ích cho quốc dụng, chiếc cầu, nhà trạm quan hệ đến vương chính, thành nào có thể chống đỡ trong ngoài, đền nào có thể ngăn trừ tai hoạ, đều ghi chép cả. Đến một người đàn bà có nết trong sạch cũng chép, mà cả thói dâm, tục bạc cũng không bỏ quên, là để ngụ ý ưa hay ghét. Một kẻ sĩ có khí tiết cũng chép, mà cả kẻ loạn thần, tạc tử cũng không bỏ qua, để ngụ ý khuyên răn.

Trong sách này cũng miêu tả sinh hoạt của cả xứ Quảng Nam: Đồng bằng thì nông tang vốn sẵn nghiệp nhà, bờ biển thì cá, muối là kho vô tận. Của thổ ngơi đã có sẵn thứ rượu tăm rất ngon. Hải vị sơn hào của nhiều chan chứa. Cá tôm sẵn có ở sông biển, gỗ lấy ở núi rừng. Xóm làng trù mật, nên gà chó từng đàn; có nước ngon lành nên trâu bò béo tốt. Trong công điền có cả tư điền: ngoài thuế ruộng còn nhiều thuế khác. Sông hồ lầy lội, đi thuyền tiện hơn đi chân, đất cát phì nhiêu, được lúa không cần khó nhọc. Tác giả ***Ô châu cận lục*** đã cảm nhận rất tinh tế rằng con người nơi đây toát lên một lối sống hướng nội, hoài cổ đến bền vững: Thói cũ giữ lâu ngày, lối mới còn quá ít. Điều kiện khó khăn lại thêm quan niệm nặng nề "thứ dân mạt hạng con buôn" nên tư tưởng kinh tế cũng mang đậm tính giải pháp. Cư dân vùng này cuối cùng vẫn phổ biến hiện tượng "nhà dẫu nhiều thóc gạo, túi không mảnh tiền đồng".

Một công trình khác có tính chất địa phương chí thực sự ghi chép về vùng Thuận Hóa - Quảng Nam là ***Phủ biên tạp lục*** (1776) của Lê Quý Đôn (23). Lê Quý Đôn là nhà bác học lớn Việt Nam thời phong kiến, mà người đời cho rằng: vài ba trăm năm mới có một người như thế. Trước tác của ông rất nhiều, bao trùm mọi vấn đề của thiên nhiên xã hội và con người, thể hiện tài năng và trí tuệ của một danh nhân lỗi lạc, có mặt trên mọi lĩnh vực triết học, chính trị học, văn học nghệ thuật. ***Phủ biên tạp lục*** là một bộ bách khoa thư của xứ Đàng trong về lịch sử, địa lý tự nhiên, địa lý hành chính, địa lý kinh tế, thơ văn phong tục. Những sử liệu trong bộ này là những căn cứ đầu tiên và quý giá về xứ Đàng Trong thế kỷ XVIII mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị về học thuật và thực tiễn mà chúng ta có được. Lê Quý Đôn là một nhà bác học lớn đã có công đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Ông đánh giá sự kiện, nhân vật lịch sử mang nhiều tính chất khách quan khoa học. Phương pháp nghiên cứu của ông cụ thể, chi tiết, phân loại một cách hợp lý. Thời bấy giờ mà ông ghi chép những tư liệu quan sát và thu thập ở vùng Thuận - Quảng trên những tấm thẻ như những phiếu mà chúng ta làm được ngày nay. Với cách học, cách làm và những tác phẩm đồ sộ để lại, Lê Quý Đôn đã bảo tồn và phát huy được vốn văn hoá dân tộc nhiều mặt ở thế kỷ XVIII. Trong giai đoạn Lê Quý Đôn sống, ông được chúa Trịnh lựa chọn cẩn

thận, và chính chúa Trịnh thân trinh đem quân đi đánh chúa Nguyễn để giành lấy mảnh đất Thuận Hoá vào năm 1774. Năm 1776 Lê Quý Đôn được cử giữ chức hiệp trấn tham tán quân cơ ở Thuận Hoá. Trong 6 tháng trời ông đã ghi chép lại tất cả những điều tai nghe mắt thấy và tập bút ký này đặt tên là ***Phủ biên tạp lục.*** Về sử học thì ***Phủ biên tạp lục*** là một trong những tác phẩm có giá trị cao. Ngày nay chúng ta hiểu được xã hội Đàng Trong từ thế kỷ XVIII trở về trước là nhờ có ***Phủ biên tạp lục***. Lê Quý Đôn đã đứng trên lập trường của một bề tôi nhà Lê - Trịnh, đối địch với chúa Nguyễn ở Đàng Trong để viết sách này. Đó cũng là một trong những lý do khiến bọn vua quan nhà Nguyễn ghét ông và đánh giá thấp sự nghiệp của ông. Trước Lê Quý Đôn chỉ có ***Ô châu cận lục*** của Dương Văn An đời Mạc viết về núi sông, thành quách, phong thổ, nhân vật cũ ở xứ Thuận - Hoá. Nhưng phải chờ đến ***Phủ biên tạp lục*** tình hình núi sông, thành quách, phong thổ, nhân vật của xứ Thuận - Hoá mới được giới thiệu cụ thể, kỹ càng.

Phủ biên tạp lục gồm 6 phần:

1. Sự tích khai tiết khôi phục hai xứ Thuận - Quảng. Danh số phủ, huyện, tổng, xã thôn, trang trại hai xứ Thuận - Quảng.

2. Hình thế núi sông, thành luỹ, trụ sở, đường sá, bến đò, nhà trạm hai xứ Thuận - Quảng.

3. Số ngạch công tư điền trang và hoa châu, lệ cũ và tổng số thóc gạo trưng thu ở hai xứ. Lệ cũ về quan thuộc các ty, trấn, dinh và về thi cử ở hai xứ Thuận - Quảng. Lệ cũ và tổng số ngạch nhân đinh, duyệt tuyển các hạng, kén chọn lính hạng, chia đặt quân hiệu ở hai xứ Thuận - Quảng.

4. Lệ thuế đầu nguồn, tuần ti, đầm hồ, chợ đò, thuế vàng bạc đồng sắt và lệ vận tải ở hai xứ Thuận - Quảng.

5. Nhân tài và thơ văn.

6. Vật sản phong tục.

Trong bài tựa của ***Phủ biên tạp lục***, tác giả nêu rõ mục đích biên soạn sách: Kẻ sĩ quân tử làm quan theo dõi công việc hành chính, há chỉ có ung dung ở chốn triều đường bàn truyện văn nhã, khen ngợi đức vọng mà thôi đâu. Còn phải có lúc ra biên thuỳ quan ải, giữ trách nhiệm một địa phương, cũng phải nghĩ chăm nom việc binh, việc nông, lấy lợi trừ hại, đặt điều lệ, mở giáo hoá, thay đổi phong tục, hết tâm lực có thể đến, hết chức trách cần phải làm, để đáp lại ý nhà vua săn sóc dân chúng. Tuy nhiên, thời có lúc dễ lúc khó, thế có việc làm được, việc không làm được, nhưng tuỳ nghi châm chước thì không việc gì là không thoả đáng. Nhân có lúc dạo chơi cảnh núi sông, tìm thăm nơi di tích, xét xem lệ cũ, tìm hỏi nhân tài, tuỳ việc

ghi chép, làm thành sách này, gọi là ***Phủ biên tạp lục***. Tập sách này chẳng qua là vết móng chim hồng để ghi dấu buổi bấy giờ, nhưng các bậc quân tử ở triều, hoặc có tra xét sự tích cõi Nam, muốn không ra khỏi nhà mà biết được việc ngoài ngàn dạm, thì tập này cũng gọi là có thể dùng để xem được.

Ông đã đưa ra nhận xét rằng: ở xứ Thuận Hoá của cả châu báu chẳng có bao nhiêu, nên cần dùng thứ gì người ta phải lấy ở xứ Quảng Nam, vì xứ Quảng Nam là nơi ruộng nương phì nhiêu thứ nhất trong thiên hạ. Tính dân (Thuận Hoá) thực thà và tốt, đều yên phận làm ăn ở thôn quê, ít người ra ngoài đi xa, có khi không biết huyện bên cạnh đi lối nào, không biết Phú Xuân phong cảnh thế nào, hay "dân thổ trước các xã thôn thì cũng yên phận làm ăn, không quen đến thành thị. Tục ấy rất tốt, trong sạch, ít việc càn chớ quấy nhiễu". Khi mô tả về xứ Thuận Hóa, Lê Quý Đôn đã hết sức ngưỡng mộ những công trình xây dựng tráng lệ của chúa Nguyễn tại Phú Xuân, trong đó có công trình sử dụng trang trí bằng ghép sành sứ: Tường trong tường ngoài đều xây dày mấy thước, lấy vôi mật và sành sứ đắp thành hình rồng, phượng, lân, hổ, cỏ hoa... (23).

Công trình này có giá trị lớn về nội dung và phương pháp biên soạn, giúp ích cho việc nghiên cứu nhiều mặt nhất là lịch sử, địa lý của vùng đất Thuận - Quảng. Xét

theo phạm vi hẹp thì đây là vùng đất chiến lược chúa Nguyễn, trên bình diện rộng là toàn bộ lãnh thổ xứ Đàng Trong.

Thời nhà Nguyễn sách địa chí xuất hiện nhiều, bao gồm nhiều loại hình từ quốc chí đến địa phương chí. Trước hết phải đề cập đến các bộ sách quốc chí tiêu biểu. Sau khi lên ngôi được mấy năm, vua Gia Long đã sai quan Thượng thư Lê Quang Định soạn bộ ***Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*** (1806). Bộ sách gồm hai phần: Phần dịch lộ ghi chép rõ đường giao thông trong toàn quốc, lâu chóng, dài ngắn từ kinh thành vào đến Gia Định và từ kinh thành Huế ra đến Thăng Long cho đến mục Nam Quan. Phần thứ hai gọi là phần thực lục ghi rõ đường đi ở các trấn, từ đường cái quan đi ra, lấy lỵ sở các trấn làm nơi bắt đầu. Riêng về phong tục, tập quán, thổ sản ở các địa phương tác giả chỉ điểm sơ qua. ***Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*** là một bộ địa chí đầu tiên của triều Nguyễn. Sách tuy sơ lược về môn địa lý cổ, nhưng về dịch lộ, đường đi và các tên trạm thì ghi chép khá chính xác, rõ ràng.

Một bộ quốc chí rất giá trị khác được biên soạn dưới triều Nguyễn là ***Lịch triều hiến chương loại chí*** của Phan Huy Chú. Dòng họ Phan Huy ở Quốc Oai, Sơn Tây là một dòng họ nổi tiếng về văn chương khoa bảng, có nhiều đóng góp cho nền văn hóa Việt Nam. Ông là con thứ ba

của Phan Huy Ích và là cháu gọi Ngô Thì Nhậm bằng bác. Phan Huy Chú sinh năm 1782 và mất năm 1840, mộ táng ở xã Thanh Mai, huyện Tiền Phong, Sơn Tây. Vốn thông minh, sớm có chí tìm tòi, đào sâu suy nghĩ khi học tập, lại được sự dạy dỗ của gia đình, nên từ thời niên thiếu ông đã học giỏi nổi tiếng cả vùng Sơn Tây. Do có điều kiện tiếp cận nguồn sách vở mênh mông bao đời mà gia đình lưu trữ, lại nhờ trí tuệ thiên bẩm nên hầu như ông đã thâu tóm được tinh hoa của mọi sách vở, nắm được đầy đủ các đầu mối điển chương. Do đọc thiên kinh vạn quyển, tài năng uyên bác, nên mặc dù hai lần đi thi chỉ đỗ tú tài, nhưng tài năng của ông vẫn nổi tiếng khắp nơi trong nước. Năm 1821, vua Minh Mạng cho triệu vào triều làm chức Hàn lâm biên tu. Năm 1825 ông được cử đi sứ nhà Thanh. Năm 1828 thăng chức Phủ thừa phủ Thừa Thiên. Năm 1829 làm Hiệp trấn xứ Quảng Nam. Phan Huy Chú đã có một cống hiến rất to lớn về việc bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc. Ông đã để lại một công trình đồ sộ là bộ ***Lịch triều chiến chương loại chí*** viết trong thời gian từ (1809 - 1819), tức là từ lúc ông 27 tuổi đến 37 tuổi. Để có thể khởi thảo một công trình quy mô đồ sộ đến vậy, Phan Huy Chú phải vào núi ở, 10 năm đóng cửa tạ khách, cố sức tìm nhặt, tuỳ từng loại khảo xét và đính chính, có khi nghĩ được điều gì thì làm ra lời bàn. Ngày tháng góp lại đến nay đã trải 10 năm, biên chép đã xong, cộng có 10 chí (36).

Bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* bao gồm 10 chí, tức là 10 sách viết về 10 bộ môn với sự phân loại, nghiên cứu một cách rất hệ thống và theo thứ tự sau:

Dư địa chí nghiên cứu về bờ cõi của nước ta qua các thời, phong thổ các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Sơn Nam, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, An Bang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thuận Hoá, Quảng Nam, Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh, Bình Thuận, Gia Định, Định Viễn, Hà Tiên.

Nhân vật chí nói về vua chúa, những tướng lĩnh danh tiếng, những người có công lao xây dựng các triều đại, những trí thức có đức nghiệp.

Quan chức chí khái quát việc đặt quan chức các đời, chế độ bổ dụng quan lại, chế độ ban cấp bổng lộc.

Lễ nghi chí ghi chép về chế độ áo mũ, xe kiệu của vua chúa, chế độ phẩm phục, võng kiệu quan lại, lễ thờ cúng, tang ma, lễ sắc phong, tế cáo.

Khoa mục chí ghi chép về phép thi các đời, thể lệ các kỳ thi.

Quốc dụng chí nói về việc làm sổ hộ khẩu, phép thu thuế, đánh thuế, tiền tệ, chế độ ruộng đất.

Hình luật chí nghiên cứu về định luật lệ các đời, luật các loại

Binh chế chí nói về việc đạt các ngạch quân, phép tuyển mộ quân lính, chế độ lương bổng, quân trang quân dụng, phép thi võ.

Văn tịch chí khảo cứu về tình hình thư tịch, sách vở các đời.

Bang giao chí chép việc bang giao của các đời, nghi lễ tiếp đón sứ thần các nước.

Với cấu tạo sách như thế, nội dung của nó thật rộng lớn, bao trùm. ***Lịch triều hiến chương loại chí*** quả là một bộ văn hiến đồ sộ, một pho bách khoa toàn thư của đất nước. Giá trị của bộ sách này trước hết là giá trị khoa học, tư liệu không những phong phú, được phân loại, hệ thống hoá, mà còn chính xác nữa.

Qua các bố cục trình tự và lời bàn của mỗi chí, thấy rõ quan điểm của Phan Huy Chú là đối với một quốc gia, vấn đề lớn nhất là đất nước và con người. Đất nước là cương vực núi sông, đất đai, phong thổ, tài nguyên. Còn con người, như ông viết: nước lấy người làm gốc. Từ cả 10 chí ta thấy ngòi bút của ông thể hiện một tấm lòng yêu nước thiết tha và ý thức dân tộc sâu sắc, bởi nó trình bày toàn bộ lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước thần diệu, góp phần sáng tạo nên nền văn hiến hàng ngàn năm giàu bản sắc.

Khi làm chức Hàn lâm biên tu, ông dâng sách này cho vua Minh Mạng, được vua thưởng 30 lạng bạc, một chiếc áo cẩm bào, 30 cái bút và 30 thỏi mực (36).

Sang thế kỷ XX, G.P Muraseva, nhà nghiên cứu lịch sử người Liên Xô (cũ) đã đánh giá rằng: ***Lịch triều hiến chương loại chí*** xứng đáng được gọi là bộ bách khoa toàn thư về cuộc sống Việt Nam. Thực tế cho thấy, không có công trình nào sánh nổi. Bộ sách giúp người đọc hiểu thêm rất sâu sắc về lịch sử, văn hoá dân tộc trải qua nhiều triều đại. Chỉ một bộ ***Lịch triều hiến chương loại chí*** cũng đủ khẳng định ông là một nhà bác học, nhà văn hoá lớn của dân tộc.

Có thể khẳng định rằng dưới thời Lê - Nguyễn, công việc biên soạn sách địa chí đã được Nguyễn Trãi khởi dựng vào thế kỷ XV, được Lê Quý Đôn phát triển ở thế kỷ XVIII và nó càng hoàn thiện hơn nhờ công lao đóng góp của Phan Huy Chú trong nửa đầu thế kỷ XIX.

Năm Tự Đức thứ 18 (1865) vua hạ sắc cho Quốc Sử quán soạn sách ***Đại Nam nhất thống chí*** (theo khuôn khổ sách thống chí của nhà Thanh) chép đủ các tỉnh từ Lạng Sơn đến Hà Tiên, gồm cả Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ. Sách khảo tả về từng tỉnh theo các mục sau:

Phận dã (giới hạn theo vị trí các sao trên bầu trời).

Kiến trí diên cách (lịch sử thay đổi).

Hình thể (vị trí địa dư).

Khí hậu (Thời tiết, mưa nắng).

Phong tục (tục lệ thói quen).

Thành trì.

Học hiệu (trường học).

Hộ khẩu (số người).

Điền phú (thuế ruộng).

Sơn xuyên (núi non, sông ngòi).

Cổ tích (di tích lịch sử).

Quan tấn (cửa ải đồn biên). Thị tập (chợ búa).

Tân lương (bến đập). Đê uyển (đê điều).

Lăng mộ (mồ mả vua quan).

Từ miếu (đền miếu). Tự quán (chùa thờ phật), đền đạo sĩ.

Nhân vật (truyện các bậc có tiếng).

Liệt nữ (phụ nữ tiết liệt và giỏi).

Tiên thích (các bậc tu Phật, tu Đạo).

Thổ sản (sản vật địa phương).

Giang đạo (đường sông).

Tân độ (bến đò ngang, đò dọc) (8).

Các sách địa phương chí dưới triều Nguyễn đều viết bằng chữ Hán, trong đó có hai bộ tiêu biểu về vùng là ***Bắc thành địa dư chí*** và ***Gia Định thành thông chí.***

Bắc thành địa dư chí được biên soạn dưới thời vua Gia Long (1802 - 1819) do sáng kiến của Lê Chất, đến năm Triệu Trị thứ 5 (1845) Nguyễn Văn Lý sửa chữa lại và viết bài tựa.

Bài tựa đã phản ánh được một phần lai lịch và nội dung của bộ sách. ***Sách Bắc thành địa dư chí*** mới có từ khoảng triều Minh Mạng, từ ngày tổng trấn Lê Chất làm quan ở Thăng Long, tập hợp các nhà nho uyên thâm làm ra. Trong sách ghi tóm gọn về diên cách các thành trì, bờ cõi xa gần, làng xóm, sông núi, miếu mạo, đền chùa, chức quan, thuế ruộng, thuế quan, bến đò, chợ búa và cuối cùng đến thổ sản, nghề nghiệp. Từ Thăng Long đến Hải Dương, Sơn Nam thượng hạ, Sơn Tây, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hoá, Lạng Sơn, Quảng Yên, Cao Bằng, gồm địa dư 12 thành, rõ ràng như bày ra trước mắt (42).

Một công trình khác về địa phương chí rất nổi tiếng là ***Gia Định thành thông chí*** của Trịnh Hoài Đức (1765 -

1825) (44). Tác giả là một trong « Gia Định tam gia » (Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định), một nhà văn hoá lớn và cũng là một nhà địa phương chí có tầm cỡ của văn hoá Việt Nam. Ông là một người gốc Hoa, nhưng tinh thần và tâm thức của ông luôn hướng về Việt Nam. Điều đó được thấy rõ qua các công trình sáng tác và trước tác văn học của ông đối với lịch sử văn hoá Việt Nam hồi giữa thế kỷ XIX. Văn tài Trịnh Hoài Đức được đúc kết qua nhiều tác phẩm giá trị, nhưng nổi bật và sáng giá nhất phải kể đến bộ ***Gia Định thành thông chí.***

Bộ sách này viết dưới triều Minh Mạng (1820 - 1840), là công trình địa phương chí đầu tiên theo vùng của lịch sử thư tịch Việt Nam. Tác giả có cái nhìn toàn diện một vùng đất mới có rất nhiều tiềm năng trong lịch sử mở nước của tiền nhân. Đây là tác phẩm ra đời sớm nhất ở miền Nam vào thời nhà Nguyễn. Qua sách này, tác giả trình bày cặn kẽ về đất nước, con người, phong tục, thổ ngữ... của đất Gia Định xưa tức là vùng đất mà tiền nhân quen gọi là lục tỉnh (gồm 6 tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên).

Bộ sách được chia thành sáu quyển, mỗi tập đề cập đến một lĩnh vực của đồng bằng sông Cửu Long như Tinh dã chí về khí hậu, Sơn xuyên chí - địa hình, Sản vật chí - tài nguyên thiên nhiên.

Ngay trong tập đầu *Tinh dã chí*, tác giả đã bộc lộ tình cảm thấm đượm với miền đất này khi miêu tả về khí hậu: là miền đất ấm áp quanh năm, bốn mùa hoa nở, gần đúng với câu "lĩnh nam vạn vật giai xuân sắc", nghĩa là, quanh năm vạn vật đều đua sắc xuân. Những yếu tố của khí hậu như gió mùa, sấm chớp mây mưa được nêu lên khá đậm nét, tuy rằng sự giải thích còn theo thuyết « âm dương ngũ hành ».

Trong tập hai *Sơn xuyên chí* ghi chép về địa hình, sông núi, tác giả giới thiệu vùng đất này của Tổ quốc còn rất hoang vu, đúng với cảnh như tác giả miêu tả: chèo ghe sợ sấu cắn chân. Xuống bưng sợ đỉa, lên rừng sợ ma. Những ruộng đồng, đầm lầy thẳng cánh cò bay, những lưu dân người Việt, người Khơ me, người Hoa bám vào những thềm đất cao, những giồng ven sông mà sinh sống. « Khi làm nhà ở ven sông, người ta phải đóng cọc để ngăn cá sấu ». Sông ngòi Nam Bộ chằng chịt được mô tả bằng tình cảm trìu mến như : sông Đồng Nai có những thác đá gồ ghề, nước tuy dữ tợn thuyền bè không qua lại được, nhưng ở hạ lưu sông rộng, sâu, nước ngọt trong và sạch. Là loại nước có tiếng đệ nhất thành Gia Định, dùng để gội đầu hay pha trà thì suối Trung Linh, Bạch Hạc ở Trung Quốc cũng không sánh được.

Đặc biệt trong phần *Sản vật chí* tác giả thống kê tỉ mỉ

hàng trăm loại nông sản như đậu nành, hồ tiêu, hải sâm...từng loại đất tốt xấu và thích hợp với những loại cây gì, thời vụ canh tác có thể cho sản lượng bao nhiêu. Thông qua cuốn sách, chúng ta hình dung được vị trí địa lý từng địa phương thuộc đồng bằng sông Cửu Long thời xưa với đầy đủ các tên gọi hành chính như: phủ, huyện, tổng, xã, thôn, nậu, sóc, lân, ấp... với số dân của từng nơi. Trên cơ sở đó (dựa vào các tư liệu điền dã), có thể dựng lại sự phân bố dân cư thời kỳ đầu ở Nam Bộ. Và có thể thấy rõ, nơi đông dân nhất là những vùng nằm sát sông ngòi, đất tốt, không tốn công làm thuỷ lợi.

Khi đề cập đến phong tục tập quán, tác giả khắc họa những nét độc đáo về con người vùng đồng bằng sông Cửu Long như : « Trung dũng khí tiết, trọng nghĩa, khinh tài, chuộng đạo Phật, tin vào việc đồng bóng, kính trọng nữ thần, cả nể, hào phóng, hiếu khách... ». Đó là đức tính được bắt nguồn từ đức tính của người Việt gốc xa xưa : « nhịn miệng, thết khách đường xa, ấy là ta giúp chồng ta đi đường ». Khi có khách đến nhà thì trước hết gia chủ tiếp trầu cau, sau dâng cơm bánh, tiếp đãi trọng hậu. Do điều kiện tự nhiên, con người vùng đất này gắn bó với sông nước. Trong 10 người thì 9 người biết bơi lội, thạo chèo thuyền. Họ sớm đặt ra luật « đường thuỷ », khi tránh thuyền thì hò « bát ». Thuyền bè có duyên cớ gì thì hò

« cạy ». Tục mua bán trái cây cũng khá độc đáo : chục không chỉ là 10 mà có thể là 11, 12, 13... tuỳ từng nơi. Trước tết Đoan Ngọ mồng 5 tháng 5 - tết giết sâu bọ, cứ bán 10 quả thêm 1 quả. Sau tết, bán 10 quả thêm 3 quả.

Đây là một tác phẩm lớn chứa đựng nhiều tư liệu quý phong phú, đúng với tính chất một quyển địa chí. Tác giả viết tác phẩm bằng trí tuệ, bằng trái tim, bằng đôi mắt, vốn sống, tính cần cù, chất chiu tích luỹ được trong những chuyến đi công cán không biết mệt mỏi khắp các địa phương của đồng bằng sông Cửu Long. Bộ sách này là « chiếc cẩm nang » của các quan nhà Nguyễn khi được triều đình cử vào cai trị bất cứ một vùng nào ở Nam Bộ. Nó còn giúp các quan triều Nguyễn tham khảo nhiều tư liệu để biên soạn các bộ sách khác như *Đại Nam thực lục, Đại Nam thống nhất chí, Đại Nam liệt truyện*... Chính vì nội dung có tầm quan trọng về đất nước con người Nam Bộ như vậy nên khi thực dân Pháp chiếm Nam kỳ, họ đã cho dịch tác phẩm này sang tiếng Pháp để dùng vào việc củng cố chế độ thực dân và theo đó các quan cai trị người Pháp biết được một phần lịch sử, địa lý, phong tục của dân bản xứ.

Sau hai bộ địa phương chí nổi tiếng *Bắc thành địa dư chí* và *Gia Định thành thông chí*, còn xuất hiện khá nhiều sách địa chí của các tỉnh, phủ, huyện, xã khác. Điển hình như *Nghệ An ký, Hưng Hoá ký lược, Bắc Ninh tỉnh chí, Sơn*

Tây tỉnh chí, Nam Định tỉnh địa dư chí lược, Hoan Châu phong thổ chí, Thanh Hoá tỉnh chí, Quảng Nam tỉnh chí lược, Hoàn Long huyện chí (thuộc Hà Nội), *Can Lộc huyện phong thổ chí* (Hà Tĩnh), *Vĩnh Lộc huyện chí* (Thanh Hoá), *Cam Lộ phủ chí* (Quảng Trị), *Yên Hội thôn chí, Trà Lũ xã chí, Đông Ngạc xã chí, Quỳnh Đôi hương biên...*

Nghệ An ký của Bùi Dương Lịch được viết vào đầu thế kỷ XIX từ cuối đời Gia Long có hai phần địa lý, nhân vật được trình bày dưới ba mục lớn: thiên chí, địa chí, nhân chí theo quan niệm «Tam tài» của Nho gia.

Thiên chí nói về giới phận thiên văn, vị trí các sao trên bầu trời và khí hậu của Nghệ An.

Địa chí tức địa lý hình thể có năm mục : cương vực, địa lý, núi non, sông suối, cửa biển.

Nhân chí có phần đại cương nói về tâm tính, thể chất gồm ngữ âm, văn từ, bản tính, khí phách con người (khí chất) và về đời sống kinh tế địa phương (sinh lý). Phần nhân vật gồm các mục cổ đế (Việt Thường Thị, Mai Hắc Đế), văn nhân (143 người), võ nhân (32 người). ***Nghệ An ký*** là một bộ sách có giá trị nhiều mặt, nhất là về địa lý lịch sử. Tuy không tránh khỏi nhược điểm như tác giả có thiên hướng đi vào văn chương và lịch sử mà ít chú trọng mặt kinh tế và sinh hoạt của nhân dân, đây vẫn là bộ địa

phương chí có giá trị của nước ta. Sách được biên soạn công phu, tài liệu phong phú và đáng tin cậy.

Hưng hoá ký lược của Phạm Thận Duật gồm các mục: duyên cách, cương vực, dinh điền, thuế lệ, núi sông, đền chùa, thành trì, khí hậu, thổ sản, phong tục, tiếng nói, chữ viết và cuối cùng thuật đủ các chi tiết về thiên văn, địa lý, thực phẩm, thảo mộc, côn trùng... Một cuốn sách viết về vùng dân tộc ít người như vậy (Hưng Hoá là một vùng gồm Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Sơn La, Lai Châu, Hoà Bình, Yên Bái, Lào Cai ngày nay) thì thật là một nguồn tư liệu quý.

Cùng với các «tỉnh chí», các tài liệu « huyện chí », « xã chí », « thôn chí » được viết bằng chữ Hán đã góp phần bổ sung và làm phong phú thêm bộ sưu tập địa phương chí. Các huyện chí không biên soạn theo phương pháp thường thấy ở các tỉnh chí. Huyện chí không nặng về khảo cứu thư tịch mà chú ý trình bày sáng gọn, diễn tả trực tiếp, ghi lại những điều mắt thấy tai nghe, nghĩa là những tài liệu điều tra tại chỗ, rất có ích cho người nghiên cứu. Chẳng hạn về núi Đông Dương (một trong ba ngọn cao nhất thuộc dãy núi Hồng Lĩnh), tác giả ***Can Lộc huyện phong thổ chí*** ghi lại: trên núi có một cái hang, trong hang có ao nước rộng, nước không sâu nhưng trong và sạch, uống ngon. Phía ngoài có hai hòn đá mọc cao gần một trượng đứng đối nhau như hai cột cửa nanh. Nay trong hang còn di tích của người xưa.

Trong thời gian trước đây cũng xuất hiện một số làng, xã chí được biên soạn hoàn chỉnh (kiểu huyện chí) như: *Yên Hội thôn chí, Đông Ngạc xã chí, Quỳnh Đôi hương biên, Hà Đông Văn Hội thôn phong tục...* Xã chí khảo tả rất tỉ mỉ về địa lý, lịch sử, phong tục, con người và các mặt khác của làng quê. Giá trị của loại tài liệu này là ở chỗ chúng được coi như là tài liệu sơ thảo đầu tiên để tìm hiểu lịch sử làng, xã Việt Nam.

Chúng ta có thể dựa vào các ***hương ước*** để nghiên cứu các mối quan hệ kinh tế - văn hoá - xã hội, cách tổ chức làng xã Việt Nam trong thời gian trước đây. Hương ước là bản điều lệ riêng, là khoán ước của từng làng, xã. Về mặt xã hội, hương ước là văn bản mang tính giá trị pháp lý cao, là công cụ để điều chỉnh các mối quan hệ giữa các tổ chức và giai tầng xã hội trong cộng đồng làng. Mặc dầu không có tính chất pháp luật, nhưng tục ngữ Việt Nam có câu « phép vua thua lệ làng » có nghĩa là nhà nước muốn nắm và quản lý được các làng xã thì phải hiểu phong tục tập quán của làng xã. Về mặt văn hoá, hương ước thể hiện giá trị văn hoá làng, vì nó phản ánh các thành tố của văn hoá xã hội.

Mỗi làng có sắc thái, đặc thù văn hoá riêng «Trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ». Hương ước bao gồm các điều khoản trong đó quy định rõ

tổ chức và cơ cấu của hương hội (ban đại diện của làng xã), quyền hạn và nhiệm vụ của nó, thể lệ phân chia ruộng đất trong làng, các quy định ứng xử trong cộng đồng như việc tế lễ chung tổ chức vào dịp nào, chi phí nghi lễ ra sao, vấn đề trật tự trị an, khuyến học trong làng xã.

Một trong những bản hương ước xưa nhất còn được lưu giữ tại Thư viện Viện thông tin khoa học xã hội là bản của xã Mộ Trạch - Đường An (nay thuộc Bình Giang - Cẩm Bình) Hải Dương được viết vào năm 1666, gồm 30 điều. Bản hương ước này nêu rõ quan điểm về lệ làng : Quốc gia có đạo trị bình, thì làng phải cắt đặt kỷ cương, luyện cái thói thuần hậu, cần làm sáng tỏ mọi điều ước thúc, thể thức sao cho hợp lý lẽ. Hương ước Mộ Trạch chú trọng đến các lễ thức, lễ vật đối với những người học hành thi đỗ làm quan. Riêng họ Vũ ở Mộ Trạch không hẳn vì được mộ, được đất mà có phần chắc hấn hơn, do di truyền văn hoá, đã nổi danh làng tổ tiên tiến sĩ với hàng trăm tiến sĩ nối đời « Bảng vàng bia đá đề danh » như tiến sĩ - toán học gia Vũ Hữu, tiến sĩ - sử gia Vũ Quỳnh, trạng nguyên Vũ Huyên, trạng vật Vũ Phong.

Các địa phương chí (hương chí, xã chí, huyện chí, tỉnh chí...) mặc dầu có nhiều hạn chế do quan điểm Nho giáo và quý tộc phong kiến, nhưng cũng giúp ích rất nhiều khi chúng ta tiến hành sưu tầm và nghiên cứu văn hoá dân

gian từng vùng, từng làng. Các tài liệu địa chí cổ này còn được nhân dân lưu giữ ít nhiều, nên sẽ là đối tượng sưu tầm khi tiến hành công tác ở các địa phương. Tiến hành sưu tầm văn hoá dân gian từng làng bản sẽ góp phần xây dựng nên những bộ xã chí, địa phương chí toàn diện của nhân dân theo quan điểm mới hiện nay.

Một trong những nội dung quan trọng mà địa chí ghi chép và phản ánh là danh nhân địa phương. Độc giả địa chí thực sự có nhu cầu nghiên cứu và tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp của các danh nhân trong phạm vi toàn quốc và từng địa phương, cũng như vai trò của họ đối với sự phát triển xã hội. Do vậy nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn và giới thiệu tài liệu về danh nhân địa phương là một trong những hướng hoạt động của công tác địa chí văn hoá.

Trong lịch sử dân tộc, đặc biệt dưới thời Lê - Nguyễn xuất hiện nhiều tài liệu Hán - Nôm viết về nhân vật chí có giá trị. ***Đại Nam liệt truyện*** (tiền biên và chính biên do Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn là bộ nhân vật chí đồ sộ vào bậc nhất trong lịch sử thư tịch nước ta. Sách này chỉ ghi chép những nhân vật dưới thời Nguyễn (nếu thuộc giai đoạn chúa Nguyễn ở Đàng Trong thì ghi ở tiền biên; nếu thuộc giai đoạn sau khi Gia Long lên ngôi (1802) thì ghi ở chính biên).

Chúng ta có thể thu nhận được những tư liệu ghi chép

về các nhân vật địa phương thông qua ***thần tích và gia phả***. Thần tích có hai loại chính là thần tích về các nhiên thần và nhân thần. Nhân thần chính là những nhân vật có thật trong lịch sử nhưng càng lâu về sau thì cuộc đời và sự nghiệp của họ lại được thần linh hoá, thành ra họ có những đặc tính siêu nhiên. Các triều đại phong kiến có lệ phong phúc thần cho những người có hành động và sự nghiệp xuất chúng, có công với triều đình. Phong thần nghĩa là sau khi người ấy chết, nhà vua xét công trạng, ban một đạo sắc trong đó quy định nghi thức tế lễ vị thần đó (quốc tế, tỉnh tế, xã tế...). Mỗi triều đại, mỗi vị vua lên ngôi thường có những đợt phong thần, coi như sự tái xác nhận của chính quyền mới đối với công trạng của vị thần được phong. Cá biệt cũng có những vị thần bị vua bác đi không phong nữa, song đa số là phong tặng thêm danh hiệu hoặc có những người đời trước chưa được ban phong thì đời sau vua xét truy tặng. Từ đời Lý đã có quan ghi chép theo dõi việc phong thần, lập « thần bạ ». Vũ Quỳnh và Kiều Phú chính đã dựa vào những tài liệu đó mà biên soạn ra bộ *Lĩnh Nam chích quái* rất có tiếng trong lịch sử văn học, vì đó là một trong những tác phẩm xưa nhất ghi chép thần thoại Việt Nam. Thời Pháp thuộc, chính quyền thực dân giao trách nhiệm cho hương lý phải lập bản kê khai, ghi chép về sự tích các thần có thờ trong bản hạt. Các xã nhận được những câu hỏi điều tra để căn cứ vào đó mà gửi báo cáo

nói về những thần được thờ tại địa phương. Những bản ghi chép đó gọi là *thần tích*. Với một mức độ thấp hơn, bản *thần tích* chỉ sao chép y nguyên các đạo sắc phong thần lưu giữ ở các đền thờ gọi là *thần sắc*. Như vậy chúng ta thấy những tập *thần tích, thần sắc* cung cấp tư liệu và những nhân vật lịch sử đã từng được phong thần. Ví dụ tập *thần tích* đền thờ Chiêu Trưng đại vương ở núi Long Ngân (Hà Tĩnh) cho biết đại lược về hành trạng của Lê Khôi (người Thanh Hoá) đi đánh Chiêm Thành qua núi Nam Giới bị bệnh mất, sau được lập đền thờ và phong phúc thần ở đó.

Gia phả là loại tài liệu ghi chép về lịch sử của gia tộc. Nhìn chung người soạn gia phả cố gắng tối đa để có thể ghi được đến người sáng nghiệp xưa nhất thuộc trực hệ của gia tộc mình, trong đó đặc biệt chú ý nói kỹ về những người có sự nghiệp lớn, chức tước, học vị cao. Người soạn gia phả có xu hướng phổ biến là đề cao dòng họ mình, càng lâu đời về trước càng gán cho những chi tiết hoang đường để tăng thêm sự tôn kính. Dưới thời Lê - Nguyễn xuất hiện hàng loạt những gia phả điển hình nói về các dòng họ có những người xuất chúng như ***Văn Xá Lê tộc thế phả*** nói về dòng họ Lê Hữu Trác ở thôn Văn Xá nay thuộc huyện Mỹ Hào - Hưng Yên. ***Phan tộc công phả*** là gia phả chung các chi phái nhà họ Phan Huy Chú ở Sơn Tây. ***Hoan***

Châu Nghi Tiên Nguyễn gia thế phả là gia phả của họ nhà Nguyễn Du, tác giả Truyện Kiều. Do vậy, gia phả là một loại tài liệu tham khảo rất cần thiết đối với các nhà nghiên cứu lịch sử một nhân vật, một dòng họ ở địa phương, nhất là những dòng họ có tiếng. Trong lịch sử Việt Nam, dòng họ là một thành tố tạo nên văn hoá làng. Hiện nay ở nước ta đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo về các dòng họ như về dòng họ Vũ, dòng họ Trịnh, dòng họ Trần..., tổ chức các cuộc gặp mặt các dòng họ, thành lập câu lạc bộ dòng họ. Dòng họ có tác dụng giáo dục truyền thống văn hoá, nhất là truyền thống học hành thi cử, khoa bảng và bảo tồn di sản văn hoá dân tộc như các di tích, đền thờ dòng họ. Dân gian thường nói: muôn dân trăm họ, thần dân trăm họ.

2.4. ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ THỜI THUỘC PHÁP

2.4.1. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội

So với lịch sử 4000 năm của dân tộc, thời kỳ lịch sử này rất ngắn ngủi, nhưng nó là giai đoạn chứa đựng nhiều biến động căn bản về phương diện lịch sử, xã hội. Văn hoá Việt Nam vì thế có những đặc điểm khác biệt so với giai đoạn trước, dù nó là một giai đoạn không dài trong diễn trình văn hoá Việt Nam. Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam vào năm 1858. Triều đình nhà Nguyễn ở giai đoạn suy thoái, coi lợi ích giai cấp hơn lợi ích dân tộc, đã

chống đỡ một cách yếu ớt, hoà hoãn rồi đầu hàng, cắt dần đất nước ta dâng cho Pháp. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta do sĩ phu yêu nước lãnh đạo chống lại thực dân Pháp liên tiếp nổ ra song đều bị thất bại vì chưa có một đường lối đúng đắn. Sau khi chiếm được Việt Nam, thực dân Pháp thực hiện nhiều chính sách thâm độc tàn bạo về xã hội và văn hoá nhằm thống trị và bóc lột lâu dài nhân dân ta. Chúng chia nước ta thành ba xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và tuỳ theo đặc điểm mỗi xứ lại áp dụng những chính sách khác nhau. Thực dân Pháp vẫn duy trì tổ chức làng xã nhằm sử dụng bộ máy chính quyền phong kiến ở địa phương như một công cụ phục vụ cho chúng. Mưu đồ này thể hiện qua lời viên toàn quyền Pôn Đu me (Paul Doumer): Theo tôi, duy trì trọn vẹn, thậm chí tăng cường cách tổ chức cũ kỹ mà chúng ta đã thấy đó là một đặc điểm tốt. Theo cách tổ chức này thì mỗi làng sẽ là một nước cộng hoà bé nhỏ độc lập trong giới hạn những quyền lực địa phương. Đó là một tập thể được tổ chức rất chặt chẽ, rất có kỷ luật và rất có trách nhiệm với chính quyền cấp trên về những cá nhân thành viên của nó, những cá nhân mà chính quyền cấp trên không cần biết tới, điều đó rất thuận lợi cho công việc của chính quyền (41).

Thực dân Pháp đầu độc và ru ngủ nhân dân ta bằng rượu ty và thuốc phiện. Về văn hoá - giáo dục, người Pháp

vẫn dùng Nho học với chế độ thi cử lỗi thời nhằm lợi dụng Nho giáo để duy trì trật tự xã hội. Việc này kéo dài mãi đến đầu thế kỷ XX, ở Trung Kỳ năm 1918, ở Bắc Kỳ năm 1915 mới bãi bỏ chế độ thi cử bằng chữ Hán. Nếu như trong suốt hơn hai thế kỷ cho đến những năm 60 của thế kỷ XIX chữ quốc ngữ vẫn chỉ dùng trong nội bộ đạo Thiên chúa giáo, thì sau khi chiếm được Nam Kỳ, người Pháp đã khuyến khích học và phổ biến chữ quốc ngữ để biến nó là công cụ thuận lợi cho việc cai trị và đồng hoá văn hoá ở Việt Nam. Chữ Hán dần dần bị chữ quốc ngữ thay thế. Cùng với chữ quốc ngữ, tiếng Pháp được dùng trong nhà trường, trong giới trí thức và trong các công sở hành chính. Thực dân Pháp mở ra một số trường học, viện nghiên cứu nhằm đào tạo bộ máy quan lại phục vụ cho chính quyền thực dân như mở trường Hậu Bổ ở Hà Nội (1897), cải tổ Trường Quốc Tử Giám ở Huế, mở Trường Sư phạm sơ cấp ở Hà Nội, Viện Vi trùng học ở Sài Gòn (1891), Trường Viễn Đông Bác Cổ ở Hà Nội (1898) v.v... Thời kỳ này việc in ấn đổi mới, xuất hiện các loại giấy mới. Lần đầu tiên báo và tạp chí ra đời. Sách báo in từ nhiều nguồn khác nhau bằng chữ Hán, chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Nội dung của chúng rất đa dạng và phức tạp. Các tác giả - đứng trên những lập trường khác nhau nên phản ánh lịch sử, xã hội, văn hoá đất nước ta cũng rất khác nhau. Các chính sách về phương diện văn hoá - xã hội mà thực dân Pháp thực hiện

nhằm phục vụ cho mục đích cai trị và công cuộc khai thác thuộc địa của chính quốc.

Văn hoá trong giai đoạn 1858 - 1945 thể hiện rõ hai đặc trưng cơ bản :

1. Tiếp xúc, cưỡng bức và giao thoa văn hoá Việt - Pháp.

2. Giao lưu văn hoá tự nhiên giữa Việt Nam với thế giới phương Tây.

Qua tiếp xúc và giao lưu với văn hoá Phương Tây, văn hoá Việt Nam có sự sàng lọc để tiếp nhận những tinh tuý của văn hoá - văn minh Pháp và phương Tây để làm giầu cho văn hoá bản địa, nhằm tìm hiểu thêm kẻ thù, tiến tới đánh bại kẻ thù, giành lại độc lập dân tộc.

2.4.2. Các tài liệu tiêu biểu và nội dung của chúng

Thời kỳ này sách báo, tài liệu của người Pháp được xuất bản bằng tiếng Pháp là loại chính thống. Người Pháp chẳng những tìm hiểu, ghi chép chung về đất nước ta mà còn đi sâu nghiên cứu từng vùng, từng địa phương, từng dân tộc, từng ngành nhằm phục vụ cho mục đích xâm lược, cai trị và bóc lột của chúng. Theo sách *Địa chí văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh* ghi lại thì viên công sứ người Pháp là Ô đe đã chọn mảnh đất Nghệ An làm điểm sưu tầm Folklore trong đó có truyện kể dân gian, đã gửi hàng trăm

câu hỏi bất nhiều xã thôn khai báo (28). Qua bước đầu phát hiện, thu thập cho thấy khá nhiều tài liệu tiếng Pháp có thể giúp cho việc nghiên cứu văn hoá các địa phương. Những tài liệu này hiện đang lưu giữ ở Thư viện Quốc gia, Thư viện Viện thông tin khoa học xã hội, Viện sử học và một số thư viện chuyên ngành Trung ương. Ngoài sách còn có khá nhiều loại báo, tạp chí và các loại hình khác. Theo phạm vi đề cập, trong số tài liệu tiếng Pháp có loại ghi chép về các địa phương trong phạm vi toàn quốc, có loại viết về một khu vực, một đạo quan, có loại mang tính chất chuyên khảo (Monographie) hoặc ghi chép (notice), có loại là các báo cáo niên giám (annnuaie) hoặc các công văn khác của chính quyền thực dân Pháp. Những tài liệu tiếng Pháp này về cơ bản có phương pháp điều tra khảo sát tỉ mỉ, số liệu có tính chính xác cao giúp cho các nhà nghiên cứu nhiều tư liệu tốt. Nhưng điều cần lưu ý là tài liệu tiếng Pháp đều viết phục vụ mục đích của thực dân Pháp, nên hạn chế về tính tư tưởng hoặc thiếu bao quát, toàn diện.

Tài liệu địa chí thời Pháp thuộc cụ thể chia thành hai nhóm :

Nhóm thứ nhất là sách chuyên khảo (monographie) của các toà hành chính Pháp, các tài liệu của những tên thực dân như công sứ, tướng lĩnh, hoặc người Việt làm

quan lại các tỉnh như Thủ hiến, bố chánh, tổng đốc, tuần phủ viết theo yêu cầu của thực dân Pháp.

Nhóm thứ hai là tài liệu địa chí mang tính nghiên cứu của các nhà khoa học, các học giả người Pháp hoặc Việt như Nguyễn Văn Huyên, Ngô Vi Liễn, Phạm Xuân Độ, Nguyễn Văn Xuân... cuối thế kỷ XIX nửa đầu thế kỷ XX.

Một số tác giả là các công sứ, tướng lĩnh người Pháp đã có những công trình nghiên cứu về các tỉnh thuộc Bắc Kỳ. Học giả Bouchet, một mật thám lợi hại của phòng nhì (sau là công sứ Lạng Sơn và đốc lý Hải Phòng) đã đem những kết quả nghiên cứu về làng xã ở Bắc Ninh, Bắc Giang, về phong tục tập quán Việt Nam được biểu hiện cụ thể ở đây để phục vụ chính quyền thực dân trong việc đề ra các biện pháp để dập tắt cuộc khởi nghĩa Yên Thế. Tài liệu có tính chất chí hơn cả là cuốn ***Monographie de la province de Bắc Ninh*** *(Chuyên khảo về Bắc Ninh)* do viên công sứ Wintrebert biên soạn năm 1936, trong đó ghi chép về tỉnh Bắc Ninh, nội dung gồm 5 phần : lịch sử, tự nhiên, kinh tế, di tích lịch sử và hành chính. Tướng Pháp Ardant du Picq có công trình nghiên cứu ***Histoire d une citadelle Annamite Bắc Ninh (lịch sử Bắc Ninh - một tỉnh An Nam)*** (1935). Mặc dù việc nghiên cứu thành Bắc Ninh là để người Pháp « bảo vệ trật tự và trông nom các công việc, bảo vệ bình an trong các vùng đồng bằng Bắc Kỳ », nhưng

tác giả vẫn phải thừa nhận lịch sử và truyền thống lâu đời của dân tộc ta. Tác giả mô tả Bắc Ninh cũng là nơi của những kỳ diệu về thiên nhiên đẹp. Đó là thượng lưu sông Cầu, trước khi chuyển tải than Thái Nguyên và đi vào miền đồng bằng đã hát vang lên trong một thung lũng nhỏ và mát lành như con suối vùng Pi-rê-nê, núi non lởm chởm kỳ thú và những phong cảnh kỳ lạ của miền thượng du Bắc Kỳ. Kỳ diệu vì tất cả những truyền thuyết như trâu vàng từ một cái giếng chạy ra, trâu bạc biến vào ao giời, rùa thần có móng biến một chiếc nỏ thành vũ khí ghê gớm, anh hùng chém đôi ngựa đá, thần và rồng xuất hiện trên sông, tiên đánh cờ dưới bóng cây thông, hồ và lâu đài mê ly, núi có kho tiền, núi loé sáng trước mắt lữ khách và tắt dần dần khi lữ khách càng tới gần. Qua các thời đại, vẫn lưu giữ những huyền thoại về cuộc chiến đấu đã diễn ra, những vị anh hùng lập được những chiến công và vẫn ghi dấu ở các đền đài, lăng mộ, toà thành xuất hiện khắp nơi đây trên đất nước này (47).

Monographie de la province de Bắc Giang *(chuyên khảo về về tỉnh Bắc Giang)* của O. Quennec là tài liệu tỉnh chí giới thiệu một cách hệ thống nhiều mặt về tỉnh Bắc Giang như lịch sử, địa lý, kinh tế, văn hoá, giáo dục.

Năm 1901 khi làm phó sứ tỉnh Thái Bình, P.Paquier đã viết ***Các tỉnh Bắc Kỳ, tỉnh Thái Bình***, trong đó ghi

chép về địa chất, khí hậu, quá trình lịch sử, tài nguyên (nông nghiệp, công nghiệp, thương mại) và sử dụng tài nguyên (sông ngòi, cầu đập, đường xá), tư pháp, cảnh sát, giáo dục, y tế của tỉnh Thái Bình.

Theo chỉ thị của thống sứ Bắc Kỳ là Pagét, khi đang làm bố chánh tỉnh Thái Bình, Dương Thiệu Tường đã biên soạn ***Note sur la province de Thai Binh*** *(ghi chép về tỉnh Thái Bình)* (1933). Nội dung đề cập đến giới hạn và diện tích của tỉnh, tên các phủ, huyện, xã, làng, sông ngòi, đê điều, cầu cống, đường xá, nông nghiệp, thương mại, công nghiệp, y tế, giáo dục, các công trình lịch sử, danh nhân và dân ca, ngạn ngữ. Với các số liệu điều tra kỹ lưỡng về các phủ huyện, xã của Thái Bình, về diện tích trồng trọt, năng suất lúa, chợ búa, các nghề thủ công cổ truyền, số học sinh từ 1902 - 1930 (48).

Một tài liệu khác, ***Notice sur la province de Thái Bình*** *(ghi chép về tỉnh Thái Bình)* đề cập đến lịch sử của tỉnh trước khi người Pháp đến, sự thành lập tỉnh và phân chia các khu vực hành chính, các công sứ, phó sứ, quan lại đầu tỉnh, dân số và nhân chủng, tôn giáo, xã hội, kỹ nghệ và thương mại. Đặc biệt trong tài liệu này khắc hoạ lên tính cách con người Thái Bình trầm lặng mà sâu sắc, là xứ sở của yên bình, tĩnh mịch và thơ mộng. Thái Bình là mảnh đất đã sản sinh và nuôi dưỡng nên những

sĩ phu uyên bác, đầy tham vọng đã có nhiều đóng góp cho đất nước.

Ở Nam Bộ khi người Pháp đặt sự cai trị của mình lên vùng đất này sau khi công cuộc khai thác thuộc địa lần 1, lần 2, họ rất chú ý viết những chuyên khảo về từng tỉnh như: ***Monographie de la province de Can Tho*** *(chuyên khảo về tỉnh Cần Thơ),* Imp. L.Menard 1901; ***Monographie de la province de Tra Vinh*** *(chuyên khảo về tỉnh Trà Vinh),* Imp. L.Menard 1903; ***Monographie de la province de Ben Tre*** *(chuyên khảo về tỉnh Bến Tre),* Imp. L.Menard 1903... Đương nhiên những công trình ấy phục vụ cho mục đích cai trị và khai thác thuộc địa của họ. Nhưng những cuốn chuyên khảo của các toà hành chính tỉnh hay của các viên quan cai trị người Pháp có nhiều ghi chép về văn hoá dân gian, mà đến nay, vẫn thấy có giá trị về mặt tư liệu.

Sách địa chí viết về văn hoá xã hội như công trình của Pierre Gourou: ***Les paysans du delta Tonkinois, Etude de geographie humaine*** *(Người nông dân đồng bằng Bắc Bộ, khảo sát địa lý nhân văn) (1932)* đã ghi chép khá kỹ lưỡng về lịch sử, địa lý, các ngành nghề, nhân chủng, phong tục, văn hoá của các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ (49). Ngoài ra có thể coi ***« Hoà Bình Mương Province »*** *(Tỉnh Mường Hoà Bình)* là tài liệu có giá trị về văn hoá của Pierre Grossin. Địa danh này được phản ánh thông qua các

mục về địa chất, truyền thuyết, lịch sử, sử biên niên của tỉnh, nguồn gốc, tổ chức và quyền lực của quan lang, tài sản của quan lang, tục lệ và phong tục, sinh đẻ, sự kế tập trong nhà lang, đám cưới, đám tang, bệnh tật, các thứ ma, chuyện kể, đám cưới vua Thuỷ Tề, tự tử vì tình, hang, động, chùa, thắng cảnh. Trong phần kết luận, tác giả nhấn mạnh : để xây dựng tỉnh Hoà Bình thì phải biết yêu mến tỉnh Hoà Bình.

Năm 1926 Ngô Vi Liễn (1894 - 1945) cùng với Đỗ Đình Nghiêm và Phạm Văn Thư soạn ***Địa dư các tỉnh Bắc Kỳ***. Sau phần giới thiệu chung về địa hình, chính trị, kinh tế của Bắc Kỳ, công trình đi sâu ghi chép về từng địa phương bao gồm vị trí, diện tích, địa thế, khí hậu, diên cách và tỉnh lỵ, sản vật, cổ tích và thắng cảnh. Trong lời dẫn, tác giả đã phân tích rõ ràng tác dụng của sách địa chí đối với sự nhận thức và giáo dục cho mọi người : địa dư là một khoa học rất cần cho toàn thể quốc dân. Người nước nào phải biết địa dư nước ấy thì mới biết giang sơn cảnh thể nước mình đã trải qua bao phen gian nan khai phá mới có ngày nay, mới hiểu « non kia ai đắp mà cao, sông kia ai bới ai đào mà sâu ». Địa dư cần như vậy, mà dân ta còn lắm người chưa biết nước nhà hình thể ra sao, vị trí về đâu, sơn xuyên có những gì, dân cư đông hay vắng, diện tích to hay nhỏ, sản vật nghèo hay giầu, chính trị ra làm sao. Khi

nói chuyện hay đến một tỉnh nào, không hiểu tỉnh ấy ở về phương nào trong nước. Trông thấy mọi con sông hay ngọn núi trước mặt mà không biết sông ấy, núi ấy danh hiệu là gì. Điều khuyết điểm ấy do nhiều lý do, nhưng có lẽ là vì hiếm sách. Hiện nay chỉ có mấy quyển địa dư gồm cả Đông Pháp viết bằng Pháp văn, chưa có quyển nào viết bằng quốc văn và nói riêng về từng tỉnh. Thế thì địa dư học không thể nào cho phổ thông học được. Chúng tôi nghĩ như vậy nên mới gia công kê cứu soạn ra sách này, trong đó nói riêng về từng tỉnh đề là ***Địa dư các tỉnh Bắc Kỳ.***

Sách ***Địa dư các tỉnh Bắc Kỳ*** gồm 4 phần :

1- Xứ Bắc Kỳ chung: hình thể, chính trị, kinh tế (các sản vật).

2- Các tỉnh gồm 23 tỉnh theo thứ tự A, B, C.

3- Các đạo quan binh: Hải Ninh, Hà Giang, Cao Bằng, Lai Châu.

4- Các thành phố: Hà Nội, Hải Phòng.

Thành phố Hà Nội được ghi chép theo các mục: bản đồ lịch sử, vị trí và diện tích, dân cư, sông hồ, khí hậu, thương mại, kỹ nghệ, các công sở, các học đường, chính trị, đường giao thông, những lâu đài to trong thành phố, những thắng cảnh và cổ tích như Hồ Hoàn Kiếm, Hồ Tây, trại Bách thú, đền Bạch Mã, đền Quán Thánh v.v...

Ngô Vi Liễn còn biên soạn các sách địa chí như ***Địa dư huyện Cẩm Giàng*** (1931), ***Địa dư huyện Quỳnh Côi*** (1933), ***Địa dư huyện Bình Lục*** (1935) khi ông làm tri huyện các địa phương trên.

Cũng vào thời kỳ này đã xuất hiện những công trình đặc biệt có giá trị về văn hoá Việt Nam và về địa chí tỉnh Bắc Ninh của tác giả Nguyễn Văn Huyên. Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, Nguyễn Văn Huyên (1908 - 1975) có nhiều công trình nghiên cứu về văn hoá Việt Nam. Sau mười năm được đào tạo ở Pháp, cuối năm 1935, GS. Nguyễn Văn Huyên về nước, dạy học rồi làm việc ở Trường Viễn Đông bác cổ cho đến năm 1946. Các công trình của ông được viết và xuất bản bằng tiếng Pháp tập trung vào hai chủ đề tín ngưỡng và thiết chế xã hội Việt Nam. Năm 1995 - 1996, bản dịch tiếng Việt các công trình của ông được nhà xuất bản Khoa học xã hội công bố thành hai tập sách dày dặn, khổ lớn với tên gọi ***Góp phần nghiên cứu văn hoá Việt Nam.*** Một trong những công trình nghiên cứu có giá trị của ông là ***Địa lý hành chính Kinh Bắc*** *(Le Bắc Ninh (ou Kinh Bắc): Tableau de geographie administrative d'une ancienne province annamite)* đã phản ánh khá tỉ mỉ và công phu về sự thay đổi hành chính, diên cách, lịch sử của tỉnh Bắc Ninh trong một thời kỳ có nhiều biến đổi. liên quan cả đến các tỉnh xung quanh như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hải Dương (50).

2.5. ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN NAY

2.5.1. Giai đoạn từ 1945 - 1975

a) Hoàn cảnh lịch sử - xã hội

Cách mạng tháng Tám là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử nước ta, đem lại độc lập tự do cho dân tộc, giải phóng và thực hiện quyền làm chủ của con người. Ngay sau cách mạng tháng Tám thành công, nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến thần thánh suốt ba mươi năm chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Từ năm 1954 đất nước chia làm hai miền, cả nước cùng một lúc thực hiện hai nhiệm vụ cách mạng, miền Nam tiếp tục cuộc kháng chiến thần thánh chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai. Miền Bắc tiến hành cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chi viện cho cách mạng miền Nam, vừa đánh thắng chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ.

b) Các công trình địa chí tiêu biểu và nội dung của chúng

Trong chín năm kháng chiến chống thực din Pháp ở cả nước hầu như không tiến hành biên soạn và xuất bản các công trình địa chí. Sau hoà bình lập lại, ở miền Bắc do yêu cầu phát huy lòng yêu nước và truyền tlống kiên

cường bất khuất để cổ vũ khích lệ tinh thần chiến đấu, hi sinh của nhân dân ta nhằm phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nên các địa phương chủ yếu tiến hành biên soạn sách lịch sử, mà ít đặt vấn đề biên soạn địa chí. Có rất nhiều xã, huyện, tỉnh đã chú ý giới thiệu truyền thống của mình, song lại quan tâm đến lịch sử Đảng hoặc phong trào cách mạng. Năm 1960 Viện Sử học biên soạn công trình có tầm cỡ về ***Lịch sử Thủ đô Hà Nội***. Công trình này do GS. Trần Huy Liệu, viện trưởng làm chủ biên. Bắt đầu từ năm 1961 trong hội nghị khoa học do Viện Sử học tổ chức với chủ đề biên soạn lịch sử địa phương, GS. Nguyễn Đổng Chi đã trình bày tham luận "vấn đề viết xã chí trên toàn miền Bắc" và được hội nghị nhiệt liệt hưởng ứng. Sau đó chính giáo sư và nhiều cán bộ nghiên cứu đã phổ biến đề án viết xã chí rộng rãi ở nhiều tỉnh, thành phố. Trên thực tế, nhằm hiện thực hoá các quan sát và ý kiến riêng, ngay sau khoảng thời gian đưa ra chủ trương trên, ông đã cùng với Cao Huy Đỉnh và Đặng Nghiêm Vạn viết cuốn ***Phương pháp sưu tầm văn học dân gian ở nông thôn*** (4). Đây là một trong số ít những cuốn sách nêu lên định hướng chung lẫn cách thức khai thác, thu thập thông tin, cách xử lý đề tài, cách hệ thống hoá các nguồn tài liệu sao cho khách quan, khoa học, trong đó có nhiều kinh nghiệm riêng, những dẫn chứng sinh động và thực sự bổ ích cho những người mới bước vào nghề. Năm 1972 tỉnh Hoà Bình

xuất bản cuốn ***Góp phần tìm hiểu tỉnh Hoà Bình***, đề cập đến các nội dung như: duyên cách tỉnh Hoà Bình, thiên nhiên và các nguồn lợi thiên nhiên, sinh hoạt văn hoá truyền thống của Hoà Bình, chế độ nhà lang, truyền thống đấu tranh của các dân tộc tỉnh Hoà Bình. Năm 1974 ty Văn Hoá Vĩnh Phú xuất bản ***Địa chí tỉnh Vĩnh Phú*** do Nguyễn Xuân Lân biên soạn. Đây là cuốn địa chí mang tính khoa học phổ thông chủ yếu phục vụ cho độc giả phổ thông để tìm hiểu khái quát về vùng đất Tổ.

Ở miền Nam, thời chính quyền cũ có biên soạn một số địa chí tỉnh với mục đích cơ bản phục vụ cho việc quản lý địa phương. Mảng đề tài được quan tâm hơn cả vẫn là những ghi chép về các tỉnh Nam Bộ dưới dạng sách địa chí (xưa và nay, non nước Việt Nam) của các tác giả Huỳnh Minh, Nguyễn Duy Oanh, Nguyễn Thiệu Lâu, Phạm Long Điền, Sơn Nam, Vương Hồng Sển. Những ghi chép của các tác giả đều thể hiện tình cảm yêu mến quê hương xứ sở. Đặc biệt Huỳnh Minh là tác giả có tới 9 quyển sách dạng địa chí về 9 tỉnh cũ ở Nam Bộ. Dù rằng tác phẩm của ông chưa đạt độ sâu sắc, khoa học toàn diện, nhưng ít nhiều ông đã đặt những viên gạch đầu tiên cho việc tạo dựng địa chí ở các tỉnh Bạc Liêu, Cần Thơ, Định Tường, Vũng Tàu, Gia Định, Vĩnh Long, Gò Công, Sa Đéc, Kiến Hoà (chẳng hạn, ***Kiến Hoà xưa và nay,*** 1965; ***Định Tường***

xưa và nay, 1965; *Gò Công xưa và nay,* 1969...). Cũng ở đề tài này, cuốn ***Tỉnh Bến Tre trong lịch sử Việt Nam*** từ 1757 đến 1945 của Nguyễn Duy Oanh và ***Sài Gòn năm xưa*** của Vương Hồng Sển được viết cẩn thận, tư liệu xử lý rất kỹ càng. Nhưng có lẽ yêu cầu của công việc địa chí thường vượt quá khả năng và tầm bao quát của mỗi cá nhân đơn lẻ và hơn nữa người viết thường lại tuỳ hứng định hướng nội dung sách theo thế mạnh của riêng mình, nên dễ hoá thành phiến diện, thiên lệch. Trên cái nền chung của địa chí đã hình thành nhiều cách phác hoạ khác nhau. Trong ***Xứ trầm hương*** của Quách Tấn có nhiều chương nói về lịch sử, văn hoá, đền miếu, tôn giáo, món ăn, nhưng tác giả vẫn dè dặt phân định: *Xứ trầm hương* có tính cách một tập du ký hơn là biên khảo, nên bảo *Xứ trầm hương* không phải địa phương chí Khánh Hoà. Còn tác giả Huỳnh Minh, trong ***Sa Đéc xưa và nay***, mặc dù có chia đủ các phần: sử lược - địa lý, sinh hoạt đạo giáo, đình chùa, huyền thoại và giai thoại, song vẫn thấy chông chênh, chưa hẳn là một bộ địa chí văn hoá dân gian.

2.5.2. Giai đoạn từ 1975 đến nay

a) Hoàn cảnh lịch sử - xã hội

Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước có một nhiệm vụ chung là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1986, sau đại hội

Đảng toàn quốc lần thứ VI chúng ta tiến hành công cuộc đổi mới đất nước. Về kinh tế xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, phát triển nền kinh tế thị trường gồm nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Về chính trị xây dựng và củng cố hệ thống chính trị, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng nhà nước pháp quyền, nhà nước của dân, do dân và vì dân. Về văn hoá xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Thực hiện đa phương hoá, đa dạng hoá trong chính sách đối ngoại, mở cửa, giao lưu và hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế. Làm thế nào để có thể khai thác và phát huy hết tiềm năng, nội lực của đất nước cũng như từng vùng, từng địa phương. Mọi tài nguyên, đất đai, của cải vật chất và văn hoá của nhân dân đều không nằm ở một nơi, không chỉ ở trung ương, ở các địa điểm trung tâm như thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh mà tại các địa phương.

Hoạt động nghiên cứu, sưu tầm bảo quản, khai thác và biên soạn địa chí trở thành xu thế tất yếu, được đặt ra sôi động, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của thời kỳ xây dựng đất nước, phát triển văn hoá. Nó cung cấp thông tin, tạo cơ sở khoa học để hoạch định đường lối, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước. Hoạt động này đã trở thành một phong trào xã hội rộng lớn, sâu sắc với ba hình thức chủ

yếu là nhà nước, xã hội và nhà trường. Tổ chức nghiên cứu địa chí nhà nước là hình thức cơ bản nhất. Nhà nước quản lý đề tài, lực lượng nghiên cứu, cung cấp kinh phí, phương tiện kỹ thuật và kết quả nghiên cứu được nhà nước sử dụng. Hình thức này tập hợp các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học, các sở, ban ngành ở địa phương, các cơ quan văn hoá giáo dục ngoài nhà trường như thư viện, bảo tàng, nhà văn hoá, nhà xuất bản tỉnh, thành phố. Công tác địa chí là một trong những chức năng đặc biệt quan trọng của thư viện tỉnh, thành phố. Thực hiện chức năng này, các thư viện giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu như sưu tầm, bảo quản, khai thác, phổ biến các tài liệu địa chí và ấn phẩm địa phương đến độc giả. Các bảo tàng tiến hành sưu tầm, trưng bày hiện vật về địa phương, xây dựng bảo tàng khảo cứu địa phương, bảo tàng chuyên đề về danh nhân địa phương. Nhà văn hoá tỉnh, thành phố sưu tầm tư liệu về văn hoá nghệ thuật dân gian địa phương, tổ chức các lễ hội truyền thống, các cuộc thi đàn hát dân ca. Tổ chức xã hội tham gia nghiên cứu địa chí được tiến hành theo nguyên tắc tự nguyện, bao gồm các hội, câu lạc bộ với nhiều hình thức sinh động. Có tổ chức hội mang màu sắc chính trị, trực tiếp chịu sự lãnh đạo, quản lý của tổ chức Đảng, chính quyền địa phương như hội nông dân, thanh niên, phụ nữ. Có hội mang tính chất học thuật như hội văn học nghệ thuật, hội lịch sử, lại có hội mang tính

chất từ thiện như hội từ thiện tấm lòng vàng. Tổ chức nghiên cứu địa chí ở nhà trường nhằm giáo dục nâng cao sự hiểu biết của các em học sinh về địa phương với nhiều hình thức sinh động, phù hợp với lứa tuổi các em như đưa vào chương trình các môn học về địa lý, lịch sử, văn học địa phương. Tổ chức thăm quan danh lam, thắng cảnh, các cuộc thi tìm hiểu về địa phương, gặp gỡ những nhân vật nổi tiếng.

Các hoạt động nghiên cứu địa chí không chỉ có ý nghĩa trở lại cội nguồn, mà là tự khám phá mình trong quá trình phát triển, làm sống lại tiềm năng thiên nhiên, kinh tế, văn hoá, giá trị đạo đức nhân văn, nhất là những nét đẹp của văn hoá truyền thống từng địa phương nhằm phát huy tối đa nội lực của chính địa phương mình để hoà nhập với các địa phương, vùng, miền khác nhau của cả nước và thế giới. Xu thế này ngày càng mạnh hơn và là xu thế rất tích cực, tạo ra sự nghiên cứu sâu về từng vùng và sự hiểu biết toàn diện về địa phương. Đã đến lúc để quản lý điều hành đất nước thì nhất định phải có sự hiểu biết tổng thể cũng như về con người và văn hoá của họ ở từng địa phương.

b) Các tài liệu địa chí tiêu biểu và nội dung của chúng

Hoạt động biên soạn địa chí không chỉ các nhà khoa

học, nhà hoạt động văn hoá ở Trung ương mà còn có các nhà quản lý và nhiều người dân địa phương, các cán bộ về hưu, các cựu chiến binh quan tâm. Tại các tỉnh, thành phố thành lập ban chỉ đạo biên soạn sách địa chí do chủ tịch tỉnh hoặc trưởng ban Tuyên giáo tỉnh uỷ phụ trách, trong đó có sự tham gia trực tiếp của Sở Văn hoá - Thông tin, Sở Khoa học công nghệ và môi trường. Đây là thời kỳ bùng nổ của các địa phương chí, địa chí văn hoá làng xã, huyện, tỉnh, thành phố trên quy mô toàn quốc, nhưng lại rơi vào tình trạng mạnh nơi nào nơi ấy làm, không có và không cần một hình mẫu (model) thống nhất trong cả nước.

Kết quả của hoạt động này đã cho ra mắt độc giả hàng loạt các công trình địa chí tổng hợp hoặc chuyên ngành văn hoá được biên soạn công phu, có giá trị của các tỉnh, thành phố, huyện, làng, xã. Có thể dẫn ra các bộ địa chí tiêu biểu và bề thế như ***Địa chí Hà Bắc*** (1982), ***Địa chí Vĩnh Phú - văn hoá dân gian vùng đất Tổ*** (1986), ***Địa chí văn hoá thành phố Hồ Chí Minh*** (1987 - 1990), ***Địa chí văn hoá dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội*** (1991), ***Địa chí Bến Tre*** (1991), ***Địa chí văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh*** (1995), ***Địa chí Hậu Lộc*** (1997), ***Địa chí văn hoá huyện Quỳnh Lưu*** (1998), ***Địa chí Gia Lai*** (1999), ***Địa chí Lạng Sơn*** (1999), ***Địa chí Cao Bằng*** (2000), ***Địa chí Thanh Hoá*** (2000), ***Địa chí Vĩnh Phúc*** (2000), ***Địa chí***

Khánh Hoà (2003), ***Địa chí văn hoá dân gian Ninh Bình*** (2004), ***Địa chí Thừa Thiên Huế*** (2005), v.v... Một số thành phố lớn thuộc Trung ương đã và đang biên soạn bách khoa thư như ***Bách khoa thư địa danh Hải Phòng, Bách khoa thư Hà Nội.***

Mở đầu là ***Địa chí Hà Bắc*** dày 740 tr. khổ lớn, được biên soạn trong vòng bảy năm (tính từ hội nghị Địa chí Hà Bắc ngày 27-2-1976 đến ngày ra đời vào tháng 1-1983) do tập thể các nhà nghiên cứu ở Trung ương và địa phương phụ trách (48 tác giả và biên tập viên). Cuốn sách này đề cập đến nhiều mặt của địa phương: Tự nhiên và dân cư, kinh tế, lịch sử đấu tranh giữ nước và đấu tranh xã hội, văn hoá xã hội. Tư liệu dồi dào phong phú bao gồm cả truyền thống, hiện đại và phần hiện đại đã được chú ý đặc biệt. ***Địa chí Hà Bắc*** là một cuốn sách tốt, có nhiều tư liệu, rất đáng tham khảo. Hà Bắc đi tiên phong trong việc biên soạn địa chí tỉnh, thành phố, nhưng đó chưa phải là cuốn sách địa chí "mẫu" vì nó có nhược điểm cơ bản là thiếu một cái nhìn tổng thể rộng lớn của cả nước, vì cả nước, thiếu một cái nhìn địa chính trị (geopolitique) và địa chiến lược (geostrat'egique) và không định vị được thấu đáo Hà Bắc trong tổng thể Bắc Bộ, trong tổng thể Việt Nam. Trong ***Địa chí Hà Bắc*** cũng thiếu một cái nhìn từ thành phố rồng bay, Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, cái nhìn từ thủ đô của cả nước.

Cuốn địa chí thứ hai được đạt tên là ***Địa chí Vĩnh Phú - văn hoá dân gian vùng đất Tổ.*** Ở đây có lẽ địa phương đã quan niệm về một bộ địa chí Vĩnh Phú gồm nhiều tập, mà tập này đề cập riêng phần văn hoá dân gian. Cuốn sách khá dày dặn với 320 tr. khổ lớn, do một nhóm soạn giả 9 người biên soạn theo gợi ý của Viện Văn hoá dân gian và Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam. Do vậy, nội dung của sách, ngoài chương một đề cập đại cương về thiên nhiên và con người Vĩnh Phú, thì các chương sau chỉ ghi chép về tục ngữ, thơ ca dân gian, truyện kể, mỹ thuật, âm nhạc dân gian, trò diễn, hội làng và lễ thức trong sinh hoạt gia đình, xã hội.

Cho đến năm 1987 từ miền Nam, một bộ địa chí mới ra đời mang tên là ***Địa chí văn hoá thành phố Hồ Chí Minh.*** Ban chủ nhiệm công trình là các giáo sư, nhà nghiên cứu nổi tiếng: Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Công Bình, với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu về khoa học xã hội ở thành phố. Bộ sách gồm 4 tập, mỗi tập bao gồm nhiều bài nghiên cứu và tiểu luận (43).

Tập I gồm các bài nghiên cứu về lịch sử như tiền sử, sơ sử, địa lý lịch sử, lược sử chống Pháp và chống Mỹ ở thành phố Sài Gòn trước đây.

Tập II gồm các tiểu luận về văn học như văn học dân gian, văn học Hán Nôm, văn học chữ quốc ngữ trên đất Sài

Gòn thế kỷ XVII, XVIII, XIX, từ tiếng nói Sài Gòn đến tiếng nói thành phố Hồ Chí minh, văn học chữ quốc ngữ cuối thế kỷ XIX đầu XX, thơ văn yêu nước 30 năm cách mạng và kháng chiến (1945 - 1975).

Tập III gồm các tiểu luận về nghệ thuật trên địa bàn thành phố như hát bội, cải lương, kịch nói, điêu khắc, hội hoạ, kiến trúc, âm nhạc.

Tập IV gồm các bài nghiên cứu về đạo lý và ứng xử của người thành phố, về đấu tranh tư tưởng từ xưa tới nay, giao lưu văn hoá ở thành phố, tín ngưỡng, tôn giáo và chủ nghĩa vô thần, lịch sử giáo dục, Sài Gòn khoẻ, văn hoá vật chất, lễ nghi phong tục.

Các tác giả ***Địa chí văn hoá thành phố Hồ Chí Minh*** đã khái quát lịch sử truyền thống về nhiều mặt của thành phố, đóng góp thêm những sử liệu mới có giá trị, góp phần khẳng định những phẩm chất tốt đẹp, củng cố niềm tin cho mọi tầng lớp nhân dân tiếp tục sự nghiệp của lớp người đi trước. Tập sách này đã đáp ứng nhu cầu tìm hiểu văn hoá của cả nước cũng như nhân dân thành phố đối với mảnh đất Bến Nghé - Đồng Nai xưa, thành phố Hồ Chí Minh hôm nay.

Địa chí văn hoá dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội (1991) là một trong những công trình địa chí văn hoá có giá trị đề cập đến nhiều loại hình văn hoá dân gian

đặc sắc vùng Thăng Long - Hà Nội do GS. Đinh Gia Khánh chủ biên, bao gồm các chương: Đại cương về đất nước con người; ca dao, tục ngữ, truyện dân gian; ca múa nhạc dân gian; trò chơi, trò diễn dân gian; lễ thức và phong tục; kiến trúc và điêu khắc; các nghề thủ công mỹ nghệ dân gian; danh nhân văn hoá.

Nghiên cứu, tìm hiểu về vùng đất Nghệ Tĩnh là công việc đã được quan tâm từ lâu. Nhiều học giả ở các thế kỷ trước đây đã ghi chép về Hoan Châu, Nghệ An, Hà Tĩnh trong các bộ quốc chí. Ngoài ra còn có sách chuyên khảo về thiên nhiên, thổ địa, nhân vật trên vùng đất này như *Nghệ An ký* của Bùi Dương Lịch. Tính độc đáo của xứ Nghệ trong văn hoá Việt Nam là một điều rõ ràng và đã được thừa nhận. Nhưng khám phá, lý giải được nét độc đáo đó thì cần có nhiều công phu, phải đi sâu vào nhiều lĩnh vực, trong đó có văn hoá dân gian. Sách ***Địa chí văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh*** ra đời đã đáp ứng yêu cầu trên. Cuốn địa chí này được biên soạn khá công phu, do tập thể tác giả là những nhà khoa học am hiểu về vùng đất Nghệ Tĩnh tham gia, mà GS. Nguyễn Đổng Chi là chủ biên. Ngay trong lời nói đầu ông đã phân định rạch ròi: Hai tiếng "địa chí" quen thuộc, thường dùng để chỉ một loại công trình ghi chép miêu tả, nói khác đi là thông tin nhiều mặt của một địa phương hoặc rộng (như tỉnh chí) hoặc hẹp (như xã chí). Nó không phải là lịch sử mà cũng không hẳn là địa lý,

tuy rằng nó bao hàm ít nhiều nhiệm vụ địa lý lịch sử. Nhưng cái tên địa chí văn hoá dân gian thì rõ ràng là một loại sách có đối tượng cụ thể là folklore khoanh vùng trong một không gian nào đấy. Đối tượng dĩ nhiên là văn hoá nhưng không phải văn hoá chính thống, văn hoá cung đình mà là văn hoá dân gian. Chủ yếu nó là văn nghệ, là truyền thống, là quan niệm thẩm mỹ của quần chúng xuyên qua văn hoá dân gian của một địa phương (28).

Với quan niệm học thuật như trên, nội dung sách được chia thành bảy phần chính: Đất nước và con người Nghệ Tĩnh; tri thức dân gian; chuyện kể dân gian; thơ ca nhạc dân gian; trò chơi, múa, hội diễn và sân khấu dân gian; nghệ thuật và món ăn dân gian; phong tục tập quán dân gian. Đương nhiên, với đặc trưng nguyên hợp của văn hoá dân gian thì việc phân chia này chỉ có tính chất ước lệ, tương đối để nhận diện hoàn cảnh văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh mà thôi. Điều cơ bản và quan trọng nhất là bộ sách đã trình bày một cách đầy đủ, có hệ thống về toàn bộ diện mạo văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh.

Địa chí Bến Tre (xuất bản 1991, tái bản 2001 có sửa chữa và bổ sung) do một nhóm gồm 9 tác giả biên soạn, chủ biên là Thạch Phương - Đoàn Tứ (38). Đây là một công trình khoa học lớn, đúng như GS. Lê Trí Viễn nhận xét: Địa chí Bến Tre thực sự là một công trình có tầm cỡ

về Bến Tre. Có ý kiến cho nó là một Bách khoa từ điển về Bến Tre cũng có lý. Tri thức không đòi hỏi sâu, nhưng đủ những nét cơ bản, có lý giải, phần lớn là miêu tả, tập hợp và có sức hấp dẫn hơn là khám phá và phát hiện. Biên soạn cuốn sách này các tác giả đã sử dụng phương pháp lịch sử, nhưng chú trọng đến thư tịch cả trực tiếp lẫn gián tiếp, đồng thời tổ chức khảo sát thực địa một cách có bài bản, sưu tầm điền dã, tham khảo hồ sơ lưu trữ của tỉnh, của các thư viện, lục lại gia phả các họ tộc, có thống kê, so sánh đối chiếu và hệ thống hoá các nguồn tư liệu thu thập được trong dân gian, để làm cơ sở phân tích, lý giải, rút ra kết luận cần thiết cho việc biên soạn công trình. Các phần của cuốn sách đi từ thiên nhiên đến xã hội, chính trị, kinh tế, văn hoá. Riêng phần văn hoá chiếm một khối lượng đáng kể bao gồm các nội dung về văn học (văn học dân gian, văn học viết), nghệ thuật biểu diễn (dân ca, âm nhạc, hát bội, cải lương...), giáo dục, ăn - mặc - ở, phong tục tập quán, tôn giáo.

Tại hai tỉnh biên giới phía Bắc trong hai năm 1999 - 2000 đã cho ra mắt bạn đọc hai công trình địa chí tổng hợp đồ sộ là ***Địa chí Lạng Sơn và Địa chí Cao Bằng***. Sau 15 năm sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn, cuốn ***Địa chí Lạng Sơn*** được xuất bản. Đây là công trình của tập thể các tác giả thuộc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

do GS. Viện sĩ Nguyễn Duy Quý chủ trì. Tham gia vào công trình này còn có các cán bộ chủ chốt các ban ngành tỉnh Lạng Sơn. ***Địa chí Lạng Sơn*** đã phác thảo diện mạo của mảnh đất, con người xứ Lạng xưa và nay. Với quan điểm lịch sử và cách nhìn biện chứng, với phương pháp luận khoa học, cuốn sách thực sự là nguồn tư liệu qúy có giá trị khảo cứu, lưu giữ truyền thống và những tinh hoa văn hoá của nhân dân các dân tộc Lạng Sơn.

Nội dung địa chí Lạng Sơn gồm 5 phần chính ghi chép về địa lý, lịch sử và con người, kinh tế, văn hoá - xã hội, các huyện thị. Phần văn hoá - xã hội đề cập đến đời sống vật chất và tinh thần của các dân tộc anh em sống trên xứ Lạng; giới thiệu đời sống tín ngưỡng, lễ hội, phong tục tập quán; văn học, nghệ thuật, y tế, giáo dục, thể dục thể thao của tỉnh, các danh lam, thắng cảnh nổi tiếng của Lạng Sơn - những di tích lịch sử và văn hoá đã trở thành niềm tự hào của nhân dân Lạng Sơn và là điểm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

Riêng hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hoá đã biên soạn được nhiều địa chí cấp huyện trong toàn quốc, tiêu biểu như ***Địa chí văn hoá huyện Quỳnh Lưu, Địa chí huyện Tương Dương, Địa chí thành phố Thanh Hoá, Địa chí huyện Hậu Lộc, Địa chí huyện Thọ Xuân***... Quảng Bình và Thanh Hoá cũng là hai tỉnh biên soạn được nhiều địa chí

văn hoá làng, xã. Chẳng hạn, ***Văn hoá truyền thống xã Định Tường huyện Yên Định*** (1983), ***Khảo sát văn hoá truyền thống Quỳ Chữ*** (1985), ***Mường Ca Da*** (1985) thuộc dân tộc Thái ở Huyện Quan Hoá. ***Mường Đả*** (1986) thuộc dân tộc Mường ở huyện Thạch Thành (Thanh Hoá). Tỉnh Quảng Bình có tác giả Nguyễn Tú sinh năm 1920 tại xã Bảo Ninh, thị xã Đồng Hới đã biên soạn nhiều địa chí về làng xã như: ***Địa chi Bảo Ninh*** (1986), ***Địa chí xã Thanh Trạch*** (1995), ***Địa chí làng Thuận Bài*** (1996), ***Địa chí làng Cổ Hiền v.v...***

Hoạt động nghiên cứu và biên soạn sách địa chí trong thời gian qua được ghi nhận là sự kiện văn hoá - khoa học của các địa phương. Nó có tác dụng trước hết đối với độc giả là nhân dân địa phương, vì đã cung cấp những thông tin tổng thể về địa phương, giúp họ nhận thức, tự hào và thêm yêu mến quê hương. Đối với cán bộ đang công tác tại các lĩnh vực khác nhau tại địa phương thì đó là nguồn tư liệu chính xác, là công cụ tra cứu tin cậy cho hoạt động thực tiễn của mình. Sách địa chí còn cung cấp những kiến thức tổng quát về địa phương giúp các trường phổ thông bổ sung cho chương trình dạy và học các môn địa lý, lịch sử, văn hoá để học sinh thêm yêu mến quê hương, đất nước. Đối với độc giả ngoài tỉnh, kể cả người nước ngoài, sách địa chí là phương tiện giao lưu văn hoá, khoa học, đáp ứng nhu cầu giao tiếp giữa các địa phương và quốc tế.

CHƯƠNG 3

BỔ SUNG, BẢO QUẢN, KHAI THÁC, BIÊN SOẠN ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ

3.1. BỔ SUNG, BẢO QUẢN VỐN ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ

3.1. Bổ sung vốn địa chí văn hoá

Công việc đầu tiên là tập hợp kho dữ liệu về các công trình, tạo thành một bộ sưu tập nhằm làm rõ những đặc điểm của địa phương về tự nhiên, kinh tế, lịch sử, văn hoá - xã hội, là cơ sở để bổ sung vốn địa chí văi hoá của các địa phương.

Cán bộ làm công tác bổ sung tài liệu địi chí cần nghiên cứu và vận dụng các quy luật có ảnh hưởig đến bổ sung tài liệu như quy luật phân tán thông tin, quy luật gia tăng tài liệu, quy luật lỗi thời tài liệu.

Trong xu hướng phát triển nguồn tài liệu ngày càng tăng như hiện nay, thông tin cũng vì thế mà bịphân tán trong không gian trên một phạm vi rộng. Nhà khoa học Anh là Breafirt phát hiện ra tài liệu hàm chứa thông tin được chia thành ba cấp độ:

- Tài liệu hạt nhân là tài liệu có chứa 100% thông tin về một vấn đề nào đó, chiếm 1/3 tổng số tài liệu.

- Tài liệu giáp ranh là tài liệu có hàm lượng thông tin đáng kể, chiếm 1/3 tổng số tài liệu.

- Tài liệu khác là tài liệu có hàm lượng thông tin thấp, chiếm 1/3 tổng số tài liệu.

Vì vậy, khi bổ sung tài liệu địa chí, cần phải ưu tiên các tài liệu mang tính hạt nhân trong vốn tài liệu địa chí của mỗi địa phương.

Tài liệu địa chí chịu ảnh hưởng của quy luật gia tăng tài liệu. Số lượng xuất bản phẩm được xuất bản ngày càng phong phú đòi hỏi người làm công tác bổ sung, phát triển vốn tài liệu địa chí vừa phải tính toán chọn lọc, vừa phải tìm ở nhiều loại hình để phát hiện những tài liệu địa chí cần thiết. Tài liệu nói chung gia tăng theo hàm số mũ. Vì thế, nhà khoa học Mỹ Rei-đơ sau thời gian khảo sát đã đưa ra công thức để tính độ gia tăng tài liệu:

$V_{(t)} = V_0 \times e^{r(t-to)}$ (Trong đó V = vốn tài liệu; V_t = vốn tài liệu ở thời điểm tới; V_0 = vốn ban đầu; e = cơ số lô ga; r = tốc độ phát triển trung bình hàng năm).

Quy luật lỗi thời tài liệu vận động cho ta thấy, tài liệu được xuất bản ra bị lỗi thời rất nhanh. Theo nhà khoa học Becton và Keple (Mỹ), tài liệu ngành vật lý lỗi thời sau

4,6 năm. Tài liệu sinh vật lỗi thời sau 7,2 năm. Tài liệu toán học lỗi thời sau 10,2 năm. Tài liệu địa chí thuộc nhóm tài liệu về khoa học xã hội và nhân văn, không tuân theo quy luật này mà ngược lại, tài liệu địa chí được biên soạn trước đây càng gần với sự vật, hiện tượng xảy ra trong quá khứ ở địa phương càng có giá trị lịch sử cao. Cán bộ bổ sung cần không ngừng tìm tài liệu địa chí hồi cố để làm giàu thêm vốn địa chí của mình.

Đồng thời, cần xác định các loại hình bổ sung như bổ sung thường kỳ và bổ sung hồi cố. Đối với bổ sung thường kỳ có thể khai thác từ nguồn nộp lưu chiểu ấn phẩm địa phương, mua, trao đổi, tặng biếu v.v... nhằm xây dựng được bộ sưu tập tài liệu địa chí và xuất bản phẩm địa phương đầy đủ nhất. Theo luật xuất bản quy định, các tài liệu do các cơ quan ban ngành, nhà xuất bản ở địa phương xuất bản, được coi là ấn phẩm địa phương phải nộp vào các Sở Văn hoá - thông tin. Phòng quản lý văn hoá trực tiếp nhận và kiểm duyệt. Phòng này có nhiệm vụ chuyển cho các thư viện tỉnh, thành phố để bảo quản và lưu giữ lâu dài. Có thể thông qua con đường trao đổi, tặng biếu từ các tác giả như nhà văn, nhà thơ, nhà nghiên cứu có các sáng tác liên quan đến địa phương để tập hợp tài liệu địa chí hoặc đặt mua tài liệu tại các nhà xuất bản ở trung ương.

Bổ sung hồi cố được tiến hành theo các bước như

phát hiện tài liệu địa chí được lưu giữ ở đâu, tại chính địa phương hay ở các kho lưu trữ của cơ quan trung ương hay địa phương khác. Tài liệu địa chí ở địa phương thường được lưu giữ tại các ban ngành của tỉnh, hoặc trong nhân dân như các tủ sách gia đình, dòng họ, đình, chùa, miếu v.v... Có thể khai thác tài liệu địa chí ở các cơ quan lưu trữ trung ương (Thư viện Quốc gia, Cục lưu trữ nhà nước, các thư viện chuyên ngành thuộc viện nghiên cứu, trường đại học). Thậm chí thu thập thông tin về tài liệu địa chí Việt Nam từ một số thư viện nước ngoài như Pháp, Trung Quốc. Sau đó tiến hành lập danh mục tài liệu, trực tiếp tiếp cận tài liệu địa chí gốc và lập kế hoạch sao chụp, dịch thuật dần để bổ sung cho kho địa chí của địa phương. Thực hiện được các bước này phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện cụ thể của từng địa phương như đội ngũ cán bộ chuyên môn, kinh phí và cần tổ chức tốt mạng lưới cộng tác viên trong xây dựng vốn địa chí văn hoá.

3.1.2. Bảo quản vốn địa chí văn hoá

Tài liệu địa chí văn hoá là một trong những sản phẩm văn hoá, là di sản văn hoá thành văn của địa phương, phản ánh trình độ văn minh, văn hoá của dân tộc nói chung, của địa phương nói riêng. Do vậy, việc thu thập và bảo quản di sản văn hoá thành văn, thư tịch cổ trong hoạt động địa chí là góp phần bảo tồn di sản văn hoá của địa phương, của

dân tộc. Cần tổ chức một cách khoa học và bảo quản tốt bộ sưu tập địa chí đã được xây dựng để phục vụ sử dụng trước mắt và lâu dài. Bổ sung vốn tài liệu và công tác bảo quản có mối quan hệ mật thiết với nhau. Bổ sung vốn tài liệu có chất lượng là điều kiện cơ bản đối với công tác nghiên cứu địa chí, nhưng trong quá trình sử dụng và lưu giữ khâu bảo quản không tốt thì nguồn tư liệu mà ta tốn bao công sức xây dựng sẽ hao hụt dần không thể đáp ứng yêu cầu phục vụ nghiên cứu địa phương. Do vậy, xây dựng phải đi đôi với bảo quản tài liệu. Bộ sưu tập địa chí văn hoá được bảo quản tại các thư viện tỉnh, thành phố - một trong những thiết chế văn hoá tiêu biểu tại địa phương. Đối với các thư viện tỉnh, thành có diện tích kho rộng rãi và các trang thiết bị cần thiết, có biên chế cán bộ và số lượng tư liệu địa chí phong phú thì tổ chức thành kho địa chí riêng. Ưu thế của cách tổ chức này là tập trung tư liệu địa chí về một chỗ, chủ động tích cực phục vụ người đọc, vừa giúp cán bộ địa chí nắm được nội dung tư liệu, phát hiện các tư liệu không mang giá trị cần thanh lọc. Đồng thời bổ sung kịp thời những tư liệu quan trọng theo nhu cầu của bạn đọc nghiên cứu mà không có trong kho. Nguồn tư liệu địa chí sưu tầm được thuộc nhiều loại hình, được ghi chép trên những vật liệu khác nhau. Đặc biệt đối với nguồn tư liệu địa chí cổ do thời gian biên soạn đã lâu, có loại chép tay, sao chụp, loại chất lượng giấy không tốt. Do vậy nguồn tư liệu này

cần có biện pháp bảo quản chu đáo. Nguyên nhân dẫn đến hư hỏng tài liệu trước hết do tác động bên trong của bản thân vật liệu mang tin là lượng a xít chứa trong giấy. Yếu tố thứ hai là tác động môi trường bên ngoài như nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, ô nhiễm không khí và các tác nhân sinh học (nấm mốc, côn trùng và loại gặm nhấm...). Ngoài ra, lửa và nước cũng là nguy cơ lớn đối với tư liệu. Những nguyên nhân trên làm cho tư liệu rách nát, hư hỏng, bị ố vàng, mốc, độ bền dai yếu dần đến giòn mục. Các tư liệu bị nước thấm hay dính lại với nhau, nhiều hình ảnh quý không còn. Để khắc phục tình trạng này cần tuân thủ theo những quy định như có phòng riêng bảo quản những tư liệu địa chí quý hiếm theo đúng quy cách và tiêu chuẩn. Kho tư liệu cần trang bị máy điều hoà nhiệt độ, máy hút ẩm, hút bụi giữ nhiệt độ phù hợp và các loại thuốc để khử côn trùng gây hại. Những tư liệu hư hỏng hoặc có nguy cơ hư hỏng phải được đầu tư kinh phí để phục chế như in, sao chụp lại. Bảo quản nội dung tư liệu bằng cách chuyển sang các vật mang tin khác như Microfim, Microfiche, hoặc lâu dài sang đĩa CD - ROM. Hiện nay các địa phương đã đầu tư phương tiện kỹ thuật số hoá để lưu giữ bảo quản một số loại hình tài liệu địa chí đặc biệt. Tư liệu địa chí thu thập được là nguồn quý giá phục vụ nghiên cứu địa phương, nên cần được lưu giữ bảo quản lâu dài. Việc lưu giữ này thể hiện ở hai khía cạnh: lưu giữ hiện vật và lưu giữ nội dung

của hiện vật. Lưu giữ hiện vật là lưu giữ chính tư liệu thu thập được. Công nghệ thông tin chỉ có thể giúp tư lưu giữ hình ảnh của tư liệu gốc. Lưu giữ nội dung là lưu giữ những thông tin mà tư liệu gốc chứa đựng nhằm phục vụ người sử dụng khai thác. Với kỹ thuật quét và nhận dạng hiện nay, tất cả các tư liệu thành văn đều có thể chuyển dạng thành tư liệu điện tử một cách dễ dàng. Thư viện tỉnh, thành phố đã chuyển dạng tư liệu, văn bản địa chí thành tư liệu toàn văn, tư liệu số hoá. Các tư liệu phi ấn phẩm có tương lai bảo quản khó khăn được quét lưu giữ như văn bia, thần sắc, thần tích, gia phả, tộc phả cho đến các tư liệu âm thanh, hình ảnh như dân ca, hò vè, văn chương truyền miệng, lễ hội dân gian truyền thống. Nội dung tư liệu lưu giữ trên CD - ROM thay thế cho tư liệu gốc góp phần bảo vệ tư liệu gốc, đồng thời sử dụng dưới dạng điện tử sẽ dễ dàng tra cứu tự động hoá.

Việc phòng cháy chữa cháy để bảo quản vốn địa chí phải bảo đảm các biện pháp tối ưu. Thường xuyên trong kho địa chí phải trang bị phương tiện cứu hoả hiện đại. Cán bộ phụ trách kho tư liệu cần nâng cao ý thức trách nhiệm, thường xuyên giữ gìn kho sách sạch sẽ, kiểm tra, phát hiện kịp thời những hiện tượng làm hư hỏng tư liệu, có biện pháp xử lý, giáo dục cho bạn đọc ý thức bảo quản tài sản chung.

3.2. KHAI THÁC ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ

3.2.1. Nhiệm vụ khai thác

Quán triệt các quan điểm của Đảng về văn hoá trong giai đoạn hiện nay, khai thác địa chí văn hoá nhằm thực hiện hai nhiệm vụ chủ yếu do yêu cầu của thực tiễn xây dựng văn hoá ở nước ta là kiểm kê, phân loại, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, xây dựng, sáng tạo nền văn hoá mới.

a) Kiểm kê, phân loại di sản văn hoá

Muốn xây dựng và phát triển đất nước thì công việc đầu tiên là tiến hành kiểm kê tài sản chung của cả nước trong đó có các di sản văn hoá. Địa chí văn hoá có nhiệm vụ điều tra, ghi chép và kiểm kê các loại di sản văn hoá vật thể như các di tích đình, đền, chùa, miếu thờ, lăng tẩm, các kiến trúc khác, các danh lam thắng cảnh, các di sản văn hoá phi vật thể thuộc các thể loại văn học nghệ thuật dân gian, lễ hội truyền thống, trò chơi dân gian, các làng nghề thủ công truyền thống, y học cổ truyền, văn hoá ẩm thực, danh nhân văn hoá. Trước khi biên soạn địa chí văn hoá, các nhà nghiên cứu tiến hành điều tra điền dã, sưu tầm tư liệu, thu thập thông tin để nắm được các số liệu về các loại hình văn hoá cũng như sự phân bố của chúng ở từng địa bàn cụ thể (làng, xã huyện, tỉnh, vùng miền...). Trên cơ sở kiểm kê các loại hình di sản văn hoá chúng ta mới có thể đánh giá được

giá trị của chúng về các mặt văn hoá, lịch sử, kiến trúc, thẩm mỹ. Căn cứ vào giá trị của di sản văn hoi, các nhà chuyên môn sẽ tiến hành phân loại, loại nào cần loại trừ, loại nào cần giữ lại, loại nào cần cải biến nâng cao cho phù hợp với thời đại mới, loại nào cần ưu tiên đầu tư bảo tồn trước, loại nào sau. Đồng thời soạn thảo văn bản đề nghị các cấp có thẩm quyền xét duyệt công nhận di sản văn hoá. Với những di sản có giá trị đặc biệt sẽ được nhà nước đề nghị UNESCO coi là di sản văn hoá thế giới hoặc Bộ Văn hoá - thông tin, các Sở Văn hoá - thông tin tỉnh, thành phố xếp hạng công nhận di sản văn hoá của quốc gia, địa phương. Loại di sản nào được nhà nước công nhìn thì nhà nước đầu tư bảo quản và khai thác, loại nào chưa được xếp hạng thì nhân dân công nhận và trực tiếp bảo quản, khai thác. Theo báo cáo gần đây nhất ở Việt Nam có khoảng hơn 4 vạn di tích lịch sử văn hoá, trong số đó có 2561 li tích lịch sử văn hoá đã được Bộ Văn hoá - thông tin xếp hạng. Từ năm 1997, thực hiện chương trình có mục tiêu về điều tra, sưu tầm, nghiên cứu vốn văn hoá phi vật thể của ngành văn hoá - thông tin đã tạo điều kiện thuận lợi để các đề tài về văn hoá phi vật thể được triển khai rộng khắp ở các tỉnh, thành phố. Thông qua kết quả thực hiện các đề ài, ngành văn hoá đã tập hợp được một lượng lớn tư liệu vì văn hoá phi vật thể. Chúng ta đang tổ chức bảo quản và ừng bước lưu giữ những tư liệu này vào đĩa CD - ROM, tiến tới thành

lập ngân hàng dữ liệu về di sản văn hoá Việt Nam. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn tồn tại những khó khăn nhất định khi tiến hành điều tra, kiểm kê và văn bản hoá các di sản văn hoá. Tại các địa phương công tác này triển khai chưa đồng bộ, việc phân cấp quản lý di sản chưa quy định cụ thể trách nhiệm và quyền hạn cho từng cấp chính quyền từ Trung ương đến tỉnh, thành phố, quận huyện, xã phường. Nhiều di sản văn hoá vật thể bị xuống cấp, môi trường cảnh quan xung quanh di tích bị xâm phạm, biến di tích thành phế tích. Nhiều di sản văn hoá phi vật thể bị mai một, vì văn hoá phi vật thể chủ yếu được lưu giữ bằng trí nhớ con người, mà con người lưu giữ nó ngày một già đi. Theo thống kê, riêng ở Hà Nội, tính đến nay có 1744 di tích lịch sử văn hoá, trong số này di tích bị xuống cấp là 975, di tích bị vi phạm là 296, số phế tích là 170 (30). Do vậy cần làm cho các cấp ngành và mọi người dân thấy được trách nhiệm của mình đối với việc giữ gìn và phát huy di sản văn hoá.

b) Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá

Trước hết, đối với di sản văn hoá vật thể như các di tích lịch sử văn hoá được xếp hạng đã bị xuống cấp phải trùng tu, hoặc di tích mà nay chỉ còn là phế tích cần xây dựng, phục chế lại thì địa chí văn hoá có nhiệm vụ cung cấp những thông tin trong đó ghi chép, mô tả trực tiếp lại lịch sử, nội dung, diện mạo của di tích như nó đã tồn tại trong quá khứ, những hồ sơ, ảnh chụp, bản vẽ thiết kế về di tích

để phục vụ cho công tác bảo tồn. Người cán bộ bảo tồn khai thác những thông tin có trong địa chí văn hoá kết hợp với điều tra thực địa để xây dựng đề án tôn tạo di tích và triển khai những công việc tiếp theo. Một trong những nội dung chủ yếu của thành phố Hà Nội hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội là tiến hành tu bổ, tôn tạo lại các phố cổ, các di tích trong khu thành cổ Hà Nội. Nhiều tài liệu địa chí có giá trị được biên soạn trước đây bằng chữ Hán - Nôm, Pháp văn, những ảnh chụp cùng bản đồ thành phố về Hà Nội xưa qua các thời kỳ đang được lưu giữ tại thư viện Hà Nội, nay có thể khai thác phục vụ cho công việc quan trọng này. Địa chí còn cung cấp tư liệu để thiết kế, kiến trúc các kiểu nhà cửa, cơ sở hạ tầng cầu cống, đường sá phù hợp với đặc điểm riêng về tự nhiên, lịch sử, văn hoá của từng địa phương.

Địa chí văn hoá có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá phi vật thể tại địa phương. Một điểm mới so với các văn bản pháp quy cũ, mà luật di sản văn hoá được Quốc hội khoá IX thông qua là đưa vào "di sản văn hoá phi vật thể". Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm có giá trị lịch sử, văn hoá khoa học thuộc mọi lĩnh vực sáng tạo tinh thần, được lưu giữ chủ yếu bằng trí nhớ và được lưu truyền chủ yếu bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn. Như vậy không chỉ những di sản văn hoá vật thể (đình, chùa, đền, miếu..), mà cả

những di sản phi vật thể (lễ hội, các nghệ thuật biểu diễn, tri thức dân gian...) cũng được đặt dưới sự bảo vệ của luật pháp Nhà nước. Đây là một tiến bộ trong quan niệm về di sản văn hoá. Mọi hiện tượng văn hoá suy cho cùng cũng đều có phần vật thể và phi vật thể, chúng là hai mặt của một thể thống nhất, mặt này tồn tại không thể thiếu mặt kia. Hơn nữa, điều khoản này hoàn toàn phù hợp với tinh thần nghị quyết hội nghị lần thứ 5 BCHTƯ Đảng khoá VIII nói về chính sách bảo tồn, phát huy di sản văn hoá dân tộc, hướng vào cả văn hoá vật thể và phi vật thể. Các yếu tố của văn hóa phi vật thể được Nhà nước khuyến khích bảo tồn và phát huy bao gồm tiếng nói, chữ viết, các loại hình văn học nghệ thuật, các nghề thủ công truyền thống, lễ hội truyền thống, những thuần phong mỹ tục trong nếp sống, lối sống của dân tộc, những kinh nghiệm, bài thuốc cổ truyền dân tộc, đặc sản văn hoá ẩm thực và các tri thức văn hoá dân gian khác. Trong điều kiện xã hội công nghiệp hoá, hiện đại hoá, khi các giá trị văn hoá phi vật thể đang bị mai một, việc bảo tồn các hiện tượng văn hoá cổ truyền nói chung, trong đó có văn hoá phi vật thể cần được quan tâm hàng đầu. Có nhiều cách bảo tồn, nhưng chung quy có hai hướng chủ yếu:

Thứ nhất, bảo tồn trong trạng thái "tĩnh" là tiến hành điều tra, sưu tầm, thu thập các dạng thức văn hoá phi vật thể như nó hiện có theo một quy trình khoa học nghiêm

túc, ghi chép chúng trong sách vở, mô tả trong các băng hình (video), băng tiếng (audio), ảnh (photo album). Tất cả các hiện tượng văn hoá phi vật thể này có thể lưu giữ trong kho sách của các thư viện ở trung ương và địa phương. Đó là "phiên bản" để sau này có căn cứ mà nghiên cứu, phục hồi các hiện tượng đã bị mai một.

Thứ hai, bảo tồn trong trạng thái "động" là bảo tồn các hiện tượng văn hoá phi vật thể đó ngay trong đời sống cộng đồng. Cộng đồng chính là môi trường không chỉ sản sinh ra các hiện tượng văn hoá phi vật thể mà còn là nơi tốt nhất bảo tồn, làm giầu thêm và phát huy nó trong đời sống xã hội. Do vậy, để bảo tồn chúng trong đời sống cộng đồng, chúng ta phải đưa nó trở lại với nhân dân, "xã hội hoá nó". Địa chí văn hoá phục vụ đắc lực cho hướng bảo tồn thứ nhất - bảo tồn trong trạng thái "tĩnh".

Trước hết việc **bảo tồn chữ viết, ngôn ngữ của các dân tộc,** cần phải tuân thủ nguyên tắc song ngữ, tức ngôn ngữ mẹ đẻ của chủ thể sáng tạo ra các hiện tượng văn hoá và ngôn ngữ phổ thông. Tài liệu địa chí hiện nay cần được biên soạn và xuất bản bằng hai ngôn ngữ: tiếng phổ thông và tiếng dân tộc của chính tộc người chủ yếu sống ở địa phương đó. Với tài liệu địa chí trước đây viết bằng tiếng dân tộc cần sớm được dịch ra tiếng phổ thông để giới thiệu, phổ biến tới người đọc.

Địa chí văn hoá còn góp phần **bảo tồn và phát huy các loại hình văn học - nghệ thuật dân gian.** Nền văn hoá nước ta là nền văn hoá thống nhất trong đa dạng. Mỗi vùng, địa phương lại có di sản văn học - nghệ thuật dân gian rất độc đáo. Bảo tồn và phát huy giá trị của chúng là nhiệm vụ quan trọng của ngành văn hoá - thông tin hiện nay, trong đó có vai trò của địa chí văn hoá. Trước hết các nhà địa chí cần tiến hành nghiên cứu, ghi chép lại các loại hình văn học, nghệ thuật ở địa phương như tục ngữ, ca dao, truyền thuyết, ca múa, nhạc dân gian. Có thể ghi chép dưới hình thức văn bản hoá hoặc quay băng, ghi hình các buổi biểu diễn nghệ thuật, các buổi truyền nghề của các nghệ nhân, nghệ sỹ dân gian để làm tư liệu bảo tồn lâu dài. Nếu họ không truyền nghề hoặc chúng ta không tạo điều kiện truyền nghề, kéo dài tuổi đời và tay nghề của họ thì thế hệ sau không còn gì để tiếp nhận. Khai thác giá trị từ địa chí văn hoá, ngành văn hoá tại các địa phương tổ chức các cuộc thi đàn, hát dân ca, hội diễn nghệ thuật quần chúng, mở lớp tập huấn, giảng dạy ca nhạc cổ truyền, tổ chức ngày hội văn hoá các dân tộc nhằm phổ biến các loại hình văn học - nghệ thuật dân gian, cấy và nhân rộng trong quần chúng, tạo điều kiện để nhiều người, nhất là thế hệ trẻ biết, thuộc, nhớ, nhận thức được cái hay, cái đẹp của các loại hình văn học - nghệ thuật dân gian đặc sắc của địa phương mình, kế thừa và phát huy trong xây dựng nền văn hoá mới.

Trong điều kiện mở cửa và giao lưu quốc tế, sự phát triển nhanh chóng các phương tiện thông tin đại chúng như hiện nay, người dân càng có cơ hội làm quen và tiếp nhận với văn hoá các nước thì vấn đề bảo tồn, khai thic và phát huy các loại hình văn học - nghệ thuật đặc sắc của từng vùng, địa phương nhằm giữ gìn bản sắc dân tộ lại càng đặt ra cấp thiết, cần được các cấp các ngành từ tung ương đến địa phương quan tâm.

Địa chí văn hoá trong bảo tồn lễ hội truyền thống. Địa chí văn hoá là di sản văn hoá thành văn, là tập trung trí tuệ của văn hoá viết, văn hoá ngôn từ của địa phương, của từng vùng đất, thì lễ hội truyền thống là hời điểm mạnh của sinh hoạt cộng đồng. Lễ hội bao giờ cũng gắn với các di tích và các loại hình tôn giáo tín ngưỡng. Trong lễ hội truyền thống thường có các sinh hoạt văn ıoá mang tính chất đại chúng nhằm thoả mãn nhu cầu của ıhiều loại công chúng khác nhau. Hình thức và nội dung ıoạt động trong lễ hội mang tính chất tổng hợp. Lễ hội thường bao giờ cũng có hai phần là phần lễ và phần hội. Plần lễ thể hiện sự tôn kính, tình cảm của người đi hội với các vị thần đang thờ phụng, còn phần hội gồm các hoạt độngvăn nghệ thể thao, biểu diễn thi tài. Người dự hội vừa được hưởng thụ vừa có vai trò sáng tạo. Họ là người đi xemhội, đồng thời là người trực tiếp tham gia trò diễn.

Ở nước ta, vốn xưa kia mỗi làng, mỗi vùngxuất phát

từ việc thờ các vị thành hoàng khác nhau "trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ" nên mỗi làng, mỗi vùng tổ chức lễ hội mang những sắc thái riêng theo kiểu: Bơi Đăm, rước Giá, hội Thầy; vui thì vui vậy, chẳng tầy rã La. Từ những năm 60 - 80 của thế kỷ XX lễ hội truyền thống bị cấm đoán, bây giờ lại bung ra, khó lòng quản lý nổi. Do lâu không mở hội, nhiều người không còn nhớ các tục lệ cổ xưa, hơn nữa lại nặng đầu óc ganh đua, học đòi cách tân, nên có xu hướng làng nào, vùng nào mở hội cũng giống nhau, các nghi thức tế lễ, trò chơi, dễ gây cảm giác nhàm chán, làm mất đi nét độc đáo của mỗi làng, mỗi vùng. Nếu cứ theo chiều hướng ấy, sắc thái văn hoá địa phương có nguy cơ bị san bằng. Muốn cho lễ hội có sức cuốn hút mạnh mẽ, mỗi làng nên cố gắng phục hồi và bảo tồn những sắc thái độc đáo của lễ hội làng mình, đó chính là cái thần, cái hồn của làng đó. Bằng những nét độc đáo của riêng mình đóng góp vào sự phong phú, đa dạng chung của văn hoá Việt Nam. Địa chí văn hoá ghi chép và bảo lưu được những sắc thái riêng, những tích, trò của lễ hội truyền thống ở từng vùng, địa phương từ các vị thần thờ phụng, đến quá trình tổ chức lễ hội, các tục hèm, các trò chơi dân gian. Các nhà quản lý văn hoá muốn tổ chức lễ hội có sức cuốn hút đối với người dự hội cần quan tâm nghiên cứu, tham khảo, khai thác thông tin từ loại tài liệu đặc biệt này.

3.2.2. Đối tượng khai thác

a) Phục vụ cán bộ lãnh đạo, quản lý

Lãnh đạo quản lý vừa là một khoa học vừa là một nghệ thuật. Là một khoa học vì nó phải tuân theo các quy trình công nghệ nhất định, phải hiểu được đối tượng quản lý, hiểu được môi trường quản lý. Sản phẩm của lãnh đạo quản lý là các quyết định và thực hiện các quyết định. Muốn có quyết định đúng phải nắm được các thông tin địa chí. Là một nghệ thuật vì phải quản lý trực tiếp con người, con người là một thế giới riêng, có nhu cầu riêng phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, phong tục tập quán của từng vùng đất. Đối với cán bộ làm công tác lãnh đạo, quản lý của Đảng và nhà nước ở các cấp, các ngành của địa phương, hoạt động thông tin địa chí cung cấp cho họ những thông tin kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của địa phương như tài nguyên thiên nhiên, địa lý khí hậu, đặc điểm kinh tế - xã hội, lịch sử - văn hoá để họ có đủ cơ sở xây dựng phương hướng, lập kế hoạch phát triển địa phương, đưa ra những quyết định đúng đắn, kịp thời cho việc quản lý lãnh đạo và tổ chức xã hội ở địa phương. Thông tin địa chí là cơ sở quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng quyết định của cán bộ lãnh đạo, quản lý các ấp, các ngành ở địa phương.

b) Phục vụ cán bộ nghiên cứu khoa học

Hoạt động thông tin địa chí cung cấp cho cán bộ

nghiên cứu những thông tin về địa phương liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu, giúp họ giải quyết nhanh chóng những vấn đề thiết thực của địa phương, rút ngắn thời gian từ nghiên cứu đến triển khai, ứng dụng. Hoạt động địa chí là một bộ phận quan trọng của nghiên cứu khoa học về địa phương. Các nhà nghiên cứu ở bất cứ đâu, trong bất cứ lĩnh vực nào, công việc đầu tiên, quan trọng là phải sưu tầm, thu thập tài liệu và thông tin đầy đủ, kịp thời những tài liệu về địa phương sẽ giúp các nhà nghiên cứu địa phương rút ngắn được thời gian sưu tầm tài liệu, nắm được tình hình, hiện trạng nghiên cứu về địa phương, từ đó lựa chọn được những đề tài nghiên cứu phù hợp, thiết thực với địa phương, tránh được hiện tượng trùng lặp của các công trình nghiên cứu và đẩy nhanh việc áp dụng những thành tựu nghiên cứu khoa học kỹ thuật vào đời sống. Địa chí văn hoá là công cụ thiết thực đối với các nhà nghiên cứu văn hoá. Nó không chỉ giúp họ để trích dẫn, chứng minh mà còn góp phần làm sáng tỏ lập luận, khơi gợi, phát hiện, khám phá những góc cạnh, vấn đề còn tiềm ẩn trong các sự kiện. Mọi công trình nghiên cứu hôm nay đều có sự tiếp thu, kế thừa của các công trình đi trước, nhưng không dừng ở đó, mà cần phải được bổ sung hoàn chỉnh thêm, sửa chữa sai lầm nếu có, đồng thời nêu ra những nhận xét mới về nội dung và phương pháp luận. Muốn làm được điều đó, cần phải tiếp cận với nhiều tư liệu từ các nguồn khác nhau, mà phần lớn có thể tìm thấy trong các bộ sưu tập địa chí.

c) Phục vụ sáng tác văn hoá nghệ thuật

Đối với văn nghệ sỹ như nhà văn, nhà thơ, nhạc sỹ, biên đạo múa, tác giả kịch bản sân khấu, điện ảnh, hoạ sỹ, kiến trúc sư, phóng viên, biên tập viên các chương trình phát thanh truyền hình văn hoá du lịch... thì địa chí văn hoá cung cấp những tư liệu, nội dung đề tài, nguồn cảm hứng cho họ sáng tác. Thông qua những câu ca dao, bài hát dân ca, trường ca, truyền thuyết, những điệu múa dân gian, những sáng tác dân gian về hội hoạ, điêu khắc được ghi chép trong địa chí văn hoá sẽ là chất liệu quý giá, là ý tưởng tốt đẹp để các văn nghệ sỹ sáng tạo những tác phẩm có giá trị. Nghệ thuật sân khấu truyền thống nước ta chủ yếu dựa vào sử thi, truyền thuyết, các sáng tác dân gian từng vùng. Có thể dẫn ra hàng loạt các bài hát rất hay được công chúng yêu thích âm nhạc mến mộ mà tiết tấu và lời của nó dựa trên chất liệu dân ca của các địa phương, các vùng. Chẳng hạn như các bài *Tiếng hò trên đất Nghệ An* (Tân Huyền), *Tiếng hát sông Lam* (Đinh Quang Hợp), *Người đi xây hồ kẻ gỗ* (Nguyễn Văn Tý) v.v... đều sử dụng chất liệu dân ca Nghệ Tĩnh.

d) Phục vụ tuyên truyền, phổ biến kiến thức địa phương chí, giáo dục lòng yêu quê hương đất nước.

Chủ thể khai thác địa chí văn hoá phục vụ nhu cầu tìm hiểu và nâng cao kiến thức vê địa phương cũng như lĩnh vực

văn hoá thường là những độc giả phổ thông, một trong những đối tượng khai thác chủ yếu của địa chí văn hoá. Đó là những người trực tiếp sản xuất, làm dịch vụ, viên chức, sinh viên, thanh niên, học sinh, khách thăm quan du lịch. Địa chí là công cụ để tìm hiểu và giáo dục kiến thức về địa phương, bồi dưỡng lòng yêu quê hương, đất nước. Địa chí văn hoá cung cấp cho người dân những hiểu biết tổng thể về quê hương mình, giúp họ nắm được "cội nguồn", tổ tiên, cha ông thông qua gia phả các dòng họ, nhất là những dòng họ khoa bảng tại các làng, xã. Nhóm độc giả này khai thác từ địa chí những kiến thức về môi trường, đất, nước, cây trồng, vật nuôi, các ngành nghề thủ công truyền thống, các thuần phong mỹ tục của con người nơi họ sinh sống. Đối với độc giả trẻ tuổi thường có xu hướng tâm lý chung là hướng về tương lai thì địa chí giáo dục tình yêu quê hương, đất nước cho giới trẻ. Tình yêu nước được bắt nguồn từ tình cảm đối với những gì gần gũi nhất, từ cộng đồng nhỏ như gia đình, làng bản, khu phố.

3.2.3. Công cụ khai thác

Để khai thác tài liệu địa chí có hiệu quả, cần tổ chức tốt bộ máy tra cứu địa chí bao gồm hai bộ phận chủ yếu là hệ thống tra cứu thủ công và tra cứu hiện đại.

a) Hệ thống tra cứu thủ công

Mục lục địa chí là phần quan trọng nhất của hệ thống

tra cứu thủ công về tài liệu địa chí. Mục lục địa chí phản ánh đầy đủ tất cả những tài liệu viết về địa phương có trong kho địa chí của thư viện tỉnh, thành phố hoặc phản ánh cả những tài liệu không có trong thư viện. Loại mục lục này gọi là mục lục địa chí liên hợp. Trong mục lục địa chí cung cấp thông tin về sách, những bài báo, tạp chí, tranh ảnh, bản đồ, bản vẽ tập bài hát, các tài liệu nghe nhìn về địa phương. Do vậy, qua mục lục địa chí có thể nắm được nội dung, thành phần vốn tài liệu địa chí. Mục lục địa chí được tổ chức theo các hình thức: Mục lục phân loại, mục lục chữ cái, mục lục chủ đề. Hộp phiếu tra cứu về địa phương là hình thức tra cứu hỗ trợ, bổ sung cho mục lục địa chí, mở rộng khả năng tìm kiếm thông tin về địa phương của bạn đọc theo những chủ đề khác nhau, những khía cạnh khác nhau. Hộp phiếu tra cứu về địa phương rất phong phú và đa dạng như hộp phiếu tài liệu địa chí mới, hộp phiếu giới thiệu tổng quát về địa phương, hộp phiếu địa chí theo chuyên đề, hộp phiếu nhân vật địa phương, hộp phiếu tra cứu các vùng địa lý của địa phương, hộp phiếu sự kiện địa phương, hộp phiếu các xuất bản phẩm địa phương.

***b) Hệ thống tra cứu hiện đại gồm* cơ sở dữ liệu địa phương, trang web về địa phương** (31).

Cơ sở dữ liệu địa chí là hình thức lưu trữ thông tin mới về địa phương, là kết quả của quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác địa chí. Để bảo quản lâu dài

và khai thác các tài liệu địa chí cần sớm mã hoá các tài liệu địa chí văn hoá, xây dựng kho địa chí điện tử nhằm tạo điều kiện phục vụ việc tra cứu thông tin tài liệu địa chí nhanh chóng hơn.

Cơ sở dữ liệu địa chí được xây dựng tại thư viện tỉnh, thành phố không chỉ giúp cho thư viện làm tốt việc quản lý thông tin về địa phương mà còn là điểm khởi đầu cho tiến trình khai thác, tích hợp, chia sẻ và phát triển tiềm lực thông tin về địa phương theo nhiều mức độ khác nhau: Tỉnh, vùng, quốc gia, khu vực và quốc tế. Đối với bạn đọc, cơ sở dữ liệu địa chí không chỉ giúp họ tra cứu thông tin nhanh chóng hơn, chính xác hơn, đa dạng và rộng lớn hơn mà còn giải quyết những hạn chế của các thư viện và trung tâm thông tin như địa điểm (xa người đọc), giờ giấc mở cửa (không phù hợp). Cơ sở dữ liệu địa chí bao gồm cơ sở dữ liệu thư mục địa chí, cơ sở dữ liệu, dữ kiện về địa phương, cơ sở dữ liệu nhân vật địa phương, cơ sở dữ liệu toàn văn, trang web địa chí.

Cơ sở dữ liệu thư mục địa chí là cơ sở dữ liệu thông tin về những tài liệu địa chí. Với cơ sở dữ liệu này, bạn đọc nhận được thông tin về hình thức và nội dung của tài liệu địa chí. Cơ sở dữ liệu thư mục địa chí có hai loại là cơ sở dữ liệu phản ánh vốn tài liệu địa chí của thư viện (mục lục địa chí đọc máy) và cơ sở dữ liệu thư mục phản ánh tài liệu địa chí theo từng đề tài nhất định, nhằm những mục đích nhất

định và cho đối tượng bạn đọc nhất định. Ở nước ta, một số thư viện tỉnh, thành phố như thư viện Hà Nội chia cơ sở dữ liệu thư mục địa chí theo loại hình tài liệu: CSDL sách địa chí, CSDL bài trích báo và tạp chí.

Cơ sở dữ liệu, dữ kiện về địa phương cung cấp trực tiếp những thông tin về địa phương như các số liệu thống kê về dân số, diện tích, thu nhập, các sự kiện lịch sử, kinh tế, văn hoá..., tiểu sử các nhân vật địa phương, đặc điểm các danh lam thắng cảnh. Qua cơ sở dữ liệu này, bạn đọc có thể thu thập được thông tin cần thiết về địa phương không cần đến tài liệu gốc.

Cơ sở dữ liệu nhân vật địa phương là cơ sở dữ liệu cung cấp trực tiếp những thông tin về các nhân vật của địa phương như thông tin về tiểu sử nhân vật (tên họ, năm sinh, năm mất, gia đình, dòng họ, cá tính, tư tưởng, phong cách...), thông tin về hoạt động của nhân vật trong các lĩnh vực khác nhau (hoạt động xã hội, hoạt động chính trị, hoạt động kinh tế, hoạt động văn hoá khoa học...), thông tin về sự nghiệp của nhân vật (phát minh, sáng chế, tác phẩm..). Cơ sở dữ liệu nhân vật địa phương là một hình thức mới của từ điển danh nhân địa phương và cũng chính là cơ sở dữ liệu, dữ kiện. Loại cơ sở dữ liệu này giúp bạn đọc nghiên cứu, tìm hiểu một cách đầy đủ về các nhân vật nổi tiếng, các danh nhân địa phương. Đây là một trong những hình thức tuyên truyền về con người địa phương. Tại các thư viện tỉnh,

thành phố như thư viện Hà Nội, thư viện Nam Định đã xây dựng được loại cơ sở dữ liệu nhân vật địa phương.

Cơ sở dữ liệu toàn văn địa chí cung cấp các thông tin gốc về toàn bộ văn bản của tài liệu địa chí điện tử hay tài liệu địa chí đọc máy. So với các loại cơ sở dữ liệu địa chí khác thì loại cơ sở dữ liệu này ít đòi hỏi sự gia công, chế biến của cán bộ chuyên môn. Sự xuất hiện loại cơ sở dữ liệu toàn văn địa chí đã đem lại nhiều lợi ích cho cả bạn đọc lẫn cán bộ thư viện. Bạn đọc sử dụng vốn tài liệu địa chí của thư viện một cách dễ dàng, nhanh chóng. Cán bộ chuyên môn giảm nhẹ công việc phục vụ và dịch vụ mượn tài liệu giữa các thư viện sẽ thực hiện dễ dàng hơn. Tuy nhiên hiện nay để tạo lập loại cơ sở dữ liệu này, các thư viện tỉnh thường sử dụng phương pháp đánh máy toàn bộ văn bản tài liệu địa chí trên máy tính và lưu lại vào các file văn bản. Phương pháp thủ công này quá công phu, tốn rất nhiều thời gian và tốc độ chuyển dạng tài liệu địa chí rất chậm. Đồng thời, việc làm này còn vi phạm bản quyền tài liệu cho dù là để bảo quản tài liệu địa chí quý hiếm hay để phục vụ bạn đọc.

Trang web địa chí là sản phẩm thông tin mới của các thư viện tỉnh, thành phố. Nó giúp bạn đọc mở rộng khả năng tìm kiếm thông tin về địa phương và có thể truy cập dễ dàng đến các cơ sở dữ liệu địa chí, các vùng thông tin địa chí cần thiết khác. Trang web địa chí là một dạng kho tài

liệu địa chí được tổ chức lưu giữ và khai thác trên hệ thống máy tính. Loại cơ sở dữ liệu này cung cấp thông tin một cách toàn diện về mọi mặt của địa phương. Chẳng hạn như trang web **Non nước Phú Yên** gồm 2 phần:

- Phần thông tin trực tiếp về Phú yên xây dựng theo hướng chuyên sâu, được tổ chức thành 13 chủ đề: Tổng quát về Phú Yên, lịch sử, tài nguyên thiên nhiên, kinh tế, thông tin khoa học kỹ thuật, quản lý xã hội, bảo hiểm, giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, nhân vật chí, địa danh Phú Yên.

- Phần cơ sở dữ liệu thư mục nối kết với mục lục địa chí đọc máy để giới thiệu về tài liệu địa chí.

Website về địa chí Lâm Đồng có 12 chủ đề: Lịch sử phát triển và hình thành Đà Lạt - Lâm Đồng từ 1893 - 2000, truyền thống cách mạng nhân dân Đà Lạt - Lâm Đồng, Đà Lạt 105 năm hình thành và phát triển, kiến trúc Đà Lạt, thiên nhiên Đà Lạt, con người Đà Lạt, di tích khảo cổ, các di tích danh lam thắng cảnh, thơ văn về Đà Lạt - Lâm Đồng, tác giả - tác phẩm ; nghệ thuật, định hướng xây dựng và phát triển Đà Lạt đến năm 2010, những dự án đầu tư xây dựng trọng điểm đến năm 2010.

Loại cơ sở dữ liệu này hiện nay đang được nhiều địa phương quan tâm xây dựng, là sản phẩm thông tin sinh động, hấp dẫn đối với bạn đọc, đặc biệt là lớp bạn đọc trẻ ở địa phương.

3.2.4. Hình thức khai thác

a) Phục vụ tra cứu địa chí

Tra cứu là hình thức hỏi - đáp, hỏi - trả lời về tài liệu địa chí hay chủ đề liên quan đến địa phương. Phục vụ tra cứu trả lời các câu hỏi khác nhau về địa phương của các cơ quan, đoàn thể, tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài địa phương; giải đáp mọi thắc mắc của bạn đọc trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu về địa phương cũng như trong việc giải quyết những vấn đề lịch sử, kinh tế, văn hoá, khoa học của địa phương.

b) Phục vụ thông tin, tuyên truyền giới thiệu tài liệu địa chí

Triển lãm tài liệu là một trong những hình thức tuyên truyền trực quan và là dịch vụ mang tính chất truyền thống của thư viện và các thiết chế văn hoá tại địa phương.

Triển lãm tài liệu tuy đòi hỏi một số điều kiện cơ sở vật chất, nhân sự nhưng ít cần đến sự gia công của cán bộ địa chí mà lại giúp bạn đọc theo dõi thường xuyên, nhanh chóng, dễ dàng tình hình xuất bản hoặc tình hình bổ sung tài liệu của thư viện. Triển lãm giúp bạn đọc tiếp xúc trực tiếp với tài liệu để có thể chọn được những tài liệu chính xác, phù hợp với nhu cầu của mình. Hơn nữa hình thức triển lãm tài liệu có thể hình thành nhu cầu mới, hứng thú mới về tài liệu; từ đó những thông tin về sử dụng tài liệu mà thư viện

thu thập được có hiệu quả hơn. Có thể phân loại triển lãm theo thời gian triển lãm tài liệu (triển lãm định kỳ, không định kỳ). Dựa vào nội dung tài liệu triển lãm (triển lãm tài liệu tổng hợp, triển lãm tài liệu theo chuyên ngành, chuyên đề). Dựa vào địa điểm tổ chức triển lãm tài liệu (triển lãm tài liệu cố định, triển lãm tài liệu lưu động).

Biên soạn và xuất bản các ấn phẩm thông tin địa chí. Ấn phẩm thông tin địa chí là kết quả xử lý, phân tích, tổng hợp nguồn tài liệu địa chí, phục vụ nhu cầu thông tin về địa phương của bạn đọc. Dựa theo hình thức xử lý thông tin, có ấn phẩm thông tin địa chí như thư mục địa chí là ấn phẩm thông tin truyền thống của các thư viện địa phương. Loại thư mục này có thể được biên soạn và xuất bản dưới nhiều dạng khác nhau như thư mục tài liệu địa chí mới, thư mục địa chí tổng quát, thư mục địa chí chuyên ngành, chuyên đề, thư mục nhân vật địa phương. Thư mục tài liệu địa chí mới là thư mục phản ánh những tài liệu địa chí mới xuất bản hoặc mới nhập vào thư viện. Loại thư mục này thường được biên soạn và xuất bản định kỳ. Định kỳ dài hay ngắn (1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm../lần) tuỳ thuộc vào tình hình bổ sung tài liệu địa chí và tuỳ thuộc vào điều kiện của thư viện. Tuy nhiên định kỳ càng ngắn thì giá trị thông tin của thư mục này càng cao. Đây là loại thư mục địa chí quan trọng, là cơ sở để biên soạn các loại thư mục địa chí khác. Thư mục địa chí tổng quát (tổng hợp) là loại thư mục

phản ánh tài liệu địa chí về các lĩnh vực khác nhau của địa phương. Thư mục này không chỉ phản ánh tài liệu địa chí có trong thư viện tỉnh, thành phố mà còn phản ánh những tài liệu địa chí khác hiện đang lưu giữ ở nhiều nơi khác nhau, trong tỉnh, ngoài tỉnh. Hơn nữa thư mục địa chí tổng quát còn có thể thông tin về những tài liệu địa chí mà nhiều người biết được từ nhiều nguồn (sách vở, truyền miệng...) nhưng do chưa sưu tầm được (chưa biết địa chỉ, mất..). Do vậy thư mục địa chí tổng quát thông tin khá đầy đủ những ghi chép về địa phương. Đây là cơ sở chủ yếu để các thư viện tỉnh, thành phố sưu tầm, bổ sung vốn tài liệu địa chí. Chính vì tầm quan trọng đó mà các thư viện tỉnh rất quan tâm biên soạn loại thư mục này. Chẳng hạn, thư viện Bà Rịa - Vũng Tàu biên soạn *"Bà Rịa - Vũng Tàu đất nước, sự kiện và con người"*, năm 1998, gồm 5000 tài liệu. Thư viện thành phố Hồ Chí Minh biên soạn *"Thư mục địa chí Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh"*, 1998, 4260 tài liệu. Tuy nhiên do tình hình sưu tầm thông tin về tài liệu địa chí rất khó khăn, nên các thư viện tỉnh thành phố phải biên soạn và xuất bản loại thư mục này trong nhiều năm và xuất bản thành nhiều lần, nhiều tập. Thư mục địa chí chuyên ngành, chuyên đề tập hợp tài liệu về các chuyên đề quan trọng, cấp thiết đối với mỗi địa phương. Chẳng hạn, thư mục: *"Văn hoá tỉnh Vĩnh Long"*, *"Lịch sử và di tích lịch sử của Vĩnh Long"*, *"Thư mục văn hoá Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh thế kỷ XX"*.

Thư mục địa chí nhân vật tập hợp tài liệu của nhân vật, tài liệu viết về nhân vật để giới thiệu về vùng đất, con người tiêu biểu của địa phương, nhấn mạnh vai trò của nhân vật và ảnh hưởng của địa phương trong đời sống và sự nghiệp của nhân vật. Do vậy loại thư mục này không chỉ phục vụ nghiên cứu, tìm hiểu về nhân vật mà còn tuyên truyền, giao dục truyền thống lịch sử, văn hoá cho mọi người. Chẳng hạn, "*Thư mục về Tây Sơn - Nguyễn Huệ*" của Thư viện tỉnh Bình Định, "*Thư mục Nguyễn Bỉnh Khiêm*" của Thư viện TP Hải Phòng, "*Thư mục Lê Quý Đôn*" của Thư viện tỉnh Thái Bình v.v...

Một trong những hình thức phục vụ thông tin, tuyên truyền, giới thiệu tài liệu địa chí có hiệu quả là sử đụng các phương tiện thông tin đại chúng như đài, báo chí ở trung ương và địa phương. Hiện nay đài truyền hình Việt Nam đã xây dựng chương trình *Du địa chí truyền hình* nhằm thông tin các vấn đề có liên quan đến các địa phương trong đó có lĩnh vực văn hoá tới người xem.

Ngoài ra, việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về địa phương đã được tiến hành, thu hút đông đảo nhân dân trong và ngoài tỉnh tham gia, chẳng hạn cuộc thi tìm hiểu về "Thăng Long - Hà Nội", về "Sài Gòn - TP Hồ Chí Minh", nhưng kết quả mới dừng lại ở bề rộng, chưa đạt đến chiều sâu. Hệ thống các câu hỏi thường niên về những đề tài văn hoá - xã hội, lịch sử, chưa bao quát các lĩnh vực trong đời

sống kinh tế - xã hội ở địa phương. Có nơi tổ chức các cuộc thi còn mang tính chất phong trào, chưa thực sự nâng cao kiến thức về địa phương chí cho nhân dân.

3.3. PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ

Một công trình nghiên cứu được thực hiện nhờ những phương pháp nhất định. Sự lựa chọn và vận dụng các phương pháp nghiên cứu là tuỳ thuộc vào các nhiệm vụ cụ thể của công trình nghiên cứu. Tuy nhiên, dù sử dụng phương pháp nào đi chăng nữa nhà khoa học cũng phải thực hiện đầy đủ và nghiêm túc những yêu cầu có tính chất nguyên tắc của công việc nghiên cứu.

3.3.1. Phương pháp luận là cơ sở lý luận về phương pháp. Phương pháp luận có nhiệm vụ nêu lên nguyên tắc, quan điểm và phương hướng, các ý tưởng để tiếp cận đối tượng nghiên cứu. Mọi khoa học của chúng ta đều lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm phương pháp luận chung nhất của mình. Đó cũng là cơ sở tư tưởng phương pháp luận của địa chí văn hoá. Trong biên soạn địa chí văn hoá cần quán triệt và vận dụng các quan điểm như bảo đảm tính khách quan, quan điểm phát triển, quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể. Trước hết phải nghiên cứu từ chính bản thân sự vật và hiện tượng như chúng vốn có trong thực tế, ghi nhận mọi chi tiết, mọi biểu hiện của chúng. Nghiên cứu đảm bảo tính khách quan còn

có nghĩa là phải loại trừ sự phán đoán một cách chủ quan của người nghiên cứu. Mọi sự hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân, cần phải được kiểm chứng. Cần phải nghiên cứu, ghi chép và phản ánh sự vật, hiện tượng trong các mối liên hệ của chúng. Tất cả các sự vật và hiện tượng trong tự nhiên - xã hội đều liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau. Vì vậy khi nghiên cứu phải đặt chúng trong mối quan hệ, mối liên hệ giữa chúng nhằm vạch ra được sự ảnh hưởng tác động qua lại giữa chúng và trong mối quan hệ giữa cái chung của đất nước và cái riêng của từng vùng, từng địa phương. Cần nghiên cứu sự vật và hiện tượng trong sự phát triển. Mỗi sự vật và hiện tượng trong tự nhiên hay trong xã hội đều có quá trình vận động và phát triển. Các hiện tượng văn hoá ở địa phương cũng luôn có sự phát triển và biến đổi về chất. Bởi vậy khi nghiên cứu các hiện tượng văn hoá cần xem xét chúng trong một quá trình và trong một chỉnh thể toàn vẹn. Mỗi sự vật hiện tượng trong đó có văn hoá địa phương đều có một cấu trúc nhất định. Bởi vậy yêu cầu đặt ra với nhà khoa học là phải nghiên cứu sự vật và hiện tượng với cả hệ thống các thành phần trong cấu trúc của chúng cũng như mối liên hệ và quan hệ của các thành phần ấy. Cần nghiên cứu và đánh giá các sự vật hiện tượng ở địa phương trong đó có văn hoá trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của địa phương, của đất nước. Có như vậy mới thấy hết giá trị cũng như hạn chế của các hiện tượng văn hoá trong hoàn cảnh lịch sử nhất định. Phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư

tưởng Hồ Chí Minh, đường lối phát triển kinh tế văn hoá - xã hội của Đảng và chính phủ đặt cơ sở tư tưởng và sẽ quyết định cấu trúc nội dung, thứ tự sắp xếp các phần trong công trình địa chí văn hoá.

3.3.2. Phương pháp chung bao gồm phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp liên ngành.

Phương pháp lịch sử (phương pháp lịch đại)

Đây là phương pháp nghiên cứu và ghi chép các sự kiện, hiện thượng theo thời gian trong một không gian nhất định, là một trong những phương pháp chủ yếu để biên soạn địa chí văn hoá. Tư duy lịch sử và phương pháp nghiên cứu lịch sử không thể thiếu được trong địa chí học và sách địa chí. Mỗi lĩnh vực tự nhiên và xã hội dù là ở một nước hay một địa phương đều có quá trình hình thành, phát triển trong thời gian dài. Mỗi chương mục của sách địa chí phải trình bày theo dòng thời gian. Nội dung của phương pháp này là xem xét, nhìn nhận sự vận động của văn hoá địa phương theo lịch đại. Xem xét thời gian ở đây không có nghĩa là xác định thời điểm cụ thể như ngày, tháng, năm mà tính đến từng thời kỳ lịch sử lớn của địa phương. Nghiên cứu hiện tượng văn hoá địa phương trong hoàn cảnh lịch sử - xã hội cụ thể và có quan điểm lịch sử nhất định, đồng thời ghi chép các hiện tượng văn hoá đó theo sự vận động của lịch sử - xã hội. Cũng là đất, là núi, là sông và nhất là con người, văn hoá ở địa phương, nhưng chúng luôn biến động và thay đổi

theo thời gian lịch sử. Chẳng hạn, tại Thăng Long - Hà Nội xưa, Tô Lịch là dòng sông lớn, nên thơ. Điều này được thể hiện qua câu ca dao cổ:

Sông Tô nước chảy trong ngần.

Con thuyền buồm trắng, chạy gần chạy xa.

Nhưng nay "dòng sông lớn" đó đã thay đổi rất nhiều. Vậy nên khi vận dụng phương pháp lịch sử không chỉ nhận thức những vấn đề lớn của lịch sử dân tộc trong từng thời đại, mà còn căn cứ vào truyền thống văn hoá của địa phương, từ đó đặt ra nhiệm vụ mà ngành văn hoá cần giải quyết.

Để quán triệt và vận dụng phương pháp lịch sử trong địa chí văn hoá cần chú ý đến đặc thù và sinh hoạt của từng cộng đồng người thuộc các ngành nghề khác nhau. Văn hoá thường được hình thành trên cơ sở đúc kết những truyền thống văn hoá của quá khứ nhằm tái tạo nên các giá trị phù hợp với từng vùng trong từng thời gian cụ thể. Người biên soạn tìm hiểu sự biến động của các thành tố văn hoá ở những thời điểm lịch sử khác nhau để ghi chép, phản ánh chân thực trong địa chí văn hoá. Đó còn là sự nhận diện quá trình tiếp biến, ảnh hưởng và giao thoa văn hoá giữa các địa phương với nhau, trong nước và quốc tế.

Phương pháp so sánh (phương pháp đồng đại)

Nếu phương pháp lịch sử nặng về nghiên cứu và ghi

chép các hiện tượng văn hoá địa phương trong sự phát triển lịch đại, thì phương pháp so sánh lại chú ý nhiều hơn đến những mạt tương đồng và đa dạng của các hiện tượng văn hoá theo nhãn quan đồng đại. Những hiện tượng văn hoá ở các vùng, địa phương khác nhau trong cùng một thời đại có thể có những điểm giống nhau và tất yếu phải có điểm khác nhau. Cần so sánh để phân biệt chỗ giống và khác nhau đó rồi phân tích nguyên nhân và ý nghĩa của sự khác biệt và tương đồng ấy. Nhờ đó có thể hiểu được sâu sắc hơn bản chất của các hoạt động văn hoá cũng như đặc thù của hiện tượng văn hoá từng địa phương. Để sử dụng phương pháp so sánh có hiệu quả, người biên soạn địa chí cần lựa chọn những đối tượng so sánh. Những đối tượng văn hoá được lựa chọn thường dựa trên các yêu cầu sau:

- Phải mang tính đồng đại, nghĩa là cùng tồn tại, lưu hành trong một thời đại.

- Phải mang tính chất đồng loại, cùng một thể loại văn hoá - nghệ thuật. Không có một loại hiện tượng văn hoá nào lại không được phân bố trong một không gian nhất định. Khi đặt một loại hình, hiện tượng văn hoá vào không gian địa lý giúp ta lý giải các vấn đề trong quá trình biên soạn địa chí đặt ra. Suy cho cùng, văn hoá là sự thích ứng và biến đổi tự nhiên bởi chính con người.

- Phải đồng dạng, tức là cùng chung một dạng chủ đề, một mô hình cấu trúc. Cũng đều là những vùng đất, nhưng

thuộc các không gian địa lý khác nhau sẽ có các sắc thái văn hoá khác nhau. Các tác giả cần đem so sánh để làm bật tính đặc thù và đa dạng của các vùng và tiểu vùng văn hoá. Chẳng hạn, khi nghiên cứu để biên soạn địa chí văn hoá Sơn Tây có thể thấy văn hoá nơi đây xuất hiện trên vùng đất cổ, đối với tỉnh Bắc Ninh thì văn hoá của người Việt có điều kiện giao lưu, chịu ảnh hưởng nhiều của văn hoá Hán, Ấn Độ, còn thành phố Hải Phòng thì lại là văn hoá vùng cảng biển, mang tính rộng mở và hướng ngoại nhiều hơn. Trong quá trình nghiên cứu, phải luôn đặt địa phương trong bối cảnh đồng văn (context) rộng lớn hơn trong vùng, trong khu vực, rộng hơn nữa là cả nước Việt Nam, trong bối cảnh Đông Nam Á và thế giới. Để biên soạn địa chí các tỉnh, thành của cả nước, cần khắc phục cái nhìn hạn hẹp của một địa phương, vì rất dễ trở thành "tư tưởng địa phương chủa nghĩa" và sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển chung của đất nước. Do vậy, nên có cái nhìn tổng thể, cái nhìn cấu trúc, cái nhìn địa - chính trị, địa - chiến lược. Kết hợp hài hoà giữa truyền thống địa chí Đại Việt - Việt Nam với phương pháp nghiên cứu vùng (Area studies) hiện đại của phương Tây. Truyền thống biên soạn địa chí ở Đại Việt từ *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi đến *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, *Phương đình địa dư chí* của Nguyễn Siêu hay *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn đều gắn bó giữa lịch sử và địa lý, gắn đời sống các nhân vật lịch sử với những miền "địa linh nhân kiệt", "sơn

thuỷ hữu tình". Tiếp nối truyền thống đó, các tác giả địa chí hiện nay tiếp tục nghiên cứu các hiện tượng văn hoá từ góc độ địa lý kết hợp chặt chẽ với lịch sử địa phương và đất nước để biên soạn những công trình địa chí có giá trị. Muốn vậy, cần biết so sánh các hiện tượng văn hoá trong các không gian địa lý khác nhau. Cũng là miêu tả, ghi chép về nghệ thuật sân khấu tuồng, nhưng biểu diễn tuồng Bắc, khác hát tuồng miền Trung, khác hát bội Nam Bộ. Ở những vùng này nghệ thuật diễn xướng đã được bản địa hoá, địa phương hoá. Cũng là hát chầu văn và thờ đạo tứ phủ, song đạo tứ phủ và hát chầu văn vùng Bắc Bộ và nhất là tại Hà Nội và Nam Định, khác hát chầu văn và thờ mẫu tại Huế và ở Nam Bộ. Nơi đây có sự hoà quyện giữa thờ mẫu người Việt, thờ mẫu người Chăm và Khơ me, đã sử dụng các làn điều dân ca của miền Trung, dân ca Nam Bộ khi hát chầu văn và lên đồng thì thực hiện tập thể, không từng người như ở Bắc Bộ. Cũng là trò chơi dân gian vùng châu thổ Bắc Bộ, tại Hà Nội trò chơi này tinh tế hơn. Chẳng hạn, trò bắt chạch trong chum, con trai vừa bắt chạch vừa cầm cổ tay phụ nữ mà không bị xước đỏ.

Phương pháp liên ngành

Đối tượng nghiên cứu của địa chí học là vùng đất, là địa phương trong một quốc gia, do vậy không thể sử dụng một ngành khoa học để nghiên cứu. Trong khoa học tự nhiên người ta đã vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học

liên ngành, còn trong khoa học xã hội và nhân văn khoa học liên ngành cũng là vấn đề khá mới mẻ. Khoa học càng phát triển càng có xu hướng chuyên sâu và liên ngành hoá cao. Phương pháp liên ngành thường được áp dụng trong trường hợp phải xử lý mọi vấn đề chung liên quan đến các ngành khoa học khác nhau. Mỗi ngành khoa học đều có đối tượng và phương pháp nghiên cứu riêng của mình, song đối với những vấn đề cấp thiết, phức tạp, mang tính tổng hợp, thời sự cần vận dụng kiến thức liên ngành. Với phương pháp này, mỗi ngành khoa học vẫn tuân theo những phương hướng của mình và sử dụng những phương pháp khoa học và biện pháp kỹ thuật thích ứng. Kết quả đạt được của các ngành khoa học liên kết với với nhau sẽ đóng góp vào lý luận chung để tìm hiểu đề tài, đối tượng nghiên cứu từ nhiều góc độ tiếp cận đưa tới những thay đổi về chất. Nghiên cứu liên ngành là phương pháp chung của các khoa học hiện đại. Từng ngành khoa học đều cần tư tưởng nghiên cứu liên ngành. Chẳng hạn, nghe một bài hát dân ca về rừng cây, người nghe không những cần cảm nhận vẻ đẹp mượt mà của làn điệu dân ca mà còn hình dung ra rừng cây đó xanh tốt như thế nào dưới góc độ thực vật học. Địa chí học là khoa học mang tính liên ngành vì đối tượng của khoa học này là nghiên cứu toàn diện về vùng, địa phương, trong đó có văn hoá. Tiếp cận liên ngành là phương pháp nghiên cứu thích hợp trong văn hoá, đặc biệt đối với văn hoá phi vật thể. Lấy lễ hội làm ví dụ, khi ghi chép một lễ hội, chúng ta không chỉ

cần kiến thức của nhà sử học, nhà nghiên cứu văn hoá dân gian, nhà nghiên cứu tín ngưỡng tôn giáo mà phải có tiếng nói của các nhà nghiên cứu âm nhạc, múa... Mục tiêu của phương pháp liên ngành trong địa chí là sử dụng kiến thức tổng hợp liên ngành để có thể nghiên cứu, giải quyết tốt những vấn đề của hôm nay và dự báo kịp thời sự phát triển ngày mai của từng địa phương và đất nước nói chung. Trong khoa học tự nhiên nghiên cứu liên ngành đã được đề cập đến và thể hiện trong nhiều khoa học liên ngành như toán - lý, toán - cơ, hoá - sinh, sinh - địa... Trong khoa học xã hội và nhân văn cũng có những khoa học liên ngành như địa lý - nhân văn, nhân chủng học - văn hoá, dân tộc - ngôn ngữ, kinh tế - xã hội, nhưng sự hiểu biết về liên ngành và phương pháp nghiên cứu liên ngành vẫn là vấn đề mới mẻ. Tất nhiên không phải cứ có 2,3 ngành khoa học cùng tham gia nghiên cứu một vấn đề là đã có nghiên cứu liên ngành. Để dễ hình dùng, ta hãy sử dụng hai đường tròn đại diện cho hai ngành khoa học. Nếu như các đường tròn đó chỉ đứng cạnh nhau hoặc chỉ tiếp cận nhau thì vẫn chưa phải là nghiên cứu liên ngành. Khi các đường tròn có sự giao tiếp với nhau thì khoảng chung nhau giữa hai đường tròn đó chính là phần thuộc về nghiên cứu liên ngành. Để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu địa phương thì các chuyên gia địa chí phải có kiến thức phong phú, có trình độ tư duy tổng hợp và hệ thống. Mỗi ngành khoa học đều có đối tượng nghiên cứu nhất định và đi liền với đối tượng nghiên cứu ấy là một

phương pháp nghiên cứu thích hợp nhằm vào một mục đích nhất định. Rõ ràng địa chí học nhằm vào những vấn đề cấp thiết của từng vùng, địa phương và quốc gia. Để giải quyết chúng phải vận dụng kiến thức tổng hợp của nhiều chuyên ngành và liên ngành. Phương pháp nghiên cứu địa chí và phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tuy có nét riêng, đặc thù, nhưng đều có điểm chung là nhằm phát triển ngành khoa học của mình và cung cấp những cứ liệu khoa học cho các nhà hoạch định chính sách quốc gia, từng vùng, địa phương. Muốn thực hiện nghiên cứu liên ngành thì trước hết phải có chuyên ngành. Không có chuyên ngành sâu thì khó có thể thực hiện được liên ngành. Dĩ nhiên, nghiên cứu địa chí không thể chỉ trông cậy vào kiến thức cũng như phương pháp nghiên cứu của chuyên ngành, nhưng các chuyên ngành sẽ tạo ra sức mạnh và cơ sở vật chất quan trọng cần thiết cho khoa học địa chí. Nghiên cứu địa phương tiến hành một cách quy củ, bài bản trở thành một ngành khoa học (có thể gọi là địa phương học). Biên soạn sách địa chí phải được xem là một công trình nghiên cứu khoa học nghiêm túc. Hơn nữa đây là một công tác học thuật thuộc phạm vi của nhiều bộ môn khoa học và những viện nghiên cứu tương ứng (địa chất, thổ nhưỡng, thuỷ văn, khảo cổ, dân tộc học, văn hoá học, sử học...) và có liên quan đến hoạt động của nhiều ban ngành ở địa phương (như văn hoá - thông tin, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và môi trường). Do vậy khi tiến hành biên soạn các công trình địa

chí chúng ta cần vận dụng kiến thức và phương pháp liên ngành, sử dụng những kết quả nghiên cứu của các khoa học giáp ranh với địa chí. Thực tế cho thấy thời gian vừa qua đã công bố nhiều công trình địa chí có giá trị về các tỉnh, thành phố mà đội ngũ tác giả bao gồm nhiều nhà khoa học thuộc các lĩnh vực khác nhau như địa lý, lịch sử, văn hoá học, địa chất v.v... Điều này càng minh chứng cho tính chất liên ngành của địa chí.

Ba phương pháp trên luôn thường xuyên gắn bó mật thiết với các tác giả của sách địa chí. Khi tiến hành biên soạn cần tập hợp một đội ngũ cộng tác viên thuộc các lĩnh vực khác nhau, trong đó nhấn mạnh vai trò của người chủ biên công trình. Họ phải có phương pháp tổng hợp và biết cách tổ chức, tập hợp các cộng sự của mình, hiểu biết tri thức chung, nhưng không đại khái. Riêng các chương, phần cụ thể trong nội dung sách địa chí có thể phân công các nhà chuyên môn thuộc từng lĩnh vực phụ trách biên soạn (chẳng hạn như nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật diễn xướng, nghệ thuật ngôn từ, lễ hội, tri thức dân gian, văn hoá ẩm thực...). Làm được như vậy thì chắc chắn chất lượng biên soạn sách địa chí sẽ nâng lên. Các công trình địa chí chính là sản phẩm trí tuệ của tập thể nhà khoa học ở Trung ương và địa phương, là sản phẩm văn hoá của nhân dân địa phương.

3.3.3. Phương pháp cụ thể bao gồm sưu tầm tài liệu, điều tra điền dã, thống kê. Sưu tầm là tìm tư liệu và văn bản

hoá nó. Muốn tìm tài liệu thì phải xác định các nguồn gốc khác nhau. Sưu tầm tự liệu là khâu quan trọng để biên soạn địa chí. Thành công cơ bản của sách địa chí là ở sự đầy đủ tài liệu. Muốn cho nội dung sách chứa đựng vốn hiểu biết toàn diện, có hệ thống và chính xác thì trước hết phải nắm được nguồn tài liệu phong phú. Về mặt khoa học thì việc sưu tập, tích luỹ, nghiên cứu, phân tích tài liệu và xử lý thông tin là giai đoạn đầu của bất cứ công trình nghiên cứu nào. Các sách địa chí xưa đều được biên soạn trên cơ sở tài liệu đa dạng. Địa chí hiện đại lại càng phải như thế, nếu chúng ta muốn đảm bảo chức năng tri thức, nhận thức và giá trị khoa học của nó. Để phục vụ cho việc biên soạn sách *Địa chí Hà Bắc*, ngay từ năm 1970 sở Văn hoá Hà Bắc đã giao cho thư viện tỉnh tiến hành sưu tầm tư liệu. Hoạt động này được triển khai trong suốt quá trình biên soạn từ năm 1976 - 1982. Trước hết người biên soạn địa chí cần tiến hành sưu tập và đọc lại tài liệu hiện có viết về địa phương mà mình muốn nghiên cứu, đặc biệt là các thư tịch cổ Hán - Nôm (văn bia, đình, đền, chùa, các địa danh làng, xã). Một công trình địa chí càng hấp dẫn, càng thuyết phục người đọc khi những người biên soạn sưu tầm được nhiều tư liệu thành văn trong thư tịch cổ với lời giới thiệu, chú thích về xuất xứ chính xác, trung thực.

Đối với công việc biên soạn địa chí văn hoá thì việc đọc sách chưa đủ mà phải đi điền dã để đối chiếu, xác minh

tư liệu, quan sát và thu thập thông tin về văn hoá địa phương. Yêu cầu đối với người điền dã là không chỉ hỏi han ghi chép mà cần có vốn văn hoá nhất định, cần biết Hán - Nôm, Pháp ngữ, tiếng dân tộc, am hiểu về quá khứ, lịch sử địa phương, phong tục, tập quán, lễ hội.. thì mới có thể khai thác, điều tra, ghi chép tư liệu một cách có hiệu quả để phục vụ cho nội dung công trình địa chí văn hoá. Các nhà nho trước đây không đề ra phương pháp, nhưng đã mặc nhiên tiếp cận với cách làm việc khoa học rất gần gũi với quan niệm sưu tầm văn hoá dân gian của chúng ta hiện nay. Thông qua những cuốn địa chí, phong thổ ký, hay ký lược viết về các địa phương, mới có thể nhận ra được quan niệm sưu tầm, khai thác của họ. Điều đáng chú ý là không ai bảo ai, nhưng cuốn địa chí nào cũng gần như được chỉ đạo bằng phương pháp sưu tầm tổng hợp. Người viết có thể chia thành nhiều chương mục khác nhau, song đều có thể giúp cho việc nhận ra được diện mạo văn hoá của một vùng nhất định. Có những cuốn địa chí khuôn những tài liệu sưu tập vào ba mục lớn: thiên, địa, nhân như *Nghệ An ký* của Bùi Dương Lịch, mà thực chất đó là cái nhìn rất khái quát. Hầu hết những tư liệu của sách địa chí đều khai thác khá kỹ lưỡng về sản vật, nghề nghiệp ở địa phương, đôi khi miêu tả rất chi tiết như *Gia Định thành thông chí, Nam Định địa dư chí.* Có cuốn lưu ý ghi chép các hội hè, phong tục như *Bắc Ninh phong thổ chí.* Các hương ước, điều lệ xã thôn đều phản ánh khá kỹ càng trong *Quỳnh Đôi hương biên.* Thậm chí chép lại cả

nguyên văn những bài hát, những khúc diễn xướng ở các đình, đền như *Yên Định huyện chí*. Có tài liệu ghi chép hết các gia phả, phong tục v.v... của địa phương như *Thiện Đình xã chí*. Có những cuốn không quên ghi chép về các ngôn ngữ khác nhau giữa các tộc người như *Hưng hoá ký lược*. Nếu không có cái nhìn tổng hợp về văn hoá địa phương thì không thể có khuynh hướng biên soạn được như vậy. Các nhà nho, soạn giả những tài liệu địa chí chỉ có thể dựa vào công trình khai thác của chính mình và họ viết để thể hiện lòng tự hào đối với quê hương. Sách có thể không xuất bản, không có nhuận bút, thậm chí chưa chắc đã được chính quyền địa phương công nhận. Do vậy, chỉ đạo cho phương pháp của họ chính là lòng say mê, sự thận trọng và cả đức hi sinh. Nhà học giả Lê Quý Đôn đã có những túi tư liệu và sử dụng "phích" (Fiche) như chúng ta ngày nay. Trên đường đi công cán, sự có ý hay, chữ hay, hoặc quan sát được điều gì là ông chép ngay lên mảnh giấy và bỏ vào trong túi. Chính nhờ cách ghi chép này mà chỉ vào Thuận - Quảng trong một thời gian ngắn ông đã hoàn thành bản thảo sách *Phủ biên tạp lục*, mà đến nay vẫn là tư liệu quý nhất giúp ta hiểu được xứ Đàng Trong thế kỷ XVIII. Cố nhiên, không phải ai cũng sánh được với Lê Quý Đôn, song kinh nghiệm của ông thì ai cũng có thể học được. Sự tiếp thu khoa học của phương Tây đã giúp giới nghiên cứu sưu tầm để biên soạn địa chí nhiều kinh nghiệm mới. Gạt bỏ cách nhìn sai lệch, những ý đồ thực dân, vẫn phải công nhận là có nhiều học

giả Pháp tìm đến văn hoá dân gian Việt Nam và có phương pháp sưu tầm đưa tới những công trình kê cứu có ích. Họ rất có ý thức về những chuyến điều tra thực địa. Có người đã phải bạc đầu học chữ Hán, tập nói tiếng Việt và không hiếm người thực sự "ba cùng". Họ vận dụng nhiều phương pháp khai thác, nhất là phương pháp điều tra dân tộc học, khảo cổ học và thám sát địa lý. Tất nhiên họ có nhiều điều kiện thuận lợi hơn chúng ta như chụp ảnh, vẽ bản đồ, mua tài liệu. Vì thế mà nhiều tác phẩm của họ có nội dung phong phú sinh động. Người vận dụng được phương pháp sưu tầm và thể hiện có kết quả là GS. Nguyễn Văn Huyên. Điều tra chính xác, đầy đủ, khảo tả rõ ràng, kết hợp đối chiếu so sánh (với cả tài liệu quanh địa bàn Đông Nam Á) là điều ông tuân thủ. Song chỉ tiếc là những công trình nghiên cứu về văn hoá của ông đều viết bằng tiếng Pháp.

Đối với công tác sưu tầm, đặc biệt là điều tra điền dã, còn tồn tại một số ý kiến hay nhận định chưa thật công bằng. Nhiều người coi nhẹ việc sưu tầm, coi sưu tầm không phải là một công tác khoa học. Muốn được xem là nhà khoa học, phải viết những công trình lý luận, nghiên cứu, chứ đi thu thập tư liệu, khảo sát điều tra thì đâu phải là sáng tạo. Họ chỉ muốn căn cứ vào những gì có sẵn trong thư viện để kê cứu là đủ rồi. Sưu tầm tư liệu là công việc hàng đầu của nhà khoa học, thậm chí nó quyết định cho sức sống và sự trường tồn của lý luận. Một tư liệu điền dã được phát hiện có thể lật nhào cả lý thuyết đã thiết lập được uy quyền. Rất

khó mà nêu lên những phương pháp cụ thể cho công tác sưu tầm điền dã để viết địa chí. Song yêu cầu trước nhất là người sưu tầm cần chú ý trang bị cho mình một tri thức tổng hợp nhất là về lịch sử và văn hoá dân gian. Dù được phân công chuyên sâu sưu tầm các điệu múa, các khúc dân ca hay chỉ những thành ngữ, thổ ngữ... thì người sưu tầm cũng phải có vốn kiến thức chung. Kiến thức này sẽ giúp cho việc đặt câu hỏi, hoặc định hướng các thao tác, tránh được sai sót. Để chuẩn bị cho công việc này, mỗi chương trình điền dã cần được phác thảo trước, căn cứ vào đó mà đọc những tư liệu có liên quan. Những chương trình phác thảo này có thể ngầm chứa những dự cảm khoa học. GS. Nguyễn Đổng Chi có một ý kiến rất thú vị là người đi sưu tầm phải rất "tham" mà cũng rất "liêm". Tham có nghĩa là phải hỏi nhiều, phát hiện nhiều, ghi chép nhiều, không được bỏ sót tư liệu. Trong hành trang của người sưu tầm, thượng vàng, hạ cám đều được thu thập. Đừng cho rằng, chi tiết này đã biết, chi tiết kia không cần mà tất cả chúng đều có ích.

Phương pháp điều tra 5 W cũng có thể mượn để dùng ở đây. Trong tiếng Anh năm tiếng đều bắt đầu bằng chữ W là why (tại sao), where (ở đâu), when (bao giờ), what (cái gì), who (cho ai). Tìm hiểu bằng những câu hỏi ấy cho kỹ càng thì sẽ tự thấy thêm nhiều câu hỏi khác. Không phải là bao nhiêu thứ thu nhặt được đều đưa ra sử dụng cả mà cân nhắc thận trọng và kiểm tra chu đáo khi biến chúng thành tư liệu cho sách địa chí, như vậy mới là liêm. Liên có nghĩa là

phát hiện dù nhiều ít, lớn bé, bình thường hay quý giá cũng đều phải trung thực, không thêm bớt. Tài liệu phát hiện được chỉ giá trị khi có xuất xứ. Những tác phẩm văn nghệ dân gian trong nhân dân cũng như cá sống trong nước, rất uyển chuyển, linh hoạt. Do vậy, chúng vẫn có khả năng lọt những "mẻ lưới" chuẩn bị rất công phu và đầy hy vọng của nhà sưu tầm. Trong những trường hợp như thế, một người sưu tầm có kinh nghiệm thì nên có thái độ đúng đắn là kiên nhẫn rà đi soát lại nhiều lần. Đồng thời với việc xác định các đối tượng, các nhân chứng, nhất là các bậc cao niên - gọi là đối tượng sưu tầm sống (con người), thì còn cả nguồn "lao động quá khứ" gọi là đối tượng sưu tầm "tĩnh". Đối tượng này bao gồm những gia phả, niên phả, thần tích, bia ký và cả những bản thảo, sổ tay, giấy tờ, những hiện vật khác và còn lưu giữ qua hệ thống đồ hoạ, điêu khắc, kiến trúc đền miếu, nhà chùa. Một điều cần nhấn mạnh với người đi sưu tầm điền dã là sự ứng xử với đối tượng. Phải có ý thức sâu sắc trong mối tiếp cận và hoà đồng với những người khi phỏng vấn khai thác và trân trọng những tư liệu được khai thác. Về các địa phương, người sưu tầm thường gặp gỡ với chính quyền các cấp, các tổ chức tôn giáo hay dòng họ. Ai cũng có niềm tự hào với quê hương, với di sản văn hoá của địa phương mình, nhưng không phải ai cũng thấy được giá trị lịch sử và giá trị thực tiễn của những di sản ấy. Người làm công tác sưu tầm tư liệu tại địa phương phải biết làm cho vốn truyền thống này có mặt trong cuộc sống

hôm nay. Xây dựng phong cách ứng xử khoa học và nghệ thuật với các nhóm xã hội ở địa phương như thanh niên, phụ nữ, giáo viên, học sinh, đặc biệt là các nghệ nhân khi điều tra, phỏng vấn về các vấn đề thuộc văn hoá địa phương, văn hoá cộng đồng. Thông qua tiếp xúc, cần làm thức dậy trong lòng họ những say sưa, rung động, tôn trọng hiểu biết của họ, dù là kiến thức hay kiến giải đáng ngờ.

Thống kê cũng là phương pháp sử dụng có hiệu quả trong nghiên cứu và biên soạn địa chí văn hoá. Nội dung tiến hành thống kê rất đa dạng và phong phú. Tập hợp được các số liệu thống kê về các loại hình di sản văn hoá vật thể, phi vật thể ở địa phương và sự phân bố của chúng theo địa dư, chẳng hạn các văn bia, đền, nghè, miếu, đình nhà thờ... Thống kê các danh nhân và nhân vật địa phương(người đã từng sống và có quan hệ sáng tạo với địa phương, đặc biệt người thi đỗ đạt cao trong lịch sử và công trạng của họ như các thông tin về quê quán, năm sinh, năm mất, đỗ năm nào, làm quan đến chức gì, công trình để lại cho đất nước nếu có. Thống kê và ghi chép sự tích các thần mà các làng đang thờ. Cán bộ địa chí không chỉ chú trọng đến các thần đã có nhiều công với nước với dân hay những người khai canh lập ra làng xã mà còn nhiều người khác cũng được dân tôn thờ là thần. Thống kê các lễ hội ở các làng xã với thời gian, nghi thức, quy mô, thủ tục, cách tổ chức, các trò vui kèm theo những nét khác biệt khác. Lễ hội chính là thời điểm

mạnh của sinh hoạt cộng đồng, thường phản ánh các sự tích văn hoá, đặc trưng văn hoá từng địa phương. Tập hợp các thông tin về làng nghề với các tổ sư truyền nghề, quá trình phát triển của nghề, công cụ, nguyên liệu làm nghề, quy trình công nghệ và tiêu thụ sản phẩm. Thống kê và phân loại làng xã ở địa phương như làng chuyên canh nông nghiệp, làng nghề thủ công, làng học hành khoa bảng, làng buôn bán, làng nói xạo (Văn Lang cả làng nói khoác). Thống kê các dòng họ ở địa phương, nhất là các dòng họ văn hoá, có nhiều nhân vật xuất chúng (thời gian sinh sống, địa bàn cư trú, quá trình chuyển cư, các chi ngành, truyền thống và sự thăng trầm của dòng họ). Sưu tầm tập hợp các thành ngữ, ca dao hò vè, truyện kể, sự tích về cuộc sống và lao động của con người địa phương, trong từng giai đoạn lịch sử.

Địa chí văn hoá là một trong những sản phẩm văn hoá, là di sản văn hoá thành văn của từng vùng đất. Trên cơ sở ghi chép, thông tin, phân loại, hệ thống hoá các di sản văn hoá, địa chí văn hoá góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị của chúng, xây dựng và sáng tạo các giá trị văn hoá mới. Địa chí văn hoá là công cụ tra cứu đáng tin cậy phục vụ cho nhu cầu lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu và sáng tác văn hoá - nghệ thuật, giáo dục truyền thống văn hoá cho nhân dân địa phương. Các tổ chức, cơ quan và các nhà địa chí làm công tác nghiên cứu, biên soạn, bảo quản, khai thác địa chí văn

hoá, đào tạo cán bộ văn hoá có nhiệm vụ phối hợp hoạt động, nâng cao hiệu quả của công tác này nhằm phát huy tác dụng của địa chí văn hoá trong xây dựng đất nước, phát triển văn hoá hiện nay.

KẾT LUẬN

1. Địa chí văn hoá là một thể loại đặc thù, hình thành dựa trên nền tảng của các ngành địa chí học và văn hoá học, được ghi chép khách quan, cô đọng các sự kiện văn hoá - khoa học đã diễn ra trong lịch sử, nhằm khắc hoạ diện mạo văn hoá từng địa bàn nhất định. Địa chí văn hoá vừa là sản phẩm của văn hoá, vừa là đối tượng nghiên cứu của khoa học, có ý nghĩa nhận thức và thực tiễn sâu sắc. Dù là quốc chí hay địa phương chí, nội dung cơ bản của địa chí văn hoá là ghi chép và thông tin về di sản văn hoá vật thể, phi vật thể như các di tích lịch sử văn hoá, văn học, nghệ thuật, sản vật, phong tục tập quán, lễ hội, nhân vật của một vùng đất nhất định trong diễn trình lịch sử. Địa chí văn hoá đã văn bản hoá, tích hợp các giá trị văn hoá từng địa phương. Chủ thể sáng tạo ra địa chí văn hoá thường là các học giả, các nhà khoa học, nhưng được thực hiện trên một địa bàn riêng, nên địa chí văn hoá đã khắc hoạ được diện mạo văn hoá riêng, độc đáo của từng địa phương. Nghiên cứu đặc điểm diện mạo văn hoá của một địa phương, một vùng là nghiên cứu diện mạo văn hoá của cộng đồng dân cư trong mối quan

hệ tổng hoà những sinh hoạt văn hoá của các tộc người trong quá trình tồn tại và phát triển, làm nên những giá trị văn hoá của cộng đồng. Diện mạo văn hoá từng vùng, từng địa phương trong nước tuy có sắc thái, đặc thù riêng nhưng luôn luôn thống nhất trên cơ sở truyền thống dân tộc, tinh hoa bản sắc văn hoá dân tộc.

2. Đặc trưng chủ yếu của địa chí văn hoá là tính địa dư, tính tổng hợp, tính khách quan, cô đọng, tính tư liệu, tính liên tục của địa chí văn hoá trên cơ sở so sánh với các thể loại khác như lịch sử, địa lý địa phương. Trong đó tính địa dư là đặc trưng nổi bật nhất của địa chí văn hoá. Dựa vào các đặc trưng và tiêu chí, có thể phân loại địa chí và địa chí văn hoá thành các nhóm, dạng khác nhau. Trong tình hình tư liệu hiện nay, việc phân loại địa chí văn hoá theo các đấu hiệu cũng chỉ mang tính chất tương đối vì các dấu hiệu này đan xen nhau. Chỉ có thể biên soạn thành công địa chí văn hoá địa phương trên cơ sở bám sát những đặc trưng của địa chí văn hoá đã nêu, trong đó nhấn mạnh yếu tố địa dư là quan trọng nhất. Bởi lẽ, đó là cách tiếp cận cụ thể nhằm tìm hiểu lịch sử địa phương đã trải qua, tìm hiểu lối sống của địa phương, kế thừa những thuần phong mỹ tục và truyền thống tốt đẹp, kiểm kê các giá trị bền vững trong đời sống tinh thần của nhân dân thông qua các mặt của đời sống văn hoá từ những nếp của văn hoá giao tiếp đến những thành tựu của văn hoá nghệ thuật ở một địa bàn nhất định; kể cả

những bài học và kinh nghiệm lịch sử, những giá trị cụ thể trong đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân địa phương, một cơ sở bền vững cho sự hình thành lòng yêu nước và tinh thần dân tộc cho con người.

3. Mục tiêu cơ bản của địa chí văn hoá là góp phần nâng cao dân trí, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu và làm giầu thêm kho tàng văn hoá nhân loại, xây dựng nền văn hoá mới con người mới. Địa chí văn hoá hệ thống hoá toàn bộ những tư liệu văn hoá, danh nhân văn hoá; ghi lại những tri thức chủ yếu về thiên nhiên, xã hội, con người và văn hoá của họ. Từ đó phác dựng được bức tranh toàn cảnh về văn hoá một vùng đất nhất định trong diễn trình phát triển của lịch sử. Sản phẩm của địa chí văn hoá là nhằm góp phần nâng cao dân trí, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá cho nhân dân địa phương, nhất là thế hệ trẻ. Địa chí văn hoá cung cấp cứ liệu khoa học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ở từng địa phương, từng vùng và đất nước. Giới thiệu những giá trị văn hoá độc đáo của địa phương để nâng cao sự hiểu biết và hợp tác giữa các địa phương trong xu thế chung của thời đại là giao lưu, hoà nhập và hợp tác quốc tế. Địa chí văn hoá có vai trò đặc biệt quan trọng nhằm bảo tồn những giá trị văn hoá truyền thống của làng xã, vùng miền, dân tộc và xây dựng văn hoá mới, con người mới. Địa chí văn hoá là công cụ

đáng tin cậy để thực hiện chức năng nhận thức, chức năng giáo cục và chức năng quản lý văn hoá.

Do vậy nghiên cứu địa chí văn hoá và đặt nó trong bối cảnh phát triển văn hoá hiện nay có ý nghĩa khoa học và thực tễn, phù hợp với xu hướng phát triển của đất nước Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

1. Tài liệu cần đọc

1. Lý luận và thực tiễn biên soạn sách địa chí - H: Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hoá Việt Nam, 1999 - 180 tr.

2. Báo cáo hội nghị công tác địa chí của thư viện tỉnh, thành trong thời kỳ mới tại Phú Yên. - H: Thư viện Quốc gia Việt Nam, 2001 - 190 tr.

3. Nguyễn Văn Cần. *Nghiên cứu lịch sử địa chí văn hoá Việt Nam và một số phương pháp biên soạn địa chí văn hoá.* - H: Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, 2003 - 164 tr.

2. Câu hỏi ôn tập

2.1. Chương 1: Khái quát về địa chí văn hoá

Câu 1. Trình bày khái niệm địa chí, địa chí văn hoá, địa chí văn hoá dân gian. Mối quan hệ giữa các khái niệm trên.

Câu 2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của địa chí học.

Câu 3. Phân tích các đặc trưng cơ bản của địa chí văn hoá.

Câu 4. Phân loại địa chí văn hoá theo các tiêu chí chủ yếu.

Câu 5. Phân tích các giá trị tiêu biểu của địa chí văn hoá.

2.2. Chương 2: Lịch sử địa chí văn hoá ở Việt Nam

Câu 1. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội, nội dung và giá trị các tài liệu tiêu biểu ghi chép về Việt Nam thời Bắc thuộc.

Câu 2. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội, nội dung và giá trị các tài liệu tiêu biểu mang tính chất địa chí thời Lý - Trần.

Câu 3. Hoàn cảnh biên soạn, nội dung và giá trị trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi.

Câu 4. Hoàn cảnh biên soạn, nội dung và giá trị trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn.

Câu 5. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội, nội dung và giá trị các tài liệu địa chí tiêu biểu thời nhà Nguyễn.

Câu 6. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội, nội dung và giá trị của các tài liệu địa chí tiêu biểu thời Pháp thuộc và chống Pháp xâm lược.

Câu 7. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội, nội dung và giá trị các tài liệu địa chí văn hoá tiêu biểu từ năm 1975 đến nay.

Câu 8. So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa địa chí xưa và nay ở nước ta.

2.3. Chương 3: Bổ sung, bảo quản, khai thác, biên soạn địa chí văn hoá

Câu 1. Phương pháp bổ sung và bảo quản địa chí văn hoá.

Câu 2. Nhiệm vụ khai thác địa chí văn hoá.

Câu 3. Đối tượng, công cụ và hình thức khai thác địa chí văn hoá.

Câu 4. Trình bày phương pháp biên soạn địa chí văn hoá.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu trong nước

1. Bách khoa thư Hà Nội. Tập 6 khoa học công nghệ - H: Từ điển bách khoa, 1999.

2. Bách khoa toàn thư Xô Viết. Xb. Lần thứ 3, T.13, tr. 311.

3. Bùi Dương Lịch. Nghệ An ký. Nguyễn Thị Hào dịch. - H: Khoa học xã hội, 1993.

4. Cao Huy Đỉnh, Nguyễn Đổng Chi, Đặng Nghiêm Vạn. Phương pháp sưu tầm văn học dân gian ở nông thôn, 1969.

5. Dương Văn An. Ô châu cận lục. Trịnh Khắc Mạnh và Nguyễn Văn Huyên dịch. - H: Khoa học xã hội, 1997.

6. Đào Duy Anh. Giản yếu Hán việt từ điên. - Huế: Tiếng Dân, 1932.

7. Đào Duy Anh. Việt Nam văn hoá sử cương. - NXB Đồng Tháp, 1998.

8. Đại Nam nhất thống chí. Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn. Phạm Trọng Điềm dịch. - H: Khoa học xã hội, 1969.

9. Đặng Văn Bài. Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá ở Việt Nam. (Tập bài giảng lớp bồi dưỡng quản lý văn hoá Đại học văn hoá). - H: 2001.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khoá VIII. - H Chính trị Quốc gia, 1998.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. - H: Chính trị Quốc gia, 2001.

12. Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân xã Minh Lộc - Hậu Lộc - Thanh Hoá. Địa chí Minh Lộc - NXB Thanh Hoá, 1995.

13. Địa chí Hà Bắc - Thư viện Hà Bắc xb, 1982.

14. Địa chí Thanh Hoá. Tập 1 Địa lý và lịch sử - H: Văn hoá - Thông tin, 2000.

15. Địa chí Thanh Hoá. Tập 2 Văn hoá - xã hội - H: Văn hoá - Thông tin, 2003.

16. Đinh Gia Khánh. Trần Tiến (chủ biên. Địa chí văn hoá dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. - H: Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội xb, 1991.

17. Hoàng Vinh. Mấy vấn đề lý luận thực tiễn xây dựng văn hoá ở nước ta. - H: Văn hoá - Thông tin 1999.

18. Hoàng Vinh. Những vấn đề văn hoá trong lịch sử truyền thống dân tộc Việt Nam. - H: Văn hoá – Thông tin, 2002.

19. Hội đồng khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chí Đồng Tháp Mười, - H: Chính trị quốc gia, 1996.

20. Hội đồng lịch sử thành phố Hải Phòng. Địa chí Hải Phòng. Tập 1 - NXB Hải Phòng, 1990.

21. Huỳnh Minh. Vũng Tàu xưa và nay - Sài Gòn: Tác giả XB, 1970.

22. Lê Chất. Bắc thành địa dư chí. Nguyễn Đông Khê sao lục. Đặng Thu Kình dịch. - Sài Gòn: Quốc vụ khanh đặc trách văn hoá xb, 1969.

23. Lê Quý Đôn. Phủ biên tạp lục. Đỗ Mộng Khương dịch. -H: Khoa học, 1964.

24. Lý luận và thực tiễn biên soạn sách địa chí. -H: Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hoá Việt Nam, 1999.

25. Lý Tế Xuyên. Việt điện u linh. Bản dịch của Trịnh Đình Dư. -H: Văn hoá - Thông tin, 1972.

26. Ngô Đức Thịnh (chủ biên). Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam. -H: Khoa học xã hội, 1993.

27. Ngô Quang Nam, Xuân Thiêm (chủ biên). Địa chí Vĩnh Phú - Văn hoá dân gian vùng đất Tổ. Sở Văn hoá - Thông tin Vĩnh Phú Xb, 1986.

28. Nguyễn Đổng Chi (chủ biên). Địa chí văn hoá dân gian Nghệ Tĩnh - Vinh: Nghệ An, 1995.

29. Nguyễn Chí Bền, Vũ Ngọc Bình. Địa chí Gia Lai. -H: Văn hoá dân tộc, 1999.

30. Nguyễn Hồng Hà. Xây dựng môi trường văn hoá Thủ đô. Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật, 2001 - Số 5, tr.37-40.

31. Nguyễn Thị Thư. Hoạt động thông tin địa chí của thư viện tỉnh, thành phố phía Nam hiện nay. (Đề tài NCKH cấp Bộ), 2004.

32. Nguyễn Văn Cần. Địa chí văn hoá và vấn đề phát triển văn hoá hiện nay. (Luận án tiến sỹ khoa học lịch sử) -H., 2002.

33. Nguyễn Xuân Lân. Địa chí Vĩnh Phú. Ty Văn hoá Vĩnh Phú xb., 1974.

34. Phạm Đức Dương. Phương Đông và Phương Đông học. // Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á, 2000. - Số 6, - Tr 14-18.

35. Phan Huy Chú. Hoàng Việt địa dư chí. Phan Đăng dịch. - Huế: Thuận Hoá, 1997.

36. Phan Huy Chú. Lịch triều hiến chương loại chí. Tập 1 Dư địa chí, Nhân vật chí. Bản dịch của Viện sử học,. -H: Sử học, 1960.

37. Phan Hữu Dật, Ngô Đức Thịnh, Lê Ngọc Thắng, Nguyễn Xuân Độ. Sắc thái văn hoá địa phương và tộc người trong chiến lược phát triển đất nước. -H: Khoa học xã hội, 1998.

38. Thạch Phương, Đoàn Tứ (chủ biên). Địa chí bến Tre, -H: Khoa học xã hội, 1991.

39. Trần Bạch Đằng (chủ biên). Địa chí tỉnh Sông Bé - NXB Tổng hợp sông Bé, 1991.

40. Trần Quốc Vượng. Việt Nam cái nhìn địa - văn hoá. -H: Văn hoá dân tộc, 1998.

41. Trần Quốc Vượng. Cơ sở văn hoá Việt Nam. -H: Giáo dục, 2000.

42. Trần Văn Giáp. Tìm hiểu kho sách Hán Nôm. Tập 1 -H: Thư viện Quốc gia xb. 1970.

43. Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng (chủ biên). Địa chí văn hoá thành phố Hồ Chí minh (4 tập). - NXB TP Hồ Chí Minh, 1987.

44. Trịnh Hoài Đức. Gia Định thành thông chí. Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo. -Sài Gòn, QVKĐTVH xb., 1972.

45. Viện Văn hoá dân gian. Văn hoá dân gian - những phương pháp nghiên cứu. -H: Khoa học xã hội, 1990.

46. Vũ Quỳnh. Lĩnh Nam chích quái. Bản dịch của Đinh Gia Khánh. -H: Văn hoá, 1960.

Tài liệu nước ngoài

47. Ardan du Picq Histoire d' une citadelle Annamite Bac Ninh, Imprimeried Extreme - Orient. Ha Noi. 1935.

48. Duong Thieu Tuong. Note sur la province de Thai Binh, 1933.

49. Gourou, P. Les paysans du delta Tonkinois, Etude de geographie humaine, 1932.

50. Nguyen Van Huyen. Le Bac Ninh (Ou Kinh Bac: Tableau de geographie administrative d,une province Annamite), 1938.

MỤC LỤC

Trang

LỜI MỞ ĐẦU 3

CHƯƠNG I : KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ 5

1.1. Một số khái niệm cơ bản 5

1.1.1. Địa chí 5

1.1.2. Địa chí học 9

1.1.3. Địa chí văn hoá 11

1.1.4. Địa chí văn hoá dân gian 20

1.2. Đặc trưng của địa chí văn hoá 21

1.2.1. Tính địa vực 22

1.2.2. Tính tổng hợp 22

1.2.3. Tính cô động, cơ bản, khách quan 23

1.2.4. Tính tư liệu 25

1.2.5. Tính liên tục 25

1.3. Phân loại địa chí văn hoá 25

1.3.1. Theo địa dư 28

1.3.2. Theo thời kỳ lịch sử 32

1.3.3. Theo nội dung phản ánh 35

1.3.4. Theo mục đích sử dụng và đối tượng độc giả 38

1.3.5. Theo một số tiêu chí khác 39

Trang

1.4. Giá trị của địa chí văn hoá 41

1.4.1. Giá trị nhận thức 42

1.4.2. Giá trị văn hoá, giáo dục 44

1.4.3. Giá trị lịch sử 45

1.4.4. Giá trị kinh tế 46

1.4.5. Giá trị an ninh quốc phòng 47

CHƯƠNG 2: LỊCH SỬ ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM 49

2.1. Tài liệu ghi chép về Việt Nam thời Bắc thuộc 51

2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội 51

2.1.2. Các tài liệu tiêu biểu và nội dung của chúng 55

2.2. Tài liệu có tính chất địa chí thời Lý - Trần 59

2.2.1. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội 59

2.2.2. Các tài liệu tiêu biểu và nội dung của chúng 63

2.3. Địa chí văn hoá thời Lê - Nguyễn 69

2.3.1. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội 69

2.3.2. Các tài liệu tiêu biểu và nội dung của chúng 75

2.4. Địa chí văn hoá thời thuộc Pháp 104

2.4.1. Hoàn cảnh lịch sử - xã hội 104

2.4.2. Các tài liệu tiêu biểu và nội dung của chúng 107

2.5. Địa chí văn hoá từ sau cách mạng tháng Tám đến nay 116
2.5.1. Giai đoạn từ 1945 - 1975 116
2.5.2. Giai đoạn từ 1975 đến nay 119
CHƯƠNG 3: BỔ SUNG, BẢO QUẢN, KHAI THÁC, BIÊN SOẠN ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ 132
3.1. Bổ sung, bảo quản vốn địa chí văn hoá 132
3.1.1. Bổ sung vốn địa chí văn hoá 132
3.1.2. Bảo quản vốn địa chí văn hoá 135
3.2. Khai thác địa chí văn hoá 139
3.2.1. Nhiệm vụ khai thác 139
3.2.2. Đối tượng khai thác 148
3.2.3. Công cụ khai thác 151
3.2.4. Hình thức khai thác 157
3.3. Phương pháp biên soạn địa chí văn hoá 161
3.3.1. Phương pháp luận 161
3.3.2. Phương pháp chung 163
3.3.3. Phương pháp cụ thể 171
KẾT LUẬN 180
HƯỚNG DẪN TỰ HỌC 184
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 187

ĐỊA CHÍ VĂN HOÁ

VIỆT NAM

Giá: 31.500đ